

# Tiêu chuẩn FairWild

## Phiên bản 2.0

Các chỉ số thực hiện

Được phê duyệt bởi Hội đồng FairWild vào ngày 26 tháng 8 năm 2010

Bộ kiểm tra dành cho tự đánh giá và các giám sát điểm cho Chứng nhận FairWild.

Tài liệu này được sử dụng cùng với bộ Tiêu chuẩn FairWild: Phiên bản 2.0.

Tài liệu này, và các tài liệu khác liên quan tới Tiêu chuẩn FairWild:

Phiên bản 2.0 có sẵn trên trang web của FairWild: [www.FairWild.org](http://www.FairWild.org).



# Tiêu chuẩn FairWild

**Phiên bản 2.0**

***Các chỉ số thực hiện***

**Được phê duyệt bởi Hội đồng FairWild vào ngày 26 tháng 8 năm 2010**

**Bộ kiểm tra dành cho tự đánh giá và các *giám sát điểm* cho Chứng nhận FairWild.**

**Tài liệu này được sử dụng cùng với bộ Tiêu chuẩn FairWild: Phiên bản 2.0.**

**Tài liệu này**, và các tài liệu khác liên quan tới *Tiêu chuẩn FairWild: Phiên bản 2.0* có sẵn trên trang web của FairWild: [www.FairWild.org](http://www.FairWild.org).

**Để biết thêm thông tin**, hãy liên hệ theo địa chỉ sau:

Ban Thư ký Tổ chức FairWild  
CH-8570 Weinfelden, Weststr. 51  
Thụy Sĩ  
Tel: +41-(0)71-626 0 626  
Fax: +41-(0)71-626 0 623  
E-mail: [info@FairWild.org](mailto:info@FairWild.org)

**Các ý kiến đóng góp** về *Tiêu chuẩn FairWild: Phiên bản 2.0 / Chỉ số thực hiện* rất được hoan nghênh. Hãy gửi các câu hỏi và ý kiến đóng góp tới địa chỉ: [info@FairWild.org](mailto:info@FairWild.org)

**Trích dẫn:** Tổ chức FairWild. 2010. *Tiêu chuẩn FairWild: Phiên bản 2.0 / Chỉ số thực hiện*. Tổ chức FairWild, Weinfelden, Thụy Sĩ.

©**Tổ chức FairWild, Thụy Sĩ**

**Việc sao chép** tài liệu này cho mục đích giáo dục hoặc các mục đích phi phương mại khác, hoặc bởi các bên sử dụng *Tiêu chuẩn FairWild* để sử dụng nội bộ, được cho phép mà không cần phải có văn bản đồng ý trước của bên giữ bản quyền với điều kiện là phải trích dẫn nguồn đầy đủ.

Việc sao chép/tái bản tài liệu này với mục đích bán lại hoặc các mục đích thương mại khác sẽ không được phép khi chưa có văn bản đồng ý trước của bên giữ bản quyền.

**Lời cảm ơn** xin được gửi tới các đơn vị sau vì sự hỗ trợ kinh phí và các đóng góp đặc biệt cho việc xuất bản tài liệu này:

Cơ quan liên bang về Bảo tồn Thiên nhiên (BfN), Chính phủ Đức  
WWF Đức

Viện Thị trường sinh thái (IMO)

Viện bảo tồn thiên nhiên quốc tế, Đảo Vilm, Đức

Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ)

Các cộng đồng, các hợp tác xã thu hái, các viện nghiên cứu, các cơ quan chính phủ và các công ty tham gia vào việc thu hái, chế biến và kinh doanh các sản phẩm thu hái từ tự nhiên.

# Mục lục

## **GIỚI THIỆU: CÁCH SỬ DỤNG CÁC CHỈ SỐ THỰC HIỆN FAIRWILD**

**Áp dụng hệ thống đánh giá đối với các yêu cầu của chứng nhận FairWild**

**Đánh giá rủi ro của việc thu hái không bền vững trong tự nhiên đối với các loài mục tiêu**

## **PHẦN I. CHỈ SỐ FAIRWILD CHO TẤT CẢ CÁC CÔNG TY THU HÁI SẢN PHẨM TỪ TỰ NHIÊN**

### **0.1. Các giám sát đệm cơ bản**

**Nguyên tắc 1: Giữ gìn các nguồn tài nguyên thực vật hoang dã**

- 1.1. Tình trạng bảo tồn của các loài mục tiêu
- 1.2. Các hoạt động thu hái dựa vào kiến thức
- 1.3. Tính bền vững của mực độ thu hái

**Nguyên tắc 2: Ngăn chặn các tác động tiêu cực lên môi trường**

- 2.1. Các loài và sinh cảnh nhạy cảm
- 2.2. Quản lý sinh cảnh

**Nguyên tắc 3: Tuân thủ luật, các quy định và thỏa thuận**

- 3.1. Quyền sở hữu, quản lý và sử dụng tài nguyên
- 3.2. Các điều luật, quy định và yêu cầu hành chính

**Nguyên tắc 4: Tôn trọng các quyền mang tính phong tục tập quán và chia sẻ lợi ích**

- 4.1. Quyền sử dụng, thực hành và tiếp cận mang tính truyền thống và di sản văn hóa
- 4.2. Chia sẻ lợi ích

**Nguyên tắc 5: Thúc đẩy mối quan hệ hợp đồng công bằng giữa đơn vị điều hành và người thu hái**

- 5.1. Mối quan hệ hợp đồng công bằng
- 5.2. Không có sự phân biệt đối xử đối với những người thu hái

**Nguyên tắc 6: Hạn chế sự tham gia của trẻ em trong các hoạt động thu hái**

- 6.1. Trẻ em và người thu hái vị thành niên
- 6.2. Người thu hái sử dụng lao động trẻ em để làm công việc thu hái

6.3. Trẻ em giúp đỡ bố mẹ trong việc thu hái

**Nguyên tắc 7: Bảo đảm lợi ích cho những người thu hái và cộng đồng của họ**

- 7.1. Công bằng giá và chi trả cho người thu hái
- 7.2. Sử dụng và quản lý quỹ phúc lợi FairWild

**Nguyên tắc 8: Bảo đảm điều kiện làm việc công bằng cho tất cả lao động làm việc thu hái**

- 8.1. Các quyền lao động cơ bản cho nhân viên thu hái
- 8.2. Môi trường làm việc an toàn cho nhân viên thu hái
- 8.3. Các điều kiện làm việc công bằng đối với tất cả nhân viên

**Nguyên tắc 9: Áp dụng các thông lệ quản lý có trách nhiệm**

- 9.1. Kế hoạch quản lý loài/khu vực
- 9.2. Điều tra, đánh giá, giám sát
- 9.3. Thực hiện các biện pháp thu hái bền vững bởi người thu hái
- 9.4. Đào tạo và nâng cao năng lực
- 9.5. Tính minh bạch

**Nguyên tắc 10: Áp dụng các thực tiễn kinh doanh có trách nhiệm**

- 10.1. Các điều kiện về thị trường/người mua
- 10.2. Truy xuất nguồn gốc
- 10.3. Khả năng tài chính và các mối quan hệ thương mại có trách nhiệm

**Nguyên tắc 11: Thúc đẩy cam kết của người mua**

**PHẦN II. CÁC CHỈ SỐ FAIRWILD BỔ SUNG CHO LOÀI CÓ NGUY CƠ CAO**

- 1.1. Tình trạng bảo tồn của loài có nguy cơ cao
- 1.2. Các hoạt động thu hái dựa vào kiến thức
- 1.3. Tính bền vững của mức độ thu hái
- 9.1. Kế hoạch quản lý loài/khu vực
- 9.2. Điều tra, đánh giá và giám sát
- 9.3. Thực hiện các biện pháp thu hái bền vững

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**PHỤ LỤC 1. TỪ VIẾT TẮT**

**PHỤ LỤC 2. CÁC THUẬT NGỮ**

# GIỚI THIỆU: CÁCH SỬ DỤNG CÁC CHỈ SỐ THỰC HIỆN FAIRWILD

Tài liệu này bao gồm các nguyên tắc và tiêu chí của Tiêu chuẩn FairWild: Phiên bản 2.0 và xác định các chỉ số thực hiện cho việc tự đánh giá và Chứng nhận FairWild. Các chỉ số thực hiện này được xây dựng như là những giám sát điểm cho việc đánh giá sự tuân thủ của đơn vị xin cấp Chứng nhận đối với các yêu cầu của Tiêu chuẩn FairWild<sup>1</sup>. Các chỉ số thực hiện cũng có thể được sử dụng như là bộ kiểm tra dành cho việc tự đánh giá tính bền vững của các hoạt động thu hái đối với các Nguyên tắc và Tiêu chí của Tiêu chuẩn FairWild: Phiên bản 2.0 trong trường hợp Chứng nhận không phải là kết quả mong đợi. Các chỉ số thực hiện này cũng có thể giúp cho các bên quan tâm hiểu về việc áp dụng thực tế các nguyên tắc và tiêu chí FairWild để xây dựng và thực hiện các hoạt động sinh thái, xã hội và kinh tế có đóng góp vào việc thu hái bền vững các loài tự nhiên.

Tài liệu này là văn bản đi kèm của Tiêu chuẩn FairWild: Phiên bản 2.0<sup>1</sup>, trong đó mô tả việc áp dụng và mục đích, phạm vi, việc xây dựng, quản lý và cấu trúc của Tiêu chuẩn FairWild. Các chữ viết tắt và thuật ngữ trong cả hai tài liệu này được định nghĩa trong các Phụ lục của bộ Tiêu chuẩn chính. Cả hai tài liệu này đều có sẵn trên trang web của Tổ chức FairWild ([www.FairWild.org](http://www.FairWild.org)).

Trong tài liệu này, các thuật ngữ “thực vật mục tiêu” hay “nguồn tài nguyên mục tiêu”, được hiểu là bao gồm tất cả các loài thực vật, nấm và địa y được lựa chọn để đánh giá theo Tiêu chuẩn FairWild.

## ÁP DỤNG HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA CHỨNG NHẬN FAIRWILD

Hệ thống đánh giá Tiêu chuẩn FairWild được thiết kế nhằm hỗ trợ cho việc tiếp tục cải thiện việc thực hiện và hoàn thành các hoạt động sinh thái, xã hội và kinh tế có đóng góp vào việc thu hái bền vững các loài tự nhiên ở những

---

<sup>1</sup> Tổ chức FairWild. 2010. *Tiêu chuẩn FairWild: Phiên bản 2.0*. Tổ chức FairWild, Weinfelden, Thụy Sĩ.

mức độ phù hợp, và để chứng tỏ sự cam kết vượt ra ngoài thực hiện tối thiểu. Tiêu chuẩn FairWild gồm 11 nguyên tắc và 29 tiêu chí. Đối với mỗi nguyên tắc trong 10 nguyên tắc đầu tiên và các tiêu chí liên quan áp dụng cho các hoạt động thu hái loài tự nhiên, các chỉ số / giám sát điểm được xác định bởi các thông số định lượng hoặc định tính có thể kiểm chứng được để giám sát, kiểm tra sự tuân thủ của một đơn vị đối với các tiêu chí. Trong hệ thống đánh giá Fairwild mỗi chỉ số / giám sát điểm cho thấy các mức độ tăng dần của sự tuân thủ, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tự đánh giá hoặc đánh giá bởi bên thứ ba và cho phép nghiên cứu từng bước quá trình.

Hệ thống đánh giá cho phép các đơn vị xin cấp Chứng nhận có sự linh hoạt trong việc đáp ứng các tiêu chí của Tiêu chuẩn FairWild tùy theo tình hình cụ thể, trong khi vẫn đảm bảo mức độ thực hiện chung cao thông qua việc tuân thủ các yêu cầu Chứng nhận tối thiểu đã được quy định rõ ràng.

### ***Chăm điểm các giám sát điểm và yêu cầu tiêu chuẩn***

0= Thực hiện kém / không tuân thủ

1= Chưa đủ, nhưng đã có những cải thiện tích cực hướng tới đáp ứng các yêu cầu của FairWild

**2= Tiêu chuẩn cho thu hái bền vững đối với từng chỉ số / giám sát điểm; đáp ứng thỏa đáng tiêu chí FairWild**

3= Thực hiện tốt: cao hơn các yêu cầu tiêu chuẩn

**M= Thể hiện “YÊU CẦU TỐI THIỂU”**, ví dụ, yêu cầu này phải luôn được hoàn thành để được cấp Chứng nhận

**MAX** = Số điểm có thể đạt được tối đa đối với chỉ số / giám sát điểm tương ứng

**Tổng số điểm tiêu chuẩn (TNP)** = Tổng số điểm nếu tất cả các yêu cầu được đáp ứng đầy đủ (tất cả các điểm đều được cho điểm “2”)

**Điểm số:** phần này được thực hiện bởi cơ quan đánh giá hoặc có thể được sử dụng cho tự đánh giá với số điểm mà hoạt động đạt được cho giám sát điểm tương ứng.

## Các yêu cầu tối thiểu

Để được cấp Chứng nhận, một hoạt động phải đáp ứng được hai loại yêu cầu dưới đây:

1. Tất cả các yêu cầu **M= TỐI THIỂU** phải được đáp ứng. Chỉ một số chỉ số / giám sát điểm được đưa vào trong các yêu cầu tối thiểu. Một số chỉ số / giám sát điểm chỉ trở thành các yêu cầu **TỐI THIỂU** trong năm thứ hai hoặc năm thứ ba của quá trình chứng nhận bởi vì hầu hết các đơn vị sẽ cần thêm thời gian để thu thập thông tin cần thiết hoặc để xây dựng mức độ hoạt động cụ thể (xem Bảng 1).

**Bảng 1. Các yêu cầu thực hiện tối thiểu để được Chứng nhận FairWild**

Năm chứng nhận	Yêu cầu tối thiểu
“1=M” hoặc “2=M”	Mức độ thực hiện <b>TỐI THIỂU</b> phải được đáp ứng cho năm chứng nhận thứ nhất.
“M từ năm thứ 2”:	Các hoạt động để đạt được mức độ thực hiện <b>TỐI THIỂU</b> phải được tiến hành trong năm thứ nhất của quá trình chứng nhận, và mức độ thực hiện cần thiết phải được đáp ứng trong năm thứ 2 của quá trình chứng nhận.
“M từ năm thứ 3”	Các hoạt động để đạt được mức độ thực hiện <b>TỐI THIỂU</b> phải được tiến hành trong hai năm đầu của quá trình chứng nhận, và mức độ thực hiện cần thiết phải được đáp ứng trong năm thứ 3 của quá trình chứng nhận.

2. Bên cạnh đó, để được Chứng nhận FairWild thì **tỷ lệ tối thiểu trong Tổng số điểm tiêu chuẩn** phải tăng dần qua các năm. Tỷ lệ tối thiểu trong tổng số điểm tiêu chuẩn cần thiết cho năm đầu chứng nhận là 60%, dần tăng lên 100% sau năm năm.

## ĐÁNH GIÁ RỦI RO CỦA VIỆC THU HÁI KHÔNG BỀN VỮNG TRONG TỰ NHIÊN ĐỐI VỚI CÁC LOÀI MỤC TIÊU

Việc thu hái trong tự nhiên gây ra áp lực khác nhau đối với mỗi loài. Đối với một số loài, rủi ro của việc thu hái không bền vững trong tự nhiên có thể là rất thấp. Đối với các loài này, các công việc liên quan tới quản lý thu hái từ



tự nhiên (kể cả thu thập thông tin, đánh giá nguồn tài nguyên và giám sát tác động của việc thu hái) có thể không đòi hỏi nhiều biện pháp nghiêm ngặt (và do đó không yêu cầu nhiều về chuyên môn, thời gian, độ chính xác và chi phí). Đối với các loài phải chịu rủi ro cao từ việc thu hái không bền vững trong tự nhiên thì các công ty thu hái, người thu hái và cơ quan quản lý tài nguyên cần phải có các biện pháp nghiêm ngặt hơn (đòi hỏi chuyên môn, thời gian, độ chính xác và chi phí cao hơn) để chứng minh và xác nhận rằng khối lượng và hoạt động thu hái là thực sự bền vững.

Tài liệu này đưa ra hai bộ chỉ số thực hiện: một bộ (liệt kê trong Phần I) áp dụng chung cho tất cả các loài mục tiêu và các công ty thu hái, và bộ thứ hai (liệt kê trong Phần II) áp dụng bổ sung cho bất kỳ loài nào được Tổ chức FairWild xác định là có nguy cơ cao bị thu hái không bền vững trong tự nhiên.

Rất nhiều yếu tố góp phần vào nguy cơ thu hái không bền vững các loài mục tiêu trong tự nhiên. Một số các yếu tố này và ảnh hưởng của chúng tới nguy cơ thu hái không bền vững trong tự nhiên được đề cập trong Bảng 2. Đối với nhiều loài thường được thu hái trong tự nhiên, việc xác định đúng hạng mục nguy cơ có thể được thực hiện dựa vào thông tin có sẵn từ các nguồn đã công bố và từ các công ty thu hái hiện tại. Tuy nhiên, đối với rất nhiều loài thực vật, địa y và nấm được thu hái từ tự nhiên, cần phải có nỗ lực đặc biệt, bao gồm cả sự tham gia của người có chuyên môn phù hợp, để thu thập đầy đủ các thông tin liên quan trước khi tiến hành xác định hạng mục nguy cơ.<sup>2</sup>

Các đơn vị xin cấp Chứng nhận FairWild nên liên hệ với Tổ chức FairWild ([info@FairWild.org](mailto:info@FairWild.org)) để được hỗ trợ trong việc xác định hạng mục nguy cơ phù hợp cho từng loài và các công ty thu hái.

---

<sup>2</sup> Tài liệu hướng dẫn được chuẩn bị để thực hiện Nguyên tắc 1 của ISSC-MAP Phiên bản 1.0, hiện tại là Nguyên tắc 1 của Tiêu chuẩn FairWild: Phiên bản 2.0, có thể được tìm thấy ở LEAMAN and CUNNINGHAM (2008), có tại trang web [www.FairWild.org](http://www.FairWild.org).

**Bảng 2. Các điều kiện / yếu tố ảnh hưởng tới nguy cơ thu hái không bền vững các loài mục tiêu từ tự nhiên<sup>3</sup>**

Điều kiện / yếu tố	<b>NGUY CƠ THẤP</b> (Các yêu cầu thấp hơn về thông tin, chuyên môn, thời gian và chi phí)	<b>NGUY CƠ TRUNG BÌNH</b> (Các yêu cầu vừa phải về thông tin, chuyên môn, thời gian và chi phí)	<b>NGUY CƠ CAO</b> (Các yêu cầu cao hơn về thông tin, chuyên môn, thời gian và chi phí)
<b>Tình trạng bảo tồn</b>	Không bị đe dọa (đã được đánh giá)  Quản thể và chất lượng nguồn tài nguyên ổn định (không suy giảm)	Không biết (chưa được đánh giá)  Quản thể và chất lượng nguồn tài nguyên không được biết đến là đang suy giảm	Bị đe dọa (đã được đánh giá)  Quản thể, chất lượng nguồn tài nguyên đang suy giảm
<b>Phân loại loài / nhận dạng trên thực địa</b>	Không có sự nhầm lẫn với loài khác  Dễ dàng nhận ra bởi người thu hái	Sự nhầm lẫn với các loài khác được quản lý tốt qua việc cung cấp tài liệu tập huấn và thu hái	Phân loại loài không rõ ràng  Dễ dàng bị nhầm lẫn với các loài khác trong khu vực thu hái
<b>Phân bố địa lý</b>	Rộng khắp	Có giới hạn	Hạn chế
<b>Sinh cảnh:</b>  <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Đặc trưng</b></li> <li>• <b>Phức tạp</b></li> </ul>	Rộng khắp (phân bố đồng đều hơn)  Thâm thực vật chiếm ưu thế bởi một số loài	Đặc trưng, nhưng thường được tìm thấy ở một sinh cảnh cụ thể  Tính đa dạng thấp (như hoang mạc)	Rất đặc trưng (phân bố không đều)  Các hệ thống tính đa dạng cao

<sup>3</sup> Dựa theo CUNNINGHAM (2001) và PETERS (1994).

Điều kiện / yếu tố	<b>NGUY CƠ THẤP</b> (Các yêu cầu thấp hơn về thông tin, chuyên môn, thời gian và chi phí)	<b>NGUY CƠ TRUNG BÌNH</b> (Các yêu cầu vừa phải về thông tin, chuyên môn, thời gian và chi phí)	<b>NGUY CƠ CAO</b> (Các yêu cầu cao hơn về thông tin, chuyên môn, thời gian và chi phí)
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dễ bị tác động</li> </ul>	Không có mối nguy hiểm nào đối với sinh cảnh được biết tới	Các mối đe dọa có thể được quản lý / kiểm soát	Các mối đe dọa nằm ngoài hoạt động thu hái và khó kiểm soát (như mất sinh cảnh, biến đổi khí hậu)
<b>Kích thước quần thể địa phương</b>	Lớn, phong phú	Trung bình tới lớn	Luôn luôn nhỏ
<b>Bộ phận cây được sử dụng</b>	Lá, hoa, quả	Dịch, nhựa, gỗ mục	Toàn bộ cây, vỏ, rễ, thân, ngọn
<b>Tỷ lệ tăng trưởng / tái sinh</b>	Nhanh	Khá nhanh	Chậm
<b>Sinh học sinh sản:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thu phấn</li> <li>• Phát tán hạt</li> </ul>	Gió, vô sinh, vô tính  Gió, nước	Sinh vật thông thường (chim, côn trùng)  Các loài thông thường (chim, thú nhỏ)	Rất đặc trưng (bọ cánh cứng, ong, dơi)  Các loài thú lớn và chim lớn
<b>Nhu cầu thương mại</b>	Rất phong phú (không thiếu nguyên liệu trong thương mại)	Nhu cầu thương mại ổn định	Thiếu nguyên liệu trong thương mại. Nhu cầu thương mại gia tăng

Điều kiện / yếu tố	<b>NGUY CƠ THẤP</b> (Các yêu cầu thấp hơn về thông tin, chuyên môn, thời gian và chi phí)	<b>NGUY CƠ TRUNG BÌNH</b> (Các yêu cầu vừa phải về thông tin, chuyên môn, thời gian và chi phí)	<b>NGUY CƠ CAO</b> (Các yêu cầu cao hơn về thông tin, chuyên môn, thời gian và chi phí)
<b>Sử dụng đơn lẻ và đa dạng</b>	Đơn lẻ hoặc không cạnh tranh	Xung đột giữa các hình thức sử dụng ít, thấp	Các loài được sử dụng đa dạng
<b>Nhóm sử dụng đơn lẻ và đa dạng</b>	Một công ty hoặc cộng đồng người thu hái	Nhiều hơn một công ty / cộng đồng thu hái, nhưng có thỏa thuận quản lý rõ ràng	Nhiều hơn một công ty / cộng đồng thu hái, không có thỏa thuận quản lý

# PHẦN I. CHỈ SỐ FAIRWILD CHO TẤT CẢ CÁC CÔNG TY THU HÁI SẢN PHẨM TỰ NHIÊN

Các chỉ số thực hiện dưới đây áp dụng cho tất cả các công ty thu hái FairWild và tất cả các loài mục tiêu. Đối với bất cứ loài mục tiêu nào được xác định là có nguy cơ cao bị thu hái không bền vững trong tự nhiên, các yêu cầu tối thiểu cao hơn và một số chỉ số bổ sung sẽ được áp dụng. Các chỉ số này được liệt kê trong Phần II của tài liệu này.

## 0.1. Các giám sát điểm cơ bản

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 0.1 Giám sát điểm cơ bản	TỐI ĐA	Điểm số
0.1.a	<b>Sự sẵn sàng có mặt của người quản lý thu hái trong quá trình đánh giá, cho phép tiếp cận</b> tài liệu, địa điểm hoạt động và khu vực thu hái: (0) việc tiếp cận bị hạn chế rõ ràng; (1) không phải tất cả các tài liệu và nhân viên đều sẵn sàng nhưng không có dấu hiệu cho thấy là việc tiếp cận bị hạn chế; (2) nhân viên và tài liệu đều sẵn sàng trong quá trình đánh giá; (3) nhân viên tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh giá.	3	
0.1.b	<b>Thông báo về những thay đổi quan trọng trong quá trình thu hái và các hoạt động</b> cho cơ quan cấp chứng nhận (thay đổi địa chỉ, thay đổi địa điểm thu hái, các hoạt động mới, khối lượng thu hái tối đa / dự kiến): (0) không thông báo về những thay đổi quan trọng; (1) một số thay đổi nhỏ không được thông báo; (2) thông báo về những thay đổi HOẶC không có thay đổi; (3) chủ động thông tin cho cơ quan cấp chứng nhận.	3	

## NGUYÊN TẮC 1: GÌN GIỮ CÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN THỰC VẬT HOANG DÃ

Việc thu hái các nguồn tài nguyên thực vật hoang dã có thể được tiến hành ở một phạm vi và mức độ và trong một chừng mực mà quần thể loài và các loài được duy trì một cách dài hạn.

## 1.1. Tình trạng bảo tồn của các loài mục tiêu

Tình trạng bảo tồn của các loài mục tiêu và quần thể loài được đánh giá và xem xét thường xuyên.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 1.1 Tình trạng bảo tồn của các loài mục tiêu	TỐI ĐA	Điểm số
1.1.a	<b>Tình trạng bảo tồn</b> hiện tại của các loài thực vật được thu hái: (0) tình trạng không được biết đến / kiểm tra; (1) một số thông tin chưa hoàn chỉnh hoặc đã không còn có giá trị; <b>(2=M) tình trạng bảo tồn toàn cầu và / hoặc quốc gia / khu vực được biết đến và được đưa vào</b> đánh giá nguồn tài nguyên hoặc hồ sơ loài; (3) đơn vị có đóng góp vào đánh giá định kỳ / đánh giá lại tình trạng bảo tồn.	3 2= M	
	<i>Loài có nguy cơ cao → Xem chỉ số bổ sung 1.1.b (Phần II)</i>		

TỔNG		TỐI ĐA	TNP	Điểm số
Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số		3	2	

## 1.2. Các hoạt động thu hái dựa vào kiến thức

Các hoạt động thu hái và quản lý được dựa trên việc nhận diện, lập sơ đồ, kiểm kê, đánh giá và giám sát đúng mức các loài mục tiêu và những tác động của việc thu hái.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 1.2 Các hoạt động thu hái dựa vào kiến thức	TỐI ĐA	Điểm số
1.2.a	<b>Các loài bị đe dọa đã được biết đến có trong danh sách của công ty thu hái:</b> (0) công ty thu hái thu thập những loài bị đe dọa – ngay cả khi chúng không thuộc phạm vi Chứng nhận FairWild; không có kế hoạch đưa các loài này vào phạm vi quản lý của FairWild; (2) công ty thu hái không thu thập bất cứ loài nào <b>bị đe dọa</b> cho mục đích thương mại, không phải là loài mục tiêu FairWild cũng không nằm ngoài phạm vi Chứng nhận FairWild HOẶC có kế hoạch ngừng việc thu hái các loài này trong vòng 2 năm; (3) toàn bộ công ty thu hái có cam kết rõ ràng đối với thu hái bền vững, như có những nỗ lực đáng kể để đưa	3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 1.2 Các hoạt động thu hái dựa vào kiến thức	TỐI ĐA	Điểm số
	tất cả các loài vào trong phạm vi quản lý FairWild.		
1.2.b	<b>Các loài mục tiêu của thu hái được xác định rõ ràng:</b> (0) không có nhận dạng chính thức, thường xuyên có sự nhầm lẫn; (1) mức độ chính xác về nhận dạng loài thấp; <b>(2=M)</b> mẫu tiêu bản được cung cấp từ địa điểm thu hái với tên khoa học chính xác cũng như tên địa phương và tên thương mại đã được xác định rõ ràng; (3) mô tả đặc điểm thực vật / chuyên khảo thực vật rất tốt và sự hài hòa với tên địa phương hoặc tên thương mại HOẶC những đóng góp / nỗ lực đặc biệt nhằm giải quyết sự lẫn lộn về phân loại / địa phương đối với các loài mục tiêu.	3 2=M	
1.2.c	<b>Lập sơ đồ các quần thể mục tiêu trong các khu vực thu hái:</b> (0) không thể hiện trên bản đồ cũng không có kiến thức tốt về vị trí của quần thể mục tiêu; (1) dấu hiệu gần đúng về các quần thể mục tiêu; vị trí chính xác tại khu vực thu hái không thực sự được biết đến hoặc chỉ lập sơ đồ rất cơ bản (như vẽ tay / bản đồ tải từ trên mạng xuống) nhưng các vị trí được người quản lý và tất cả những người thu hái biết rất rõ; <b>(2=M từ năm thứ 2) bản đồ sơ bộ xác định các khu vực thu hái và vị trí của các quần thể mục tiêu</b> (toàn bộ khu vực thu hái, nếu có thể); (3) có kiến thức rất tốt và tài liệu về địa điểm thu hái / các quần thể mục tiêu trong khu vực thu hái. <i>Loài có nguy cơ cao → xem chỉ số bổ sung 1.2.c (Phần II)</i>	3 2=M từ năm thứ 2	
1.2.d	<b>Các bản đồ thể hiện tất cả các nguồn ô nhiễm tiềm ẩn chính (các thị trấn, khu công nghiệp, bãi rác, khu vực thâm canh nông nghiệp):</b> (0) không đưa vào trong bản đồ mặc dù có trên thực tế; (1) có phác thảo trên bản đồ hoặc mô tả bằng văn bản; (2) được thể hiện trên bản đồ và mô tả trong kế hoạch quản lý / các quy định thu hái nếu cần thiết; (3) có bản đồ rất chi tiết và / hoặc hệ thống để thông tin về ranh giới nội bộ cho người thu hái.	3	
1.2.e	<b>Các khu vực thu hái tách riêng khỏi đất nông nghiệp:</b> (0) thu hái từ các khu đất nông nghiệp có cường độ canh tác cao, như cây liền với ruộng; <b>(1=M)</b> thu hái từ các khoảng đất bỏ hoang / cây mọc ở những khu đất nông nghiệp có cường độ canh tác thấp, các loài mục tiêu mọc tự phát và không có nguồn gây ô nhiễm; (2) các địa điểm thu hái tách biệt hẳn khỏi đất nông nghiệp; (3) các khu	3 1=M	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 1.2 Các hoạt động thu hái dựa vào kiến thức	TỐI ĐA	Điểm số
	vực thu hái tự nhiên, không có canh tác nông nghiệp.		
1.2.f	<b>Hướng dẫn thu hái nội bộ:</b> (0) không có hướng dẫn thu hái bằng văn bản hay hướng dẫn rõ ràng bằng lời nói; (1) hoạt động thu hái nhất quán; không có văn bản; <b>(2=M từ năm thứ 2) hướng dẫn thu hái bằng văn bản, bao gồm cả mô tả bằng văn bản về các hoạt động thu hái truyền thống bền vững;</b> các hướng dẫn xác định rõ các phương pháp thu hái cho tất cả các loài mục tiêu; (3) người thu hái và người quản lý thu hái thường xuyên rà soát lại và chỉnh sửa các hướng dẫn thu hái bằng văn bản (và bằng lời nói).	3 2=M từ năm thứ 2	
1.2.g	<b>Các hướng dẫn thu hái xác định địa điểm thu hái và các phương pháp thu hái</b> cho từng loài mục tiêu / bộ phận của loài: (0) không có, không đầy đủ; (1) có các hướng dẫn cơ bản; <b>(2=M từ năm thứ 3) có đầy đủ các hướng dẫn thu hái</b> dựa trên đánh giá nguồn tài nguyên theo loài và lập địa cụ thể và thông tin giám sát, kê cả thông tin về bất kỳ địa điểm nào nằm ngoài phạm vi thu hái; (3) ngoài ra: các hướng dẫn thu hái được hoàn thiện giúp cho người thu hái áp dụng một cách thực tế và hiệu quả, và các hoạt động quản lý địa phương / truyền thống được xem xét đến.	3 2=M từ năm thứ 3	
1.2.h	<b>Các hướng dẫn thu hái quy định hạn mức thu hái tối đa được phép (khối lượng, tần suất, thời kỳ):</b> (0) không có hướng dẫn, thông tin không đầy đủ về hạn mức thu hái; (1) có một số thông tin cơ bản về hạn mức thu hái; <b>(2=M từ năm thứ 3) quy định đầy đủ và rõ ràng</b> về hạn mức thu hái; (3) ngoài ra: các hướng dẫn thu hái được hoàn thiện giúp cho người thu hái áp dụng một cách thực tế và hiệu quả. <i>(Chất lượng dữ liệu và tính bền vững của những khối lượng tối đa này được đánh giá trong phần 1.3)</i>	3 2=M từ năm thứ 3	
1.2.i	<b>Tuổi sinh học / cấp kính tối thiểu được phép khai thác được quy định cho các loài mục tiêu và địa điểm thu hái trong các hướng dẫn thu hái nội bộ:</b> (0) không có quy định và không có nỗ lực rõ ràng nhằm xác định cấp tuổi / kính; (1) có nỗ lực rõ ràng trong việc xác định cấp tuổi / kính thước; <b>(2=M nếu liên quan, xem ở dưới) các cấp tuổi / kính đáng tin cậy và thực tế được phép khai thác được xác định rõ</b> và các tác động đến cấu trúc quần	3 2=M nếu liên quan	



Số giám sát điểm	Giám sát điểm 1.2 Các hoạt động thu hái dựa vào kiến thức	TỐI ĐA	Điểm số
	thê / tái sinh / thay thế được giám sát. <i>Không phải là yêu cầu tối thiểu nếu như không áp dụng trực tiếp (cây ăn quả hàng năm / lâu năm, hoa, lá, loài có nguy cơ thấp). Không phù hợp → (2)</i>		
1.2.j	<b>Các quy định thu hái ngăn ngừa việc lãng phí các nguồn tài nguyên được thu hái:</b> (0) sự lãng phí là phổ biến; (1) các quy định thu hái có thể dẫn đến tình trạng lãng phí và hoạt động kém; (2) các quy định thu hái bao gồm các hoạt động tốt nhằm giảm thiểu tình trạng lãng phí; (3) Có những nỗ lực đặc biệt nhằm giảm thiểu tình trạng lãng phí.	3	
1.2.k	<b>Chỉnh sửa các quy định thu hái nội bộ :</b> (0) không có chỉnh sửa nào hoặc không có bằng chứng cho thấy có sự rà soát lại các quy định; (1) việc rà soát và chỉnh sửa không dựa trên việc giám sát các tác động thu hái theo loài và lập địa cụ thể; <b>(2=M từ năm thứ 3)</b> các quy định thu hái được rà soát và chỉnh sửa dựa trên việc giám sát các tác động thu hái theo loài và lập địa cụ thể; (3) có nỗ lực rõ ràng trong việc thường xuyên rà soát và điều chỉnh các hoạt động thu hái nhằm phục hồi hoặc duy trì một cách bền vững tính đa dạng về cấu trúc và gen của các quần thể loài mục tiêu trong khu vực thu hái.	3 <b>2=M từ năm thứ 3</b>	
	<i>Loài có nguy cơ cao → Xem chỉ số bổ sung 1.2.1 (Phần II)</i>		

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>33</b>	<b>22</b>	

### 1.3. Tính bền vững của mức độ thu hái

Mức độ (cường độ và tần suất) của việc thu hái các tài nguyên mục tiêu không vượt quá khả năng tái sinh dài hạn của chúng.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 1.3 Tính bền vững của mức độ thu hái	TỐI ĐA	Điểm số
1.3.a	Có sẵn dữ liệu cơ bản về từng loài mục tiêu dưới dạng	3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 1.3 Tính bền vững của mức độ thu hái	TỐI ĐA	Điểm số
	văn bản (dạng mẫu biểu đặc điểm thực vật hoặc các tài liệu khác): Tên Latin và tên địa phương, các bộ phận thu hái, phương pháp thu hái, thời kỳ thu hái: (0) không có dữ liệu; (1) không đầy đủ; (2= <b>M</b> ) có đầy đủ dữ liệu cơ bản; (3) dữ liệu được chuẩn bị đầy đủ chi tiết cho từng loài, như chuyên khảo về thực vật.	2= <b>M</b>	
1.3.b	<b>Đối với mỗi loài mục tiêu, thông tin về</b> hệ thống tái sinh và tỷ lệ thay thế đều có sẵn (dưới dạng mẫu biểu đặc điểm thực vật hoặc các tài liệu khác): (0) không có thông tin; (1= <b>M</b> ) không được nghiên cứu, nhưng <b>kiến thức cơ bản</b> về tái sinh đủ để tìm hiểu về tính bền vững của thu hái; (2) có đủ thông tin; (3) nghiên cứu rất tốt.	3 1= <b>M</b>	
1.3.c	<b>Thông tin / điều tra cơ bản về loài mục tiêu</b> trong khu vực thu hái đều có sẵn, bao gồm cả thông tin về kích thước quần thể, phân bố, cấu trúc quần thể (cấp kính / tuổi), tỷ lệ sinh sản / tăng trưởng / tái sinh: (0) không có thông tin; (1= <b>M từ năm thứ 2</b> ) <b>thông tin gần đúng</b> dựa trên kiến thức của người thu hái hoặc chuyên gia; (2) đánh giá tài nguyên cơ bản dựa trên nghiên cứu hoặc tự thu thập số liệu; (3) đánh giá tài nguyên và hệ thống giám sát được thiết kế nhằm cải thiện thông tin cơ bản về loài mục tiêu và quần thể loài ở khu vực thu hái <i>Loài có nguy cơ cao → xem chỉ số bổ sung 1.3.c (Phần II)</i>	3 1= <b>M từ năm thứ 2</b>	
1.3.d	<b>Chất lượng của dữ liệu được sử dụng để xác định khối lượng thu hái tối đa cho từng loài mục tiêu:</b> (0) không có khối lượng tối đa hợp lý và không tham khảo các hoạt động thu hái dài hạn; (1= <b>M</b> ) có <b>ước lượng gần đúng về khối lượng tối đa</b> , như dựa trên việc thu hái dài hạn trong khu vực hoặc dựa trên những khái niệm chung (dựa vào kinh nghiệm - quy tắc ngón tay cái) chứ không theo loài và lập địa cụ thể; (2) các hạn mức thu hái được xác định qua đánh giá nguồn tài nguyên theo loài và lập địa cụ thể và thông tin giám sát cũng như kiến thức của người thu hái; (3) có hệ thống giám sát tài nguyên / quy định khối lượng tối đa rất tốt. <i>Loài có nguy cơ cao → xem chỉ số bổ sung 1.3.d (Phần II)</i>	3 1= <b>M</b>	
1.3.e	<b>Tính bền vững của khối lượng thu hái tối đa cho phép đối với loài mục tiêu / bộ phận được thu hái:</b> (0) không	3 1= <b>M</b>	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 1.3 Tính bền vững của mức độ thu hái	TỐI ĐA	Điểm số
	<p>có thông tin (dữ liệu tham khảo hoặc kinh nghiệm / quan sát về tác động thu hái đối với cá thể và quần thể loài mục tiêu); <b>(1=M từ năm thứ 1) không có dấu hiệu cho thấy rằng khối lượng thu hái tối đa hiện tại / được quy định làm giảm chất lượng nguồn tài nguyên</b> hoặc sự sẵn có của nguồn tài nguyên trong khu vực thu hái; (2) khối lượng thu hái tối đa quy định trong kế hoạch quản lý được xác định qua điều tra đầy đủ / sản lượng / khối lượng ước tính tái sinh mà khối lượng này thường là lớn hơn so với khối lượng được thu hái; khối lượng thu hái tối đa được điều chỉnh theo giám sát định kỳ về sản lượng, tái sinh và tác động thu hái; (3) khối lượng thu hái tối đa được xác nhận qua nghiên cứu mục tiêu.</p> <p><i>Loài có nguy cơ cao → xem chỉ số bổ sung 1.3.e (Phần II)</i></p>	từ năm thứ 1	
1.3.f	<p><b>Tính bền vững của tần suất thu hái như đã được xác định trước trong các hướng dẫn thu hái:</b> (0) việc thu hái về thực chất rõ ràng vượt quá tỷ lệ thay thế; <b>(1=M từ năm thứ 2)</b> chỉ có dữ liệu cơ bản và dữ liệu về giám sát, nhưng không có chỉ dấu cho thấy sự suy giảm của quần thể loài; (2) việc thu hái không vượt quá tỷ lệ thay thế của các cá thể trưởng thành hoặc bộ phận được thu hái của loài mục tiêu trong khu vực thu hái; (3) tần suất thu hái thấp hơn nhiều so với tỷ lệ thay thế.</p> <p><i>Loài có nguy cơ cao → xem chỉ số bổ sung 1.3.f (Phần II)</i></p>	3 1=M từ năm thứ 2	
1.3.g	<p><b>Thời kỳ được phép thu hái:</b> (0) không có quy định HOẶC thời kỳ thu hái không được xác định rõ ràng; (1) áp dụng thời kỳ thu hái truyền thống nhưng không xem xét đầy đủ tới chu kỳ sinh sản, nhưng không có dấu hiệu cho thấy sự suy giảm của quần thể; (2) thời kỳ được phép thu hái được xác định qua việc sử dụng các chỉ số thực tế và đáng tin cậy (như tính thời vụ, chu trình tuần hoàn của mưa, thời điểm ra hoa và kết trái) và dựa trên thông tin về chu kỳ sinh sản của loài mục tiêu; (3) thời kỳ được phép thu hái được xác định trên cơ sở khoa học, sử dụng các kết quả của đánh giá tài nguyên.</p>	3	
1.3.h	<p><b>Tài liệu tổng hợp về khối lượng thu hái (khối lượng cho từng khu vực và từng năm):</b> (0) không có tài liệu hoặc dữ liệu; (1) có tài liệu rất chung chung về khối lượng thu hái, dựa trên những ghi chép rất đơn giản về thu hoạch</p>	3 2=M từ năm thứ 3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 1.3 Tính bền vững của mức độ thu hái	TỐI ĐA	Điểm số
	<p>hàng năm; <b>(2=M từ năm thứ 3) dữ liệu tổng hợp phù hợp đã được ghi chép vào sổ sách</b>; bao gồm tất cả các thông tin liên quan tới kiểm tra tính bền vững lâu dài (như cấp tuổi / kính nếu có liên quan nhiều); (3) có tài liệu lưu trữ rất đáng tin cậy về thu hoạch hàng năm và dữ liệu tổng hợp.</p> <p><i>Đối với Chứng nhận đầu tiên → cần giới thiệu về hệ thống ghi dữ liệu để áp dụng trong tương lai.</i></p>		
1.3.i	<p><b>Tài liệu tổng hợp về thời kỳ thu hái thực tế và sản suất thu hái:</b> (0) không có thông tin; (1) thông tin đơn giản có sẵn trong những ghi chép về thu hoạch hàng năm, không được tổng hợp; (2) có sẵn đầy đủ thông về thời kỳ thu hái thực tế và sản suất thu hái; thông tin khẳng định sự tuân thủ theo các hướng dẫn thu hái; (3) có tài liệu tổng quan rất tốt về các hoạt động thu hái.</p> <p><i>Chứng nhận đầu tiên → (2) nếu có liên quan, dữ liệu sẽ được thu thập để tổng hợp trong tương lai.</i></p>	3	
1.3.j	<p><b>Trong trường hợp người thu hái bán sản phẩm thu hái được cho những người mua khác không nằm trong phạm vi chương trình FairWild:</b> (0) công ty thu hái đã được cấp Chứng nhận không có thông tin nào về tổng khối lượng thu hái trong khu vực thu hái; (1) có ước tính sơ bộ về khối lượng thu hái bởi các công ty khác; (2) tất cả khối lượng đã bán ra được người thu hái ghi chép vào hồ sơ bán hàng và hồ sơ này được đưa vào trong tài liệu lưu trữ / tài liệu tổng hợp về khối lượng thu hái – ngoài ra, các công ty thu hái cùng phối hợp với nhau và đối chiếu số liệu của mình để tính tổng khối lượng thu hái trong khu vực thu hái; (3) sự hợp tác chủ động giữa các công ty thu hái khác nhau. <i>Nếu không phù hợp → (2)</i></p>	3	
1.3.k	<p><b>Dữ liệu thu hái tổng hợp khẳng định sự tuân thủ:</b> (0) không có tài liệu hoặc dữ liệu, hoặc khối lượng thu hái vi phạm rõ ràng các hướng dẫn về thu hái bền vững → <i>đưa ra chi tiết</i>; (1) ghi chép đơn giản cho phép thực hiện một số kiểm tra chéo với các quy định thu hái, không có dấu hiệu của tình trạng thu hái quá mức; (2) dữ liệu thu hái phù hợp với hướng dẫn thu hái (bao gồm cả khối lượng thu hái được phép tối đa, loại kích thước, v.v.); (3) dữ liệu thu hái về thực chất thấp hơn so với khối lượng tối đa.</p>	3	
	<b>Loài có nguy cơ cao → xem chỉ số bổ sung 1.3.l (Phần II)</b>		

<b>TỔNG</b>	<b>TỐI ĐA</b>	<b>TNP</b>	<b>Điểm số</b>
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>33</b>	<b>22</b>	

## NGUYÊN TẮC 2: NGĂN CHẶN CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TIÊU CỰC

Các tác động tiêu cực gây ra bởi các hoạt động thu hái đối với các loài hoang dã khác, khu vực thu hái và khu vực xung quanh cần được ngăn chặn.

### 2.1. Các loài và sinh cảnh nhạy cảm

Các loài quý hiếm, bị đe dọa và nguy cấp và các sinh cảnh có thể bị tác động bởi việc thu hái và quản lý các loài mục tiêu được xác định và bảo vệ.

<b>Số giám sát điểm</b>	<b>Giám sát điểm 2.1 Các loài và sinh cảnh nhạy cảm</b>	<b>TỐI ĐA</b>	<b>Điểm số</b>
2.1.a	<b>Thông tin về bất kỳ loài quý hiếm, bị đe dọa và nguy cấp và sinh cảnh nào</b> có thể bị tác động bởi việc thu hái nguồn tài nguyên mục tiêu: (0) không có thông tin về sự xuất hiện của các loài và sinh cảnh nhạy cảm trong khu vực thu hái và không có nỗ lực nào nhằm tìm hiểu về điều này; <b>(1=M từ năm thứ 2)</b> tìm kiếm sơ bộ thông tin, bao gồm cả kiến thức của địa phương / người thu hái, hỗ trợ đánh giá tổng thể để khẳng định rằng việc thu hái chắc chắn không có ảnh hưởng tới các loài và sinh cảnh nhạy cảm; (2) các chuyên gia / cơ quan quản lý nguồn tài nguyên có liên quan đã được tham vấn và thông tin chính xác được đưa vào trong kế hoạch quản lý; kế hoạch quản lý phản ánh bất kỳ yêu cầu quản lý có liên quan nào nhằm tránh các tác động tiêu cực tới các loài và sinh cảnh nhạy cảm trong khu vực thu hái; (3) đánh giá nguồn tài nguyên và các cơ chế giám sát chủ động thu tập và tài liệu hóa các thông tin về tác động của việc thu hái các loài mục tiêu tới các loài và sinh cảnh nhạy cảm trong khu vực thu hái.	3 1= M từ năm m thứ 2	
2.1.b	<u>Các điểm bổ sung cho cam kết tự nguyện (không có yêu cầu tiêu chuẩn): Các chức năng hệ sinh thái đặc biệt của loài mục tiêu:</u> (1) tìm kiếm sơ bộ thông tin về các	(3)	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 2.1 Các loài và sinh cảnh nhạy cảm	TỐI ĐA	Điểm số
	chức năng hệ sinh thái đặc biệt; (2) các chuyên gia / cơ quan quản lý nguồn tài nguyên có liên quan đã được tham vấn và thông tin chính xác được đưa vào trong kế hoạch quản lý; kế hoạch quản lý phản ánh bất kỳ yêu cầu có liên quan nào nhằm tránh các tác động tiêu cực tới các chức năng hệ sinh thái đặc biệt của các loài mục tiêu; (3) đánh giá nguồn tài nguyên và giám sát chủ động thu tập và tài liệu hóa các thông tin về các chức năng hệ sinh thái đặc biệt của các loài mục tiêu.		

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số	6	2	

## 2.2. Quản lý sinh cảnh (cấp độ cảnh quan)

Các hoạt động quản lý hỗ trợ cho việc thu hái các loài mục tiêu trong tự nhiên không ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính đa dạng, quá trình và chức năng của hệ sinh thái.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 2.2 Quản lý sinh cảnh (cấp độ cảnh quan)	TỐI ĐA	Điểm số
2.2.a	Bất kỳ hoạt động quản lý sinh cảnh hiện có nào được tiến hành trong khu vực thu hái: (0) không được biết đến; (1) chỉ được biết một cách chung chung, nhưng không được mô tả bằng văn bản; (2) được mô tả trong kế hoạch quản lý; (3) được phối hợp tích cực với kế hoạch quản lý loài mục tiêu.	3	
2.2.b	<b>Xác định và giám sát các tác động tiêu cực</b> của các hoạt động thu hái và quản lý trong khu vực thu hái (như những thiệt hại do phương pháp thu hái gây ra, những thay đổi về cấu trúc, chức năng và dịch vụ hệ sinh thái): (0) không có giám sát, không nhận biết được những tác động tiêu cực hiện có hoặc tiềm ẩn; (1) không có mô tả chi tiết hoặc giám sát nhưng rõ ràng rằng không có / có nguy cơ rất thấp về tác động tiêu cực của việc thu hái; (2) được giám sát và mô tả trong kế hoạch quản lý; (3) được giám sát và mô tả	3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 2.2 Quản lý sinh cảnh (cấp độ cảnh quan)	TỐI ĐA	Điểm số
	rất tốt.		
2.2.c	<b>Các phương pháp và công cụ thu hái được áp dụng là phù hợp:</b> (0) thiệt hại ở cấp độ sinh cảnh do việc thu hái gây ra là rõ ràng; (1) các biện pháp nhằm tránh thiệt hại đang được xác định, chưa được thực hiện; <b>(2=M từ năm thứ 3) không có thiệt hại ở cấp độ sinh cảnh hoặc các biện pháp /</b> chiến lược nhằm tránh thiệt hại ở cấp độ sinh cảnh do các phương pháp thu hái gây ra được xác định trong kế hoạch quản lý và được thực hiện tại địa điểm thu hái; (3) giám sát định kỳ cho thấy rằng các biện pháp áp dụng là phù hợp nhằm tránh thiệt hại ở cấp độ sinh cảnh do việc thu hái gây ra.	3 2= M từ năm m thứ 3	
2.2.d	<b>Sử dụng các đầu vào bị cấm bởi các tiêu chuẩn hữu cơ có liên quan</b> (như phân hóa học): (0) các đầu vào bị cấm đã được sử dụng trong ba năm gần đây ở nhiều nơi; (1) việc sử dụng quy mô nhỏ có thể đã xảy ra, hệ thống rất cơ bản nhằm loại bỏ chúng khỏi thu hái; <b>(2=M) các đầu vào bị cấm chưa từng được sử dụng HOẶC</b> các đầu vào bị cấm chỉ được sử dụng ở những địa điểm xác định đã được biết đến và những khu vực bị tác động có thể được <b>loại bỏ khỏi thu hái</b> một cách hiệu quả; (3) lưu trữ hồ sơ rõ ràng về thời kỳ quản lý không sử dụng các đầu vào bị cấm, đủ đáp ứng các tiêu chuẩn hữu cơ liên quan.	3 2= M	
2.2.e	<b>Tác động của hoạt động quản lý cấp độ cảnh quan và loài mục tiêu tập trung đối với các loài nhạy cảm, cấu trúc và chức năng hệ sinh thái</b> (như các hoạt động quản lý loài mục tiêu nhằm giảm thiểu sự cạnh tranh với hoặc thúc đẩy sự tăng trưởng của loài mục tiêu, làm giàu rừng): (0) các hoạt động quản lý này đang diễn ra nhưng không có giám sát tác động; <b>(1=M) các hoạt động quản lý này đang diễn ra cùng với giám sát tác động</b> thông qua kế hoạch quản lý; (2) có bằng chứng qua tài liệu từ giám sát cho thấy rằng các hoạt động này không gây ra tác động tiêu cực tới các loài nhạy cảm hoặc cấu trúc, tính đa dạng và chức năng của hệ sinh thái trong khu vực khai thác; (3) có nỗ lực đặc biệt nhằm cải thiện các hoạt động quản lý hiện tại. <i>Nếu không liên quan → (2)</i>	3 1= M	

<b>TỔNG</b>	<b>TỐI</b>	<b>TNP</b>	<b>Điểm</b>
-------------	------------	------------	-------------

	<b>ĐA</b>		<b>số</b>
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>15</b>	<b>10</b>	

### **NGUYÊN TẮC 3: TUÂN THỦ LUẬT, CÁC QUY ĐỊNH VÀ CÁC THỎA THUẬN**

Các hoạt động quản lý và thu hái sẽ được tiến hành theo các thỏa thuận về sở hữu đất hợp pháp và tuân thủ các luật, các quy định và thỏa thuận liên quan.

#### **3.1. Quyền sở hữu, quản lý và sử dụng tài nguyên**

Những người thu hái và các nhà quản lý có quyền và thẩm quyền rõ ràng và được thừa nhận về sử dụng và quản lý các nguồn tài nguyên mục tiêu.

<b>Số giám sát điểm</b>	<b>Giám sát điểm 3.1 Quyền sở hữu, quản lý và sử dụng đất</b>	<b>TỐI ĐA</b>	<b>Điểm số</b>
3.1.a	<b>Xác định rõ ràng các khu vực thu hái trong tự nhiên:</b> (0) không được xác định; (1) xác định mơ hồ/không rõ ràng; <b>(2=M từ năm thứ 2) khu vực thu hái được xác định rõ ràng</b> có đường ranh giới cụ thể, và khu vực thu hái trùng với nhận thức của người thu hái về khu vực thu hái; (3) có hệ thống rất tốt. <i>Nếu không phù hợp → (2)</i>	3 2= M từ năm thứ 2	
3.1.b	<b>Chi tiết về sở hữu, quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đất của khu vực thu hái:</b> (0) không được biết đến; (1) các thỏa thuận về thu hái không chính thức / không được xác định rõ ràng; (2) các chi tiết được biết đến và được khẳng định qua một thời kỳ đủ dài để hoàn thành các mục tiêu quản lý nguồn tài nguyên đã được đề cập; (3) người sử dụng riêng lẻ với hệ thống cấp phép thu hái đang hoạt động.	3	
3.1.c	<b>Sở hữu chung, quyền sở hữu và quyền sử dụng đất</b> đảm bảo rằng hoạt động thu hái được chứng nhận sẽ không có xung đột với các hoạt động khác của chủ sở hữu hoặc những người sử dụng được cho phép khác: (0) có xung đột lớn; (1) có một số rủi ro tiềm ẩn về xung đột với những người sử dụng khác; có một số bước tiến đầu tiên hướng tới sự hợp tác; (2) không có xung đột HOẶC công ty thu hái đang lôi kéo những người sử dụng khác tham gia vào	3	



	kế hoạch quản lý và chứng tỏ nỗ lực đảm bảo thu hái bền vững kể cả trong tình hình có nhiều người sử dụng; (3) có nỗ lực đặc biệt để xây dựng một hệ thống đa sử dụng bền vững.		
3.1.d	<b>Hệ thống điều chỉnh hoạt động</b> bảo vệ khu vực quản lý khỏi các hoạt động không được phép: (0) các hoạt động trái phép rõ ràng đang xảy ra; (1) không có hệ thống điều chỉnh hoạt động, nhưng không có xung đột hoặc mối đe dọa tiềm ẩn nào đối với các hoạt động thu hái; (2) có hệ thống điều chỉnh hoạt động HOẶC công ty thu hái chứng minh có hệ thống phù hợp tương ứng để đảm bảo tính toàn vẹn của khu vực thu hái; (3) công ty thu hái hợp tác chặt chẽ với / hỗ trợ hệ thống điều chỉnh hoạt động.	3	
3.1.e	<b>Giấy phép thu hái / thỏa thuận rõ ràng / điều kiện sử dụng khu vực thu hái:</b> (0) không có giấy phép mặc dù yêu cầu là phải có; (1) hệ thống sử dụng không chính thức; (2=M) công ty thu hái có <b>giấy phép thu hái / thỏa thuận còn giá trị</b> cho tất cả các loài được thu hái. Nếu không có hệ thống cấp phép, có thể khẳng định rằng công ty thu hái có quyền sử dụng và quản lý các nguồn tài nguyên được thu hái – ví dụ hệ thống sử dụng truyền thống đã có từ lâu.	2 2= M	

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số	14	10	

### 3.2. Luật, quy định và các yêu cầu hành chính

Việc thu hái và quản lý các nguồn tài nguyên mục tiêu tuân thủ tất cả các thỏa thuận quốc tế và luật quốc gia và địa phương, các quy định và các yêu cầu hành chính, bao gồm những luật liên quan đến loài và khu vực được bảo vệ

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 3.2 Luật, quy định và các yêu cầu hành chính	TỐI ĐA	Điểm số
3.2.a	<b>Kiến thức về các luật, quy định và yêu cầu hành chính có liên quan</b> liên quan tới thu hái (kể cả cho mục đích nghiên cứu và điều tra hoạt chất sinh học) và xuất khẩu: (0) không hề được biết tới; (1) có một số hiểu biết	3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 3.2 Luật, quy định và các yêu cầu hành chính	TỐI ĐA	Điểm số
	ơ bản; (2) được biết tới và hiểu bởi công ty thu hái; (3) đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm và có kiến thức.		
3.2.b	Kế hoạch quản lý, các thủ tục, hướng dẫn công việc và hợp đồng đáp ứng <b>các yêu cầu về luật, quy định và hành chính có liên quan về quản lý thu hái và xuất khẩu</b> , bao gồm giấy phép xuất khẩu đối với các loài bị cấm: (0) hoàn toàn không tuân thủ, các cán bộ không biết về các quy định có liên quan; <b>(2=M từ năm thứ 3)</b> đáp ứng các yêu cầu; (3) vượt yêu cầu.	3 2=M từ năm thứ 3	

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	

## NGUYÊN TẮC 4: TÔN TRỌNG CÁC QUYỀN MANG TÍNH PHONG TỤC TẬP QUÁN VÀ CHIA SẼ LỢI ÍCH

Các quyền mang tính phong tục tập quán của cộng đồng địa phương và người bản địa về sử dụng và quản lý khu vực thu hái và nguồn tài nguyên mục tiêu hoang dã phải được thừa nhận, tôn trọng và bảo vệ

### 4.1. Quyền sử dụng, thực hành và tiếp cận mang tính truyền thống và di sản văn hóa

Các cộng đồng địa phương và người bản địa có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp hoặc theo phong tục duy trì sự kiểm soát, ở mức độ cần thiết nhằm bảo vệ quyền lợi, kiến thức hoặc tài nguyên truyền thống của mình, đối với các công ty thu hái.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 4.1 Quyền sử dụng, thực hành và tiếp cận mang tính truyền thống và di sản văn hóa	TỐI ĐA	Điểm số
4.1.a	<b>Kiến thức về các quyền hợp pháp và theo phong tục, sử dụng / thông lệ truyền thống và tầm quan trọng về văn hóa và tín ngưỡng</b> của loài mục tiêu và các loài khác và sinh cảnh của chúng: (0) không hề được biết đến; (1) có sẵn một số thông tin; (2) kiến thức của công ty thu hái khá tốt; (3) kiến thức của công ty thu hái rất tốt và tất cả các nghiên cứu liên quan tới các luật hợp pháp và theo phong tục, bao gồm cả tham vấn thích hợp, đều đã được tiến hành.	3	
4.1.b	<b>Bất kỳ quyền sử dụng truyền thống / thông lệ và tiếp cận theo phong tục nào (kể cả tầm quan trọng về văn hóa và tín ngưỡng của loài mục tiêu và bất kỳ điều khoản nào về chia sẻ lợi ích):</b> (0) không được đưa vào / xem xét trong kế hoạch quản lý; (1) được xem xét không chính thức vào một số giai đoạn, nhưng tuyệt đối không được đưa vào kế hoạch quản lý; <b>(2=M từ năm thứ 3)</b> được đưa vào trong đánh giá nguồn tài nguyên hoặc kế hoạch quản lý; (3) được nghiên cứu và xác định rõ và những hỗ trợ toàn diện đã được cung cấp (những nỗ lực đặc biệt như thúc đẩy sự thành lập các trạm khám bệnh và phát thuốc địa phương và hỗ trợ tập huấn cho nhà nghiên cứu thảo mộc / người hành nghề được / lưu trữ tài liệu và đăng ký sử dụng truyền thống, hoặc thúc đẩy / hỗ trợ / bảo vệ quyền sử dụng theo văn hóa / tín ngưỡng nếu có)- <i>Nếu không phù hợp → (2)</i>	3 2= M từ năm thứ 3	
4.1.c	<b>Các tác động tiềm ẩn của các hoạt động thu hái nguồn</b>	3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 4.1 Quyền sử dụng, thực hành và tiếp cận mang tính truyền thống và di sản văn hóa	TỐI ĐA	Điểm số
	<p><b>tài nguyên mục tiêu</b> đối với các quyền sử dụng / thông lệ và tiếp cận truyền thống và di sản văn hóa ở khu vực thu hái: (0) không có sự nghiên cứu / kiến thức về các tác động hiện có; (2) các tác động được phân tích (bao gồm cả dòng người thu hái) và mô tả; (3) có các nỗ lực mạnh mẽ nhằm phân tích và xem xét các quyền sử dụng / thông lệ và tiếp cận truyền thống, và tất cả các biện pháp thích hợp đã được áp dụng để ngăn ngừa bất kỳ rủi ro tiêu cực nào, kể cả tình trạng chia rẽ xã hội. <i>Nếu không phù hợp → (2)</i></p>		
4.1.d	<p><b>Các biện pháp được thực hiện để ngăn ngừa tổn thất hoặc thiệt hại</b> có ảnh hưởng tới các quyền hợp pháp và theo phong tục, các nguồn tài nguyên, an toàn sức khỏe hoặc sinh kế của các cộng đồng địa phương và người bản địa: (0) việc thu hái rõ ràng có tác động tiêu cực lớn tới các cộng đồng địa phương; (1) có một số nỗ lực nhằm giảm nhẹ tổn thất hoặc thiệt hại; <b>(2=M)</b> các biện pháp thích hợp được thực hiện nhằm đảm bảo rằng việc thu hái / sử dụng vì mục đích thương mại các loài mục tiêu không vi phạm hay làm mất đi các quyền / thông lệ hợp pháp hoặc theo phong tục; (3) thúc đẩy các quyền theo phong tục và kiến thức bản địa (ví dụ ở các cộng đồng và / hoặc ở cấp độ chính trị). <i>Nếu không phù hợp → (2)</i></p>	3 2= M	
4.1.e	<p><b>Các cơ chế đền bù và giải quyết khiếu nại công bằng đối với những thiệt hại hoặc tổn thất lớn tới cộng đồng địa phương:</b> (0) có sự không tôn trọng rõ ràng hoặc những tổn thất / thiệt hại lớn; (1) có một số nỗ lực và trao đổi về đền bù; <b>(2=M từ năm thứ 3)</b> có đền bù thỏa đáng trong trường hợp có tổn thất hoặc thiệt hại lớn. Có các cơ chế hiệu quả và phù hợp nhằm giải quyết khiếu nại, kể cả việc đình chỉ hoạt động thu hái; (3) đặc biệt có biện pháp giảm nhẹ / đền bù tốt, bao gồm các cơ chế hợp đồng thích hợp và các cơ chế khác về phân phối lợi ích và một loạt các lợi ích về tài chính và phi tài chính. <i>Nếu không phù hợp → (2)</i></p>	3 2= M From Yr 3	
4.1.f	<p><b>Sự sẵn có, khả năng tiếp cận và chất lượng của nguồn tài nguyên mục tiêu</b> (như các loài cây thuốc) để sử dụng ở địa phương và sử dụng truyền thống: (0) không tiếp cận được các nguồn tài nguyên thực vật quan trọng để sử dụng ở địa phương do hoạt động thu hái; <b>(1=M)</b> có một số giới hạn, nhưng sự sẵn có của nguồn tài nguyên nhìn chung là đủ; (2) các nguồn tài nguyên không bị làm suy yếu hoặc</p>	3 1= M	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 4.1 Quyền sử dụng, thực hành và tiếp cận mang tính truyền thống và di sản văn hóa	TỐI ĐA	Điểm số
	giảm bớt bởi việc thu hái vì mục đích thương mại; (3) có sự thúc đẩy / hỗ trợ việc sử dụng các nguồn tài nguyên mục tiêu ở địa phương hoặc quyền thu hái đối với những người có thói quen sử dụng thảo dược địa phương/ truyền thống.		

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số	18	12	

## 4.2. Chia sẻ lợi ích

Các thỏa thuận với cộng đồng địa phương và người bản địa được xây dựng dựa trên kiến thức đầy đủ và thích hợp về quyền sở hữu, quyền tiếp cận, các yêu cầu quản lý và giá trị nguồn tài nguyên. Những thỏa thuận này đảm bảo việc chia sẻ lợi ích công bằng và hợp lý cho tất cả các bên liên quan.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 4.2 Chia sẻ lợi ích	TỐI ĐA	Điểm số
4.2.a	<b>Các thỏa thuận về tiếp cận nguồn tài nguyên và chi sẻ lợi ích (ABS)</b> với các cộng đồng địa phương và / hoặc người bản địa: (0) không có thỏa thuận ABS nào; (1) có một số nỗ lực, nhưng chỉ có các thỏa thuận không chính thức; <b>(2=M từ năm thứ 3)</b> có các thỏa thuận công bằng và hợp lý bằng văn bản và được chấp nhận chung về sử dụng các nguồn tài nguyên và kiến thức bản địa có liên quan; các thỏa thuận ABS đầy đủ ít nhất đang được chuẩn bị; (3) đã có các thỏa thuận ABS đầy đủ và được tất cả các bên chấp nhận, có xem xét đến các nguyện vọng được bày tỏ một cách thoải mái của những người nắm giữ kiến thức bản địa và các đại diện cộng đồng địa phương, những nhu cầu của họ và tình hình cụ thể. Các thỏa thuận ABS có cân nhắc đến lợi ích chính đáng của những người nắm giữ kiến thức bản địa không tham gia vào thỏa thuận ABS. <i>Nếu không phù hợp (xem lưu ý hướng dẫn dành cho người đánh giá) → (2)</i>	3 <b>2=M từ năm thứ 3</b>	
4.2.b	<b>Các thỏa thuận:</b> (0) không hề có; (1) không đầy đủ; <b>(2=M)</b> phù hợp với các <b>luật và quy định</b> quốc tế và quốc	3 <b>2=M</b>	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 4.2 Chia sẻ lợi ích	TỐI ĐA	Điểm số
	gia có liên quan tới ABS cũng như bảo vệ các kiến thức bản địa; (3) vượt quá các yêu cầu luật pháp và tuân theo các thực tiễn tốt nhất đã được thừa nhận. <i>Nếu không phù hợp → (2)</i>		
4.2.c	<b>Các thỏa thuận về tiếp cận nguồn tài nguyên, chia sẻ lợi ích và sử dụng kiến thức bản địa:</b> (0) cộng đồng địa phương và / hoặc người bản địa rõ ràng không đồng ý hoặc không được thông tin đầy đủ trước khi ký thỏa thuận; (1) các cộng đồng địa phương nhận được một số thông tin cơ bản; <b>(2=M từ năm thứ 2)</b> có <b>sự đồng thuận trước (PIC)</b> của cộng đồng sở hữu nguồn tài nguyên và những người nắm giữ kiến thức bản địa và đạt được các điều khoản được đồng ý chung (MAT) đối với việc tiếp cận kiến thức này và sự chia sẻ công bằng các lợi ích thu được từ việc sử dụng kiến thức. (Với những trường hợp sử dụng mới cần có PIC mới); (3) được xây dựng theo quá trình có sự tham gia và toàn diện, có xem xét tới năng lực đàm phán và kỹ năng luật pháp khác nhau của các bên liên quan (như tư vấn luật pháp độc lập). <i>Nếu không phù hợp → (2)</i>	3 2=M từ năm thứ 2	
4.2.d	<b>Các thỏa thuận phản ánh các nguồn kiến thức / thông tin về khoa học, địa phương, ngành nghề và các nguồn khác</b> có liên quan tới giá trị của nguồn tài nguyên: (0) rõ ràng là thông tin được giấu kín đối với các cộng đồng; (1) có ít nghiên cứu / kiến thức về phía bên kia; <b>(2=M từ năm thứ 2)</b> các thỏa thuận phản ánh thông tin cập nhật; thông tin liên quan được trao đổi thoải mái và cởi mở liên quan tới giá trị của các nguồn tài nguyên; (3) có thỏa thuận rất rõ ràng trong đó tất cả các nguồn có liên quan đều được xem xét đầy đủ. <i>Nếu không phù hợp → (2)</i>	3 2=M từ năm thứ 2	
4.2.e	Các thỏa thuận được những người hưởng lợi <b>cho là/đánh giá là:</b> (0) không công bằng; (2) <b>công bằng</b> ; (3) rất công bằng. <i>Nếu không phù hợp → (2)</i>	3	
4.2.f	<b>Tác động tích cực của hoạt động thu hái tới cộng đồng địa phương:</b> (0) không có tác động tích cực hoặc thậm chí tiêu cực nào (như cản trở sử dụng theo truyền thống, vi phạm các giá trị linh thiêng); (1) có một số tác động tích cực ở địa phương; (2) việc thu hái và chế biến các sản	3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 4.2 Chia sẻ lợi ích	TỐI ĐA	Điểm số
	phẩm thu hái từ tự nhiên được tiến hành theo cách giúp đẩy mạnh và đa dạng hóa nền kinh tế địa phương (như tạo công ăn việc làm ở địa phương, quyền sở hữu, đầu tư); (3) tác động rất tích cực ở địa phương.		

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>18</b>	<b>12</b>	

## NGUYÊN TẮC 5: THỨC ĐẨY MỐI QUAN HỆ HỢP ĐỒNG CÔNG BẰNG GIỮA ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI THU HÁI

Những người thu hái có cách thức tiếp cận với những thông tin cần thiết để thể hiện mối quan tâm của họ và tham gia vào các quyết định liên quan tới Quỹ tiền thưởng Fairwild. Không có sự phân biệt đối xử đối với những người thu hái

### 5.1. Mối quan hệ hợp đồng công bằng

Quan hệ kinh tế giữa công ty và người thu hái là công bằng và minh bạch, cho phép người thu hái tham gia vào các quyết định quan trọng như việc sử dụng tiền thưởng hoặc các thỏa thuận về giá

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 5.1 Mối quan hệ hợp đồng công bằng	TỐI ĐA	Điểm số
5.1.a	<b>Thông tin về khối lượng có thể bán cho đơn vị điều hành thu hái:</b> Người thu hái nhận được: (0) không có thông tin nào; (2) thông tin cơ bản về khối lượng gần đúng; (3) có sự trao đổi thông tin rất tốt từ đơn vị điều hành thu hái tới người thu hái về khối lượng.	3	
5.1.b	<b>Mối quan hệ giữ người thu hái và đơn vị điều hành thu hái:</b> Người thu hái cảm thấy: (0) bị bạc đãi (quan hệ hợp đồng không tốt nhưng chấp nhận được); (2) được đối xử tương đối tốt trong mối quan hệ hợp đồng; (3) được đối xử rất tốt.	3	
5.1.c	<b>Công ty thu hái hướng mục tiêu tới các thỏa thuận</b>	3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 5.1 Mỗi quan hệ hợp đồng công bằng	TỐI ĐA	Điểm số
	<b>thu hái dài hạn với người thu hái:</b> Hợp đồng của người thu hái: (0) thường xuyên bị hủy; (2) chỉ bị hủy khi có các lí do thích hợp được dẫn chứng bằng tài liệu (chất lượng không đáp ứng yêu cầu, doanh số bán giảm sút) và người thu hái được thông báo đầy đủ; (3) công ty thu hái có mối quan hệ chặt chẽ với người thu hái và hầu hết những người thu hái đều làm việc dài hạn.		
5.1.d	<b>Quyền rút lui khỏi hoạt động thu hái:</b> Người thu hái: (0) không thể rút lui; (1) chính thức được phép rút lui nhưng sẽ gặp phải các vấn đề; (2) có thể rút lui khỏi hoạt động thu hái trong khuôn khổ thời gian thích hợp.	2	
5.1.e	<b>Trao đổi thông tin và xem xét lợi ích của người thu hái:</b> Công ty thu hái: (0) không thể hiện nỗ lực nào để cho người thu hái tham gia vào các quyết định, không có đối thoại nào với người thu hái; (1) có đối thoại không thường xuyên về giá cả và (nếu có liên quan) các dự án phát triển dự kiến của FairWild với một số ít người thu hái; <b>(2=M từ năm thứ 2) tổ chức một buổi đối thoại mở với người thu hái về các khía cạnh FairWild liên quan như trong quá trình tập huấn cho người thu hái và khuyến khích người thu hái bầu ra một ban đại diện để thay mặt họ thảo luận về các khía cạnh FairWild chính</b> (giá cả, sử dụng tiền thưởng, các vấn đề phát triển kinh doanh quan trọng mà người thu hái cần biết); (3) có mối quan hệ chặt chẽ và trao đổi thường xuyên với người thu hái HOẶC tổ chức người thu hái chính thức.	3 2=M từ năm thứ 2	
5.1.f	<b>Có một cơ cấu phù hợp để đại diện cho lợi ích của người thu hái trong quan hệ với công ty thu hái và để tham gia vào các quyết định về Quỹ tiền thưởng FairWild:</b> (0) không có cơ cấu dân chủ, không có sự tham gia nào; (2) tất cả những người thu hái có quyền biểu quyết để bầu ra đại diện của họ, những người sẽ là thành viên trong ban đại diện người thu hái để thảo luận với công ty thu hái về những mối quan tâm chính của người thu hái, như giá cả, và có tiếng nói trong các quyết định về Quỹ tiền thưởng FairWild; (3) tổ chức của người thu hái hoạt động rất tốt / tích cực.	3	

<b>TỔNG</b>	<b>TỐI ĐA</b>	<b>TNP</b>	<b>Điểm số</b>
-------------	---------------	------------	----------------



<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>17</b>	<b>12</b>	
---	-----------	-----------	--

## 5.2. Không có sự phân biệt đối xử đối với những người thu hái

Không có sự phân biệt đối xử đối với những người thu hái dựa trên chủng tộc, màu da, gốc gác, tôn giáo, giới tính hay quan điểm chính trị và khuyến khích phụ nữ đăng ký tham gia thu hái.

<b>Số giám sát điểm</b>	<b>Giám sát điểm 5.2 Không có sự phân biệt đối xử đối với người thu hái</b>	<b>TỐI ĐA</b>	<b>Điểm số</b>
5.2.a	<b>Các chính sách hoặc điều lệ của công ty</b> (hoặc các hướng dẫn tương tự được sử dụng hiệu quả): (0) hạn chế rõ ràng; (1) hạn chế không đáng kể; <b>(2=M) không hạn chế sự tham gia</b> vào nhóm người thu hái dựa trên chủng tộc, màu da, tôn giáo, giới tính, quan điểm chính trị, nguồn gốc dân tộc hoặc dòng dõi xã hội; (3) chủ động khuyến khích các nhóm bị thiệt thòi trở thành người thu hái.	3 <b>2=M</b>	
5.2.b	Các nhóm bị thiệt thòi (ngoài phụ nữ) bị: (0) loại ra một cách có hệ thống; (2) không bị loại ra một cách có hệ thống khỏi nhóm những người thu hái đã đăng ký (kể cả khi không có ai); (3) được khuyến khích trở thành người thu hái / tích cực tham gia vào nhóm (kể cả trong ban đại diện, hội đồng Quỹ tiền thưởng FairWild v.v.).	3	
5.2.c	<b>Những người thu hái (không kể thuộc vị trí xã hội, giới tính, chủng tộc ... nào) được hưởng các điều kiện như nhau (hợp đồng, tập huấn, giá được trả, v.v.):</b> (0) các điều kiện hợp đồng rất khác nhau; (1) các điều kiện khác nhau không đáng kể nhưng không có dấu hiệu cho thấy sự phân biệt đối xử có hệ thống; <b>(2=M từ năm thứ 2) được hưởng các điều kiện như nhau;</b> (3) có nỗ lực đặc biệt nhằm cung cấp các điều kiện tốt thậm chí cho các nhóm yếu thế HOẶC có các điều kiện chung rất tốt cho những người thu hái trong bối cảnh địa phương.	3 <b>2=M</b> từ năm thứ 2	
5.2.d	Phụ nữ: (0) bị loại ra ngoài; (1) không bị loại ra ngoài nhưng không có mặt trong các nhóm; (2) không bị loại ra khỏi việc đăng ký thành viên nhóm thu hái và ít nhất có một số người thu hái là phụ nữ. Vợ của những người thu hái đã đăng ký cũng có thể tham dự các buổi họp và tập huấn. (3) phụ nữ được khuyến khích tham gia vào nhóm	3	

	và trở thành thành viên chính thức của nhóm HOẶC rất nhiều phụ nữ là người thu hái đã đăng ký.		
--	--	--	--

<b>TỔNG</b>	<b>TỐI ĐA</b>	<b>TNP</b>	<b>Điểm số</b>
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>12</b>	<b>8</b>	

## NGUYÊN TẮC 6: HẠN CHẾ SỰ THAM GIA CỦA TRẺ EM TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG THU HÁI

Việc thu hái và chế biến phải được thực hiện mà không có sự tham gia của lao động trẻ em.

### 6.1. Trẻ em và người thu hái vị thành niên

Trẻ em không được ký hợp đồng làm người thu hái. Những người thu hái vị thành niên không được làm những công việc nguy hiểm.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 6.1 Trẻ em và người thu hái vị thành niên	TỐI ĐA	Điểm số
6.1.a	Công ty thu hái có: (0) ký hợp đồng với một số trẻ em; <b>(2=M) không ký hợp đồng với trẻ em dưới 15 tuổi</b> làm người thu hái. <i>Nếu có ký hợp đồng → phải đưa ra một kế hoạch cho thấy các hợp đồng hiện tại với những người thu hái là trẻ em sẽ được từng bước loại bỏ như thế nào trong vòng một năm và làm thế nào để đảm bảo rằng vào bất cứ thời điểm nào công việc được thực hiện phải không nguy hiểm tới sức khỏe, sự an toàn và không ảnh hưởng tới sự phát triển của trẻ em.</i>	2 2=M	
6.1.b	Nếu công ty thu hái ký hợp đồng với những người thu hái vị thành niên trong độ tuổi 15-18: (0) những người thu hái này làm các công việc nguy hiểm / không được giám sát; <b>(2=M từ năm thứ 2) công ty giám sát chặt chẽ để đảm bảo rằng hoạt động thu hái không nguy hiểm</b> tới sức khỏe, sự an toàn và không ảnh hưởng tới sự phát triển của những người thu hái vị thành niên.	2 2=M từ năm thứ 2	

<b>TỔNG</b>	<b>TỐI ĐA</b>	<b>TNP</b>	<b>Điểm số</b>
-------------	---------------	------------	----------------

## 6.2. Người thu hái ký hợp đồng với trẻ em để thực hiện công việc thu hái

Những người thu hái không ký hợp đồng với trẻ em để giúp họ trong công việc thu hái hay chế biến.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 6.2 Người thu hái ký hợp đồng với trẻ em để thực hiện công việc thu hái	TỐI ĐA	Điểm số
6.2.a	<b>Trẻ em dưới 12 tuổi được những người thu hái ký hợp đồng làm người lao động / hỗ trợ</b> (không bao gồm những trẻ em giúp bố mẹ trong việc thu hái – xem mục 6.3): (0) thỉnh thoảng trẻ em dưới 12 được ký hợp đồng làm người lao động/hỗ trợ; <b>(2=M) không có trẻ em dưới 12 tuổi được những người thu hái ký hợp đồng để giúp họ trong các hoạt động thu hái hoặc chế biến.</b> Nếu vẫn có một số người ký hợp đồng với trẻ em → công ty thu hái phải đưa ra kế hoạch nhằm giảm bớt và từng bước loại bỏ lao động trẻ em. Trẻ em chỉ làm những công việc không nguy hiểm.	2 2=M	
6.2.b	<b>Trẻ em trong độ tuổi từ 12 đến 15 được những người thu hái KÝ HỢP ĐỒNG làm người lao động / hỗ trợ:</b> Trẻ em trong độ tuổi này: (0) làm phần lớn các công việc; <b>(2=M từ năm thứ 2)</b> nếu thỉnh thoảng làm để lấy tiền tiêu vặt, chúng chỉ làm những <b>việc nhẹ và không nguy hiểm trong thời gian không phải đến trường.</b> Không quá khoảng 2 tiếng /ngày. Nếu trẻ em trong độ tuổi này làm các công việc nguy hiểm → có kế hoạch để điều chỉnh tình hình và trẻ em không tiếp tục làm các công việc nguy hiểm; (3) không có trẻ em nào trong độ tuổi này được ký hợp đồng bởi những người thu hái.	3 2=M từ năm thứ 2	
6.2.c	<b>Người thu hái vị thành niên (15-18 tuổi) ĐƯỢC KÝ HỢP ĐỒNG làm người lao động / hỗ trợ bởi những người thu hái:</b> (0) có; <b>(2=M) không tham gia</b> vào công việc nguy hiểm tới sức khỏe, sự an toàn và có thể ảnh hưởng tới sự phát triển của chúng HOẶC không có người thu hái vị thành niên. Nếu có → phải có kế hoạch để cải thiện tình hình.	2 2=M	

<b>TỔNG</b>	<b>TỐI ĐA</b>	<b>TNP</b>	<b>Điểm số</b>
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>7</b>	<b>6</b>	

### 6.3. Trẻ em giúp đỡ bố mẹ trong việc thu hái

Trẻ em tham gia rất ít vào việc thu hái và chỉ làm dưới sự giám sát.

<b>Số giám sát điểm</b>	<b>Giám sát điểm 6.3 Trẻ em giúp đỡ bố mẹ trong việc thu hái</b>	<b>TỐI ĐA</b>	<b>Điểm số</b>
6.3.a	<p><b>Trẻ em dưới 12 tuổi giúp đỡ bố mẹ trong việc thu hái hoặc chế biến tại nhà:</b> Trẻ em dưới 12 tuổi: (0) làm rất nhiều việc; (1) làm một số việc quan trọng nhiều hơn 2 tiếng /ngày (<b>2=M từ năm thứ 2</b>) <b>chỉ những việc rất nhẹ nhàng và không nguy hiểm liên quan tới việc thu hái:</b> thường xuyên ít hơn 2 tiếng / ngày ; dưới sự giám sát của bố mẹ; công việc không ảnh hưởng tới việc tới trường của trẻ; (3) trẻ em dưới 12 tuổi không hề hỗ trợ trong các hoạt động thu hái, nhận thức cao về các mối quan tâm liên quan tới lao động trẻ em và nhu cầu giáo dục cho trẻ em.</p> <p><i>Nếu trẻ em dưới 12 tuổi vẫn tiếp tục làm nhiều công việc hoặc làm những công việc nguy hiểm thì tình hình phải được đánh giá riêng biệt → công ty thu hái phải phối hợp với những người thu hái xây dựng một kế hoạch phù hợp nhằm chấm dứt tất cả các hoạt động nguy hiểm, dần dần giảm bớt / loại bỏ lao động trẻ em và cải thiện việc tới trường của trẻ. Tiến độ thực hiện kế hoạch này phải được chứng minh qua từng năm.</i></p>	3 <b>2=M từ năm thứ 2</b>	
6.3.b	<p><b>Trẻ em trong độ tuổi 12-15 giúp đỡ bố mẹ:</b> (0) rất phổ biến, trẻ em làm việc rất nhiều tiếng/ngày; (1) thỉnh thoảng, đối với một số người thu hái; (<b>2=M từ năm thứ 2</b>) <b>không làm việc QUAN TRỌNG</b> (nhiều hơn 3 tiếng/ngày) trong năm học hoặc khoảng 7 tiếng trong các kỳ nghỉ); công việc không nguy hiểm và phù hợp với độ tuổi; (3) trẻ em trong độ tuổi 12-15 không tham gia vào việc thu hái và chế biến thường xuyên (nhưng có thể phụ giúp một số hoạt động cụ thể để học việc); nhận thức cao về các mối quan tâm liên quan tới lao động trẻ em và nhu cầu giáo dục cho trẻ em. <i>Nếu trẻ em trong độ</i></p>	3 <b>2=M từ năm thứ 2</b>	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 6.3 Trẻ em giúp đỡ bố mẹ trong việc thu hái	TỐI ĐA	Điểm số
	<i>tuổi này làm các công việc quan trọng hay nguy hiểm, xem các nhận xét trong mục 6.3.a.</i>		
6.3.c	<b>Trẻ vị thành niên (15-17 tuổi) giúp đỡ gia đình trong việc thu hái và / hoặc chế biến:</b> (0) có tham gia; (2) không tham gia vào các việc nguy hiểm tới sức khỏe, sự an toàn và có thể ảnh hưởng tới sự phát triển của chúng HOẶC không giúp đỡ bố mẹ.	2	

TỔNG SỐ	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>8</b>	<b>6</b>	

## NGUYÊN TẮC 7: BẢO ĐẢM LỢI ÍCH CHO NHỮNG NGƯỜI THU HÁI VÀ CỘNG ĐỒNG CỦA HỌ

Các trung gian thương mại được giảm thiểu, những người thu hái được đảm bảo một mức giá hợp lý cho các sản phẩm họ thu hoạch được và vấn đề phát triển xã hội trong cộng đồng sẽ được hỗ trợ thông qua các công cụ của quỹ tiền thưởng Fairwild.

### 7.1. Công bằng giá và chi trả cho người thu hái

Công ty thu hái phải đảm bảo giá cả hợp lý được trả dài hạn cho người thu hái thông qua các yêu cầu minh bạch trong tính toán chi phí, để người thu hái tham gia vào các quyết định về giá, rút ngắn dây chuyền thương mại và đảm bảo kịp thời gian chi trả cho người thu hái.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 7.1 Công bằng giá và chi trả cho người thu hái	TỐI ĐA	Điểm số
7.1.a	<b>Cơ chế tính toán chi phí:</b> Công ty thu hái: (0) không tính toán chi phí; (1) chưa tính toán chi phí rõ ràng, nhưng có	3 2=	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 7.1 Công bằng giá và chi trả cho người thu hái	TỐI ĐA	Điểm số
	hiều biết cơ bản về các chi phí liên quan; ( <b>2=M từ năm thứ 3</b> ) ít nhất đã có tính toán chi phí cơ bản. Việc tính toán chi phí bao gồm các chi phí về thu hái, giá trả cho người thu hái, giá mua và chế biến, tổng chi phí và lợi nhuận cũng như giá bán, chi phí đánh giá nguồn tài nguyên và các hoạt động quản lý / giám sát nguồn tài nguyên một cách bền vững; (3) thực hiện tốt việc phân tích chi phí.	<b>M từ năm thứ 3</b>	
7.1.b	<b>Tính minh bạch của cơ chế tính toán chi phí và định giá:</b> Công ty cung cấp: (0) không; (1) rất ít; (2) đủ thông tin cơ bản; (3) thông tin rất chi tiết về cơ chế tính toán chi phí và định giá (ví dụ cho tổ chức đại diện của những người thu hái) nhằm cho phép thảo luận mở về giá trả cho người thu hái.	3	
7.1.c	<b>Người thu hái được trả:</b> (0) đôi khi không / rất chậm hoặc bằng hiện vật (như phân bón được tính giá quá cao); (1) khá thất thường / không chắc chắn về thời gian; ( <b>2=M</b> ) đáng tin cậy và đúng hạn, như đã thỏa thuận; (3) thanh toán trước (trên 20%) và số còn lại được trả đúng hạn. <i>Chứng nhận đầu tiên → OK nếu có các kế hoạch / thỏa thuận rõ ràng để chi trả đúng hạn trong tương lai.</i>	<b>3</b> <b>2=M</b>	
7.1.d	Ngay khi sản phẩm được bán dưới danh nghĩa đã được Chứng nhận của FairWild, <b>người thu hái nhận được giá cao hơn cho các sản phẩm được Chứng nhận FairWild (giá các sản phẩm được Chứng nhận FairWild cao hơn mức giá cơ sở đối với các sản phẩm thu hái từ tự nhiên thông thường):</b> (0) đôi khi thậm chí thấp hơn giá đặc thù địa phương; (1) ít nhiều có mức giá ngang nhau; ( <b>2=M từ năm thứ 2, hoặc ngay khi bán sản phẩm được Chứng nhận FairWild) giá cao hơn được trả đầy đủ để bù đắp</b> cho những nỗ lực đặc biệt của người thu hái, thông thường khoảng trên 5 % cao hơn so với giá của cùng loại sản phẩm thu hái thông thường trong khu vực (3) giá cao hơn nhiều so với giá thông thường (khoảng trên 10 %). <i>Chứng nhận đầu tiên → (2) nếu các mức giá này được đưa vào kế hoạch. Ngoài ra, trong 3 năm đầu tiên bán sản phẩm FairWild, giá mua cao hơn 5 % trả cho người thu hái đối với các sản phẩm được Chứng nhận FairWild có thể được tính toán có hiệu lực trở về trước trên cơ sở doanh số bán thực tế của FairWild và được phân bổ</i>	3 2= M từ năm thứ 2	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 7.1 Công bằng giá và chi trả cho người thu hái	TỐI ĐA	Điểm số
	<i>đồng đều cho tất cả những người thu hái các loại sản phẩm này. Nếu không có sản phẩm FairWild được bán → (2)</i>		
7.1.e	<b>Giá trả cho người thu hái:</b> (0) giá trả cho người thu hái rõ ràng không đủ cho các chi phí thực tế, người thu hái sống dưới chuẩn nghèo địa phương; <b>(2=M từ năm thứ 3)</b> giá trả cho người thu hái đủ để chi trả cho các nhu cầu cơ bản của gia đình họ. <i>Nếu hoạt động thu hái chỉ là bán thời gian thì đánh giá dựa trên phân thời gian dành cho việc thu hái. Nếu sau ba năm mà vẫn chưa đạt được mục đích này, công ty nên phối hợp cùng với khách hàng mua sản phẩm được Chứng nhận FairWild để dần dần cải thiện thu nhập của người thu hái;</i> (3) giá trả cho người thu hái cao hơn mức thu nhập tối thiểu HOẶC tạo ra thu nhập trong khu vực mà hoạt động thu hái là nguồn thu nhập duy nhất.	3 2= M từ năm thứ 3	
7.1.f	<b>Nếu sự lệ thuộc của người thu hái vào một loại sản phẩm duy nhất</b> (hoặc một nhóm sản phẩm hạn chế) là một vấn đề kinh tế quan trọng, công ty thu hái thực hiện: (0) không; (1) một số; (2) vừa đủ; (3) những nỗ lực đặc biệt nhằm nâng cao tính đa dạng của sản phẩm. <i>Nếu không phù hợp → (3)</i>	3	
7.1.g	<b>Hệ thống thu hái</b> (người hoặc gia đình thực sự làm công việc thu hái) <b>có sự tham gia của:</b> (0) nhiều trung gian không cần thiết; (1) các trung gian không có hiệu quả; (2) chỉ những trung gian có hiệu quả.	2	

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>20</b>	<b>14</b>	

## 7.2. Sử dụng và quản lý Quỹ FairWild Premium

Ngay sau khi nhận được khoản tiền cho quỹ FairWild Premium, khoản tiền này sẽ được quản lý một cách minh bạch và các quyết định liên quan đến việc sử dụng quỹ này được đưa ra một cách có trách nhiệm bởi tổ chức của người thu hái, ban đại diện người thu hái hoặc một ban quản lý quỹ FairWild Premium được chỉ định gồm các bên tham gia.

### Hướng dẫn quản lý và sử dụng Quỹ FairWild Premium

Một khoản tiền từ quỹ FairWild Premium được trả cho người thu hái / tổ chức của người thu hái vì những nỗ lực của họ và tất cả các bên khác trong chuỗi cung cấp để thực hiện thu hái bền vững, chế biến và bán sản phẩm cuối cùng. Đơn vị điều hành tính một khoản 10 % trên giá bán của người thu hái riêng lẻ, sẽ được trả bởi bên tiếp theo trong chuỗi cung cấp (trung tâm thu hái, thương gia, công ty).

Nếu mức chi trả theo thỏa thuận thấp hơn mức nêu trên, phải có một bản giải trình và chứng minh về tác động xã hội phù hợp của Quỹ FairWild Premium, ví dụ nếu giá cao hơn nhiều so với mức giá trung bình của năm năm hiện tại, hoặc, cho các sản phẩm có giá rất cao, đã cung cấp một khoản thu nhập chung cao cho người thu hái.

Quỹ FairWild Premium này được dành cho các dự án phát triển xã hội trong các cộng đồng của người thu hái (vì lý do đó mà tiền thưởng của người thu hái được đưa vào một Quỹ phát triển xã hội do nhóm hoặc các nhóm người thu hái quản lý). Trong năm năm đầu tiên của quá trình cấp chứng nhận, quỹ này cũng có thể được sử dụng để nâng cao tính bền vững của việc thu hái.

Các khoản tiền thưởng trả cho người thu hái phải được thể hiện qua các hóa đơn hoặc hợp đồng bán hàng.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 7.2 Sử dụng và quản lý tiền thưởng FairWild	TỐI ĐA	Điểm số
7.2.a	<b>Việc sử dụng tiền thưởng FairWild được quyết định:</b> (0) mà không có quá trình ra quyết định rõ ràng hoặc dân chủ; (1) bởi ban quản lý của công ty thu hái; <b>(2=M từ năm thứ 2) bởi tổ chức của người thu hái.</b>	2 2=M từ năm thứ 2	
7.2.b	<b>Cung cấp thông tin về sử dụng tiền thưởng cho người thu hái.</b> Nếu người thu hái không trực tiếp tham gia vào	3	



Số giám sát điểm	Giám sát điểm 7.2 Sử dụng và quản lý tiền thưởng FairWild	TỐI ĐA	Điểm số
	việc đưa ra các quyết định: (0) không có thông tin nào được cung cấp mặc dù người thu hái có yêu cầu; (1) một số ít người thu hái được thông báo; (2) tất cả những người thu hái được thông báo về việc sử dụng quỹ tiền thưởng của vụ trước (như bảng thông báo tại các trung tâm thu mua) và có cơ hội nêu ra các mối quan tâm của họ để được xem xét trong các quyết định tiếp theo về sử dụng quỹ tiền thưởng; (3) người thu hái sẽ quyết định về việc sử dụng quỹ trong tương lai.		
7.2.c	<b>Quản lý Quỹ tiền thưởng FairWild:</b> Tất cả các quỹ tiền thưởng nhận được: (0) không thực sự được quản lý, việc sử dụng quỹ không được ghi chép lại; (1) có được quản lý ở một mức độ nào đó, không được ghi chép đầy đủ; <b>(2=M) được quản lý một cách có trách nhiệm và việc sử dụng quỹ được ghi chép đầy đủ;</b> (3) được chúch và quản lý rất tốt.	3 2=M	
7.2.d	Ban quản lý quỹ tiền thưởng hoặc công ty thu hái: (0) không lập báo cáo; (1) lập báo cáo về một số hoạt động nhưng không đầy đủ; (2) mỗi năm lập một báo cáo ngắn về tất cả các hoạt động được tài trợ bởi quỹ này (chi tiết các khoản chi); (3) lập báo cáo chi tiết với phân tích về các tác động xã hội hoặc sinh thái của các hoạt động được tài trợ bởi quỹ này.	3	
7.2.e	Ghi chép về các khoản chi phí được tài trợ bởi quỹ này: (0) không hề khớp; (1) khớp nhưng có một số thiếu sót nhỏ; (2) hoàn toàn khớp với số tiền đã chi và các hoạt động được nêu trong báo cáo quỹ hàng năm; (3) được ghi chép rất đầy đủ, dễ theo dõi.	3	
7.2.f	Sử dụng Quỹ tiền thưởng FairWild: (0) lạm dụng vì mục đích cá nhân, ví vụ tiền bị “mất”; <b>(1=M năm 1&amp;2)</b> chủ yếu cho thực hiện thu hái bền vững, củng cố kinh doanh và đầu tư <b>(2=M từ năm thứ 3)</b> cho các dự án xã hội hoặc (trong năm năm đầu tiên) các hoạt động thúc đẩy thu hái bền vững hoặc các dự án bảo tồn như đã thống nhất với ban quản lý quỹ tiền thưởng; (3) chỉ dành cho các dự án phát triển xã hội.	3 1=M năm 1&2 2=M từ năm thứ 3	
7.2.g	<b>Tác động xã hội của việc sử dụng Quỹ tiền thưởng FairWild:</b> (0) không có tác động xã hội cụ thể mặc dù có nhận được tiền từ quỹ; (2) có tác động xã hội tốt (như	3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 7.2 Sử dụng và quản lý tiền thưởng FairWild	TỐI ĐA	Điểm số
	được mong đợi đối với số tiền nhận được); (3) tác động xã hội rất tốt.		
7.2.h	<b>Sự tham gia của cộng đồng</b> – điểm bổ sung cho cam kết tự nguyện. Sự tham gia về mặt xã hội của cộng đồng địa phương hoặc các dự án cộng đồng được tài trợ / thực hiện bởi công ty thu hái bên cạnh việc sử dụng quỹ tiền thưởng– xếp hạng từ (0) đến (3) theo cam kết. <i>Hãy ghi nhận xét ở dưới. Không có yêu cầu về tiêu chuẩn.</i>	(3)	

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>23</b>	<b>14</b>	

## NGUYÊN TẮC 8: BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CÔNG BẰNG CHO TẤT CẢ NHỮNG LAO ĐỘNG LÀM VIỆC CHO CÔNG TY THU HÁI

Công ty thu hái phải đảm bảo điều kiện làm việc tốt cho tất cả mọi lao động tham gia thu hái.

Các tiêu chí và chỉ số dưới đây áp dụng cho tất cả các nhân viên của công ty thu hái kể cả các nhân viên làm việc ngoài hiện trường / giám sát, nhân viên thu mua và công nhân tại các bộ phận chế biến hoặc đóng gói, bao gồm cả các trung tâm thu mua được thuê lại của FairWild.

### 8.1. Các quyền lao động cơ bản cho các nhân viên thu hái

Công ty thu hái tôn trọng các giá trị con người cơ bản và các quyền căn bản tại nơi làm việc của tất cả các nhân công.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 8.1 Các quyền lao động cơ bản cho các nhân viên thu hái	TỐI ĐA	Điểm số
8.1.a	<b>Lao động bắt buộc:</b> (0) có bằng chứng; (2=M) không có dấu hiệu cho thấy có tình trạng lao động bắt buộc, công ty không giữ chứng minh thư của người lao động hoặc tiền đặt	2 2=M	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 8.1 Các quyền lao động cơ bản cho các nhân viên thu hái	TỐI ĐA	Điểm số
	cọc cũng như không ngăn cản công nhân nghỉ việc sau khi đã có thông báo phù hợp.		
8.1.b	<b>Các hoạt động liên kết và thương lượng tập thể của công nhân:</b> (0) rõ ràng không được phép; <b>(2=M từ năm thứ 2)</b> công nhân được phép thành lập hội hoặc công đoàn, không có sự phân biệt đối xử với những người không tham gia công đoàn; (3) công nhân được tham gia công đoàn hoặc tổ chức / thương lượng hiệu quả như một nhóm.	3 2=M từ năm thứ 2	
8.1.c	<b>Lao động trẻ em (dưới 15 tuổi) ĐƯỢC THUÊ / KÝ HỢP ĐỒNG:</b> Có: (0) một số trẻ em; <b>(2=M)</b> không có trẻ em dưới 15 tuổi được KÝ HỢP ĐỒNG làm người lao động. <i>Nếu vẫn có lao động trẻ em → xem Tài liệu hướng dẫn Thương mại công bằng FairWild để biết về các yêu cầu từng bước loại bỏ lao động trẻ em và bảo vệ trẻ em trong khi làm việc.</i>	2 2=M	
8.1.d	<b>Con cái của những người lao động giúp đỡ bố mẹ:</b> (0) trẻ em giúp đỡ rất nhiều; <b>(2=M từ năm thứ 2)</b> trẻ em không giúp đỡ bố mẹ. <i>Nếu vẫn có tình trạng trẻ em giúp đỡ bố mẹ, công việc này phải không hề ảnh hưởng tới sức khỏe của trẻ và phải có kế hoạch để cải thiện tình hình này trong vòng một năm;</i> (3) các cơ sở chăm sóc hoặc hỗ trợ cho lao động trẻ em. <i>Nếu không phù hợp → (2)</i>	3 2=M từ năm thứ 2	
8.1.e	<b>Lao động là trẻ vị thành niên (15-18 tuổi):</b> (0) có; <b>(2=M từ năm thứ 2)</b> không tham gia vào các công việc nguy hiểm đối với sức khỏe, sự an toàn và có thể ảnh hưởng tới sự phát triển của họ. Thời gian làm việc không vượt quá 10 tiếng kể cả thời gian dành cho đi lại và học ở trường, và phải có đủ thời gian cho họ nghỉ ngơi. <i>Nếu không phù hợp → (2)</i>	2 2=M từ năm thứ 2	
8.1.f	<b>Phân biệt đối xử (phân biệt, loại trừ hoặc ưu ái) liên quan tới tiền công</b> dựa trên giới tính, chủng tộc, đẳng cấp, gốc gác, tôn giáo: (0) có bằng chứng; <b>(2=M từ năm thứ 2)</b> không có dấu hiệu cho thấy có sự phân biệt đối xử có hệ thống đối với công nhân xét trên khía cạnh tiền công; (3) người sử dụng lao động tích cực khuyến khích sự tôn trọng và hòa thuận lẫn nhau giữa những người lao động, hoặc công ty có các chính sách chống lại sự phân biệt đối xử.	3 2=M từ năm thứ 2	
8.1.g	<b>Phân biệt đối xử liên quan tới các cơ hội: được thuê làm việc, đào tạo, thăng tiến:</b> (0) có bằng chứng; (2) không có	3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 8.1 Các quyền lao động cơ bản cho các nhân viên thu hái	TỐI ĐA	Điểm số
	dấu hiệu cho thấy có sự phân biệt đối xử có hệ thống đối với công nhân xét trên khía cạnh các cơ hội; phụ nữ mang thai không bị sa thải; (3) có các cơ hội công việc đặc biệt cho các nhóm yếu thế HOẶC có sự hiện diện cao của các nhóm có nguy cơ bị phân biệt đối xử trong các vị trí công việc tốt.		
8.1.h	<b>Thái độ phân biệt đối xử và ép buộc:</b> (0) có bằng chứng rõ ràng; (1) có một số dấu hiệu; (2) không có dấu hiệu của thái độ phân biệt đối xử như các cử chỉ, ngôn ngữ, đụng chạm cơ thể có tính chất ép buộc xét về mặt giới tính, đe dọa, lạm dụng hoặc lợi dụng; (3) chính sách của công ty chỉ trích rõ ràng và giám sát các hành vi không đúng mực đó.	3	
8.1.i	<b>Các biện pháp kỷ luật:</b> (0) vi phạm nhân phẩm hoặc không minh bạch; (2) không vi phạm nhân phẩm, công bằng và minh bạch; không có hình phạt về thể xác, không cắt giảm lương mà không có sự đồng ý của người lao động; (3) có mối quan hệ rất tích cực giữa người sử dụng lao động và người lao động; không cần áp dụng các biện pháp kỷ luật quan trọng.	3	

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>24</b>	<b>18</b>	

## 8.2. Môi trường làm việc an toàn cho các nhân viên thu hái

Phải cung cấp một môi trường làm việc an toàn và hợp vệ sinh, luôn lưu ý đến các kiến thức phổ biến của ngành và các trường hợp rủi ro cụ thể

Để đánh giá xem các biện pháp thực hiện có đủ để đảm bảo một môi trường làm việc an toàn hay không, một phương pháp tiếp cận dựa vào rủi ro được áp dụng, như các nhà máy lớn hơn với nhiều người lao động hoặc bất kỳ hoạt động chế biến nguy hiểm cụ thể nào dự kiến sẽ có những thủ tục và các biện pháp an toàn được chuẩn bị tốt hơn so với các cơ sở có quy mô nhỏ hơn và có ít rủi ro hơn.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 8.2 Môi trường làm việc an toàn cho các nhân viên thu hái	TỐI ĐA	Điểm số
8.2.a	<b>Máy móc và trang thiết bị chế biến:</b> (0) rất không an toàn / trong tình trạng nguy hiểm; (1) không nguy hiểm, phần nào không an toàn; <b>(2=M) đủ an toàn cho người lao động;</b> không có tai nạn lao động nghiêm trọng. <i>Nếu an toàn là một vấn đề → kế hoạch cải thiện;</i> (3) rất an toàn, có những nỗ lực đặc biệt để làm cho nơi làm việc an toàn nhất ở mức có thể.	3 2=M	
8.2.b	<b>Bảo vệ người lao động khỏi hóa chất, tiếng ồn, bụi, ánh sáng:</b> (0) còn thiếu mặc dù là cần thiết; <b>(1=M từ năm thứ 2) được tiến hành ở điều kiện chấp nhận được, người lao động được đào tạo về cách sử dụng;</b> (2) được cung cấp, duy trì và thực hiện hiệu quả; (3) có những nỗ lực bảo vệ cao HOẶC không có nguy hiểm nào.	3 1=M từ năm thứ 2	
8.2.c	<b>Đủ ánh sáng và thông gió:</b> (0) rất kém; (2) đủ theo tiêu chuẩn địa phương; (3) rất tốt.	3	
8.2.d	<b>Tiếp cận với nguồn nước uống và nhà vệ sinh phù hợp theo tiêu chuẩn địa phương:</b> (0) không dễ tiếp cận; (1) có thể tiếp cận nguồn nước nhưng phải trả tiền; (2) tiếp cận dễ dàng, miễn phí; (3) các loại đồ uống khác (trà, cà phê v.v.) cũng được cung cấp miễn phí.	3	
8.2.e	<b>Người lao động được thông báo về những rủi ro an toàn nghiêm trọng và các biện pháp an toàn lao động:</b> (0) không được thông báo; (1) nhận thức rất mơ hồ về các rủi ro hiện tại; (2) người lao động được đào tạo đầy đủ hoặc không có rủi ro về an toàn lao động; (3) người lao động được thông tin và đào tạo rất đầy đủ về các vấn đề Sức khỏe & An toàn lao động.	3	
8.2.f	<b>Phụ nữ mang thai và cho con bú và các nhóm nguy cơ khác:</b> (0) tham gia vào công việc tiềm ẩn nhiều nguy hiểm; <b>(2=M) không phải tham gia vào công việc tiềm ẩn nhiều nguy hiểm.</b> <i>Nếu vẫn chưa được thực hiện → tuyên bố cam kết cải thiện tình hình trong vòng 6 tháng.</i>	2 2=M	
8.2.g	<b>Các thủ tục về tình trạng khẩn cấp:</b> (0) không có, không hề được biết đến; (2) được biết đến bởi tất cả các nhân viên (kể cả khi không có văn bản); (3) có đầy đủ văn bản về các thủ tục an toàn lao động và ký hiệu rất rõ ràng.	3	
8.2.h	<b>Lối thoát hiểm:</b> (0) không thể sơ tán trong trường hợp	2	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 8.2 Môi trường làm việc an toàn cho các nhân viên thu hái	TỐI ĐA	Điểm số
	khẩn cấp; (2=M) các lối thoát hiểm không bị tắc nghẽn và đầy đủ; có thể sơ tán trong trường hợp khẩn cấp vào bất cứ thời điểm nào; (3) tập huấn và nhận thức rất tốt về an toàn. <i>Nếu vẫn chưa được thực hiện → tuyên bố cam kết cải thiện tình hình trong vòng 6 tháng.</i>	2=M	
8.2.i	<b>Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy:</b> (0) không có sẵn; (1) trong điều kiện không tốt / không tiếp cận được; (2=M từ năm thứ 2) có đủ và hoạt động tốt; có đủ so với quy mô hoạt động; (3) thường xuyên diễn tập phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị thường xuyên được kiểm tra.	3 2=M từ năm thứ 2	
8.2.j	<b>Trang thiết bị sơ cấp cứu:</b> (0) không có sẵn trang thiết bị; (1) trang thiết bị không đầy đủ; (2) có đủ trang thiết bị sơ cấp cứu cơ bản (cần thiết cho các tai nạn lao động tiềm ẩn); (3) có bộ trang thiết bị cấp cứu tốt và chăm sóc y tế khẩn cấp.	3	
8.2.k	<b>Tình hình an toàn thực tế và tai nạn trong khi làm việc:</b> (0) có rất nhiều tai nạn hoặc bất kỳ tai nạn nghiêm trọng nào trong vòng hai năm qua; (1=M) chỉ có những tai nạn nhỏ hoặc thỉnh thoảng có thương tích, có các hành động theo dõi và cải thiện phù hợp; (2) không có tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc các vấn đề sức khỏe liên quan tới lao động; (3) tập trung cao vào các biện pháp phòng ngừa và an toàn lao động. <i>Nếu chưa đạt được mức M → kế hoạch cải thiện</i>	3 1=M	
8.2.l	<b>Ghi chép về các tai nạn trong khi làm việc và các bệnh liên quan tới công việc:</b> (0) không có ghi chép; (1) ghi chép cơ bản/ không đầy đủ; (2) có ghi chép đầy đủ; (3) có ghi chép và phân tích đầy đủ và các biện pháp cải tiến HOẶC không có tai nạn / bệnh tật trong ba năm qua.	3	
8.2.m	<b>Nếu chỗ ở được cung cấp cho công nhân:</b> (0) không chấp nhận được; các điều kiện rất kém; (1=M) chấp nhận được nhưng chất lượng khá thấp; (2) đủ và an toàn theo các tiêu chuẩn địa phương, với giá cả hợp lý; (3) chỗ ở rất tốt với mức giá trung bình hoặc bao cấp. <i>Nếu không phù hợp → (2)</i>	3 1=M từ năm thứ 2	
<b>TỔNG</b>		<b>TỐI ĐA</b>	<b>Điểm số</b>
Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số		37	26

### 8.3. Các điều kiện việc làm công bằng đối với tất cả các nhân viên

Công ty thu hái đóng vai trò như là một chủ sử dụng lao động có trách nhiệm về xã hội và đảm bảo các điều kiện làm việc tốt.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 8.3 Các điều kiện việc làm công bằng đối với tất cả các nhân viên	TỐI ĐA	Điểm số
8.3.a	<b>Các điều kiện việc làm được xác định cho các lao động cố định:</b> vị trí công việc, tiền lương, các khoản trợ cấp nếu có, thời gian làm việc, nghỉ phép, nhà ở nếu có: (0) các điều kiện việc làm không được xác định, kể cả bằng lời nói; <b>(1=M từ năm thứ 2)</b> các điều kiện được xác định rõ ràng và được người lao động biết tới, ngay cả khi không có văn bản; (2) hợp đồng, đăng ký lao động chính thức hoặc các tài liệu hướng dẫn việc làm cung cấp thông tin cho người lao động về điều kiện việc làm của họ; (3) có hệ thống hợp đồng tốt. <i>Nếu không có lao động cố định (đã làm việc trên 8 tháng/năm) → (2)</i>	3 1=M từ năm thứ 2	
8.3.b	<b>Các điều kiện việc làm được xác định cho các lao động thời vụ / không cố định:</b> (0) các điều kiện việc làm không được xác định, kể cả bằng lời nói; <b>(1=M từ năm thứ 2)</b> tiền lương và thời gian làm việc được xác định rõ ràng và được người lao động biết tới, ngay cả khi không có văn bản; (2) hợp đồng, đăng ký lao động chính thức hoặc các tài liệu khác cung cấp thông tin cho người lao động về ít nhất là tiền lương và thời gian làm việc của họ; (3) có hợp đồng đầy đủ.	3 1=M từ năm thứ 2	
8.3.c	<b>Tiền lương của lao động cố định:</b> (0) thấp hơn mức trung bình ở địa phương; (1) bằng mức trung bình ở địa phương; <b>(2=M)</b> ít nhất là mức lương tối thiểu đang áp dụng <sup>4</sup> hoặc mức lương đặc thù ở địa phương (nếu không có mức lương tối thiểu được xác định); <i>nếu không: kế hoạch cải thiện</i> ; (3) cao hơn mức trung bình ở địa phương (bao gồm cả các khoản phụ cấp, nếu có). <i>Nếu không phù hợp → (2)</i>	3 2=M	
8.3.d	<b>Tiền lương của lao động không cố định hoặc lao động thời vụ:</b> (0) thấp hơn mức trung bình ở địa phương; (1) bằng mức trung bình ở địa phương; <b>(2=M từ năm thứ 2)</b> mức lương tối thiểu đang áp dụng hoặc (nếu không xác định được) mức lương đặc thù ở địa phương; <i>nếu không →</i>	3 2=M từ năm thứ 2	

<sup>4</sup> Trong trường hợp trả lương theo công việc, tính toán thu nhập của một ngày làm việc trung bình không có làm thêm giờ.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 8.3 Các điều kiện việc làm công bằng đối với tất cả các nhân viên	TỐI ĐA	Điểm số
	<i>kế hoạch cải thiện</i> ; (3) cao hơn mức lương trung bình ở địa phương (bao gồm cả các khoản phụ cấp, nếu có). <i>Trong trường hợp trả lương theo công việc (làm gì trả nấy), tính toán thu nhập của một ngày làm việc trung bình không có làm thêm giờ. Nếu không có lao động không cố định / thời vụ → (3)</i>		
8.3.e	<b>Tiền lương trả cho người lao động đáp ứng được các nhu cầu cơ bản của người lao động và gia đình họ:</b> (0) không đủ; (1) gần / vừa đủ; <b>(2=M từ năm thứ 3)</b> đủ đáp ứng các nhu cầu cơ bản. <i>Nếu vẫn chưa đạt được sau ba năm, phải chứng minh được là có sự tiến triển trong việc phối hợp với người mua của FairWild để cải thiện tình hình</i> ; (3) khá cao (bao gồm cả các khoản tiền thưởng trung bình và các khoản đóng góp lợi ích xã hội bởi người sử dụng lao động), đảm bảo điều kiện sống tốt trong bối cảnh địa phương.	3 2=M từ năm thứ 3	
8.3.f	<b>Các khóa tập huấn, thời gian bị mất đi do máy ngừng hoạt động và các sự kiện khác ngoài tầm kiểm soát của người lao động:</b> (0) không được trả công; (2) được trả theo mức trung bình; (3) trả công rất hào phóng cho thời gian không làm việc nằm ngoài tầm kiểm soát của người lao động.	3	
8.3.g	<b>Trả lương đúng hạn cho tất cả người lao động:</b> (0) không được thực hiện hoặc bị chậm trễ; <b>(1=M từ năm thứ 2) tương đối đúng hạn, chỉ có một số chậm trễ nhỏ</b> ; (2) được thực hiện thường xuyên và vào những ngày đã thỏa thuận; (3) luôn luôn đúng hạn, tiền lương cao hơn mức lương đặc thù ở địa phương.	3 1=M từ năm thứ 2	
8.3.h	<b>Lưu hồ sơ tài liệu về tất cả các khoản thanh toán:</b> (0) các khoản thanh toán không được ghi chép trong hồ sơ; (1) việc lưu hồ sơ tài liệu về các khoản thanh toán được thực hiện rất kém; <b>(2=M từ năm thứ 2) các khoản thanh toán được lưu trong hồ sơ đầy đủ</b> và phiếu thanh toán gửi cho người lao động chỉ rõ các chi tiết về tiền lương cho khoảng thời gian được trả công; (3) việc lưu hồ sơ tài liệu được thực hiện rất tốt. <i>Nếu chưa đạt mức M → đưa ra cam kết cải thiện và cung cấp mẫu hồ sơ mới.</i>	3 2=M từ năm thứ 2	
8.3.i	<b>Số giờ làm việc hàng tuần và số ngày nghỉ của các lao động cố định</b> , so với luật lao động quốc gia hoặc thông lệ	3	



Số giám sát điểm	Giám sát điểm 8.3 Các điều kiện việc làm công bằng đối với tất cả các nhân viên	TỐI ĐA	Điểm số
	được chấp nhận, thường là: (0) số giờ làm việc nhiều hơn rất nhiều; (1) số giờ làm việc nhiều hơn một chút; (2) số giờ làm việc hàng tuần phù hợp với luật lao động quốc gia; thời gian làm việc tiêu chuẩn < 48 tiếng/tuần; ít nhất cứ bảy ngày làm việc thì có 1 ngày nghỉ; (3) số giờ làm việc hàng tuần thấp hơn số giờ tối đa theo luật định HOẶC số giờ làm việc < 42 tiếng/tuần; hoặc số giờ làm việc linh hoạt theo hướng có lợi cho người lao động.		
8.3.j	<b>Làm thêm giờ:</b> (0) hoàn toàn theo ý muốn chủ sử dụng lao động / rất thường xuyên; (1) bất cứ khi nào cần; nhiều hơn sáu tuần/năm; (2) không bắt buộc HOẶC bắt buộc tối đa vào thời kỳ cao điểm (dưới sáu tuần/năm) và nếu được thông nhất trước với người lao động; người lao động đồng ý với điều kiện; (3) các điều kiện làm thêm giờ rất thuận tiện cho người lao động (việc làm thêm giờ rất ít khi xảy ra / linh hoạt).	3	
8.3.k	<b>Số giờ làm việc tối đa trong một tuần</b> (kể cả làm thêm giờ): (0) nhiều nhất là trên 60 tiếng/tuần; <b>(2=M từ năm thứ 2)</b> không vượt quá 60 tiếng/tuần <sup>5</sup> ; (3) tương đương hoặc ít hơn 46 tiếng/tuần.	3 <b>2=M từ năm thứ 2</b>	
8.3.l	<b>Tiền công làm thêm giờ:</b> (0) không được trả thêm tiền công; (2) được trả công theo quy định của địa phương; ít nhất trả thêm tiền công hoặc có thể được nghỉ bù; (3) được trả công ở mức cao ( <i>kể cả khi được yêu cầu bởi luật pháp</i> → (3) nếu trả ở mức cao) hoặc không phải làm thêm giờ.	3	
8.3.m	<b>Nghỉ có hưởng lương:</b> (0) không có ngày nghỉ / nghỉ phép có hưởng lương; (2) có các ngày nghỉ chính thức của ngân hàng và ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định luật pháp; (3) có trợ cấp cao cho ngày nghỉ có hưởng lương, nghỉ ốm có hưởng lương.	3	
8.3.n	<b>Tài liệu lưu trữ về số giờ làm việc và làm thêm giờ:</b> (0) không đáng tin cậy / không tồn tại; (1) tồn tại nhưng rất sơ sài; (2) đầy đủ; (3) tốt.	3	

<sup>5</sup> Trong các trường hợp đặc biệt, số giờ làm việc có thể được tính trung bình cho cả tháng, nếu có thỏa thuận hợp lý về làm thêm giờ và có đủ thời gian để nghỉ ngơi. Ở địa điểm chế biến theo mùa do tính sẵn có nhất thời của các loại thực vật được chế biến, số giờ làm thêm dưới đây được coi là đã đạt được mức M: trên 60 tiếng chỉ trong các thời kỳ cao điểm ngắn (tới 6 tuần mỗi năm), nếu đã được thông nhất trước với người lao động, luôn luôn là tự nguyện, có đủ số ngày nghỉ ngơi (cứ bảy ngày làm việc thì nghỉ một ngày) và có nghỉ giải giao.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 8.3 Các điều kiện việc làm công bằng đối với tất cả các nhân viên	TỐI ĐA	Điểm số
8.3.o	<b>Chi cơ bản cho quỹ lương hưu / dự phòng:</b> (0) không hề có; (2= <b>M từ năm thứ 2</b> ) theo yêu cầu pháp luật (trong nhiều trường hợp chỉ dành cho các lao động cố định). <i>Nếu không có → có kế hoạch điều chỉnh;</i> (3) tốt hơn quy định của pháp luật HOẶC cho tất cả các lao động với phần đóng góp đầy đủ từ chủ sử dụng lao động (kể cả khi được yêu cầu bởi luật pháp).	3 <b>2=M từ năm thứ 2</b>	
8.3.p	<b>Chi cơ bản cho chế độ thai sản:</b> (0) không hề có; (1) có một số nỗ lực / chưa đủ; (2) có chi cơ bản cho lao động cố định theo yêu cầu của pháp luật; (3) cho tất cả các lao động hoặc lao động cố định cao hơn yêu cầu HOẶC ít nhất 12 tuần.	3	
8.3.q	<b>Bảo hiểm y tế</b> (không phụ thuộc vào luật pháp) cho người lao động: (0) không có bảo hiểm y tế hay hỗ trợ tối thiểu nào từ chủ sử dụng lao động trong trường hợp bị bệnh không liên quan tới công việc; (2) ít nhất có bảo hiểm y tế cơ bản cho các lao động cố định; (3) cho tất cả các lao động HOẶC mức bảo hiểm cao hơn bình thường và chủ sử dụng lao động chi trả các chi phí bảo hiểm.	3	
8.3.r	<b>Nghỉ ốm có hưởng lương:</b> (0) không có chế độ nghỉ ốm có hưởng lương; (1) thỉnh thoảng được hưởng chế độ nghỉ ốm có hưởng lương nhưng không được bảo đảm; (2) được hưởng chế độ nghỉ ốm có hưởng lương theo quy định địa phương; (3) chế độ tốt hơn so với yêu cầu pháp luật; ít nhất mười ngày nghỉ ốm có hưởng lương/năm.	3	
8.3.s	<b>Các phúc lợi xã hội khác</b> (điểm bổ sung cho cam kết tự nguyện): Các phúc lợi xã hội khác như trông trẻ miễn phí, trợ cấp thất nghiệp, bảo hiểm nhân thọ, thành viên của một quỹ hưu trí tư nhân, chăm sóc sức khỏe cá nhân, quỹ giáo dục v.v.. → xếp hạng các phúc lợi (trừ tiêu chuẩn ở trên) từ (0) tới (3). <i>Không có yêu cầu về tiêu chuẩn.</i>	(3)	
8.3.t	<b>Việc làm thường xuyên cho các lao động thường xuyên</b> (về cơ bản làm việc quanh năm): (0) các lao động thường xuyên không có địa vị giống như lao động cố định; (2) lao động thường xuyên được thuê với đầy đủ các phúc lợi giống như lao động cố định như có công việc thường xuyên, được trả bảo hiểm xã hội, được nghỉ ốm / nghỉ có hưởng lương và các phúc lợi khác; có thể được trả lương hoặc trả công dưới hình thức trả công theo ngày; (3) chỉ có	3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 8.3 Các điều kiện việc làm công bằng đối với tất cả các nhân viên	TỐI ĐA	Điểm số
	lao động thường xuyên, cố định HOẶC có nỗ lực đặc biệt nhằm cung cấp việc làm thường xuyên khi so sánh với các công ty tương tự khác.		
8.3.u	Các mức lương khác nhau cho lao động cố định và lao động không cố định: (0) chênh lệch lớn; (1) một số chênh lệch; (2) rất ít chênh lệch; (3) không có chênh lệch giữa mức lương của lao động cố định và lao động không cố định (đối với công việc có tính chất tương đương nhau). <i>Nếu chỉ có lao động cố định → (3)</i>	3	
8.3.v	Trong trường hợp công việc được thầu lại: các điều kiện làm việc của người thầu lại: (0) kém hơn nhiều; (1) kém hơn một chút; (2) về cơ bản tương đương như điều kiện làm việc của lao động được ký hợp đồng trực tiếp đối với các công việc tương tự nhau; (3) như nhau và được đảm bảo chắc chắn bằng việc các thỏa thuận và / hoặc giám sát.	3	

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số	66	42	

## NGUYÊN TẮC 9: ÁP DỤNG CÁC THÔNG LỆ QUẢN LÝ CÓ TRÁCH NHIỆM

Việc thu hái các loài mục tiêu ngoài tự nhiên phải dựa trên những thông lệ quản lý thích ứng, thiết thực, có sự quản lý và tham gia minh bạch

### 9.1. Kế hoạch quản lý loài / khu vực

Kế hoạch quản lý loài và khu vực xác định quy trình quản lý thích ứng và thiết thực và các thông lệ thu hái điển hình.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 9.1 Kế hoạch quản lý loài / khu vực	TỐI ĐA	Điểm số
9.1.a	<b>Kế hoạch quản lý</b> đối với thu hái bền vững theo Tiêu chuẩn FairWild: (0) không có kế hoạch quản lý dưới dạng văn bản; (1) kế hoạch quản lý rất sơ bộ; <b>(2=M từ năm thứ 3)</b> có kế hoạch quản lý bằng văn bản cụ thể cho tình hình thu hái; (3) kế hoạch quản lý được lập rất tốt.	3 2=M ừ năm thứ 3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 9.1 Kế hoạch quản lý loài / khu vực	TỐI ĐA	Điểm số
9.1.b	<b>Kiến thức về kế hoạch quản lý của người quản lý thu hái và nhân viên chịu trách nhiệm:</b> (0) nhân viên không nắm rõ kế hoạch quản lý; (2= <b>M</b> từ năm thứ 3) nắm rõ kế hoạch quản lý; (3) có kiến thức rất tốt, đóng góp tích cực vào việc xây dựng kế hoạch quản lý.	3 2= <b>M</b> từ năm thứ 3	
9.1.c	<b>Kế hoạch quản lý</b> (với các tài liệu liên quan) <b>bao gồm các chiến lược bảo tồn thực vật và sinh cảnh:</b> (0) không bao gồm; (1) thông tin cơ bản; (2) mức độ chi tiết phù hợp; kể cả các khu vực được bảo vệ chông chéo hoặc liên kê; (3) rất tốt.	3	
9.1.d	<b>Kế hoạch quản lý</b> (với các tài liệu liên quan) <b>bao gồm tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nội bộ</b> (các yêu cầu về chất lượng sản phẩm và vệ sinh tối thiểu): (0) không bao gồm; (1) thông tin cơ bản; (2) mức độ chi tiết phù hợp; (3) rất tốt.	3	
9.1.e	<b>Các thủ tục chính được xác định cho thu hái bền vững</b> theo yêu cầu của Tiêu chuẩn FairWild (giám sát nguồn tài nguyên, phân tích tác động của các hoạt động thu hái, mua sản phẩm từ người thu hái): (0) không bao gồm, không được biết đến; (1= <b>M</b> năm 1& 2) <b>thông tin cơ bản, hoặc các thủ tục được biết đến</b> nhưng không được ghi chép lại; (2= <b>M</b> từ năm thứ 3) các thủ tục được đưa vào kế hoạch quản lý hoặc các tài liệu liên quan, phù hợp với mức độ rủi ro của các loài thực vật được thu hái; (3) rất tốt.	3 1= <b>M</b> năm 1&2 2= <b>M</b> từ năm thứ 3	
9.1.f	<b>Kế hoạch quản lý</b> (cùng với các tài liệu liên quan) <b>bao gồm các chính sách và thủ tục chính cần thiết</b> để thực hiện các <b>khía cạnh xã hội và thương mại công bằng</b> của Tiêu chuẩn FairWild (quản lý Quỹ tiền thưởng FairWild và quyết định về sử dụng Quỹ, sự tham gia của những người thu hái, nâng cao nhận thức của người thu hái về các vấn đề lao động trẻ em, giám sát các điều kiện làm việc công bằng nếu cần thiết): (0) không bao gồm, không được biết đến; (1) thông tin cơ bản, hoặc các thủ tục được lên kế hoạch nhưng không được ghi chép lại; (2= <b>M</b> từ năm thứ 3) các thủ tục dưới dạng văn bản, phù hợp với quy mô của tổ chức và các vấn đề xã hội gặp phải; (3) rất tốt.	3 2= <b>M</b> từ năm thứ 3	
9.1.g	<b>Kế hoạch quản lý có lưu ý tới bất kỳ kế hoạch quản lý nào khác</b> có liên quan tới khu vực khai thác được lập bởi <b> cơ quan quản lý nguồn tài nguyên thích hợp;</b> (0) không lưu	3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 9.1 Kế hoạch quản lý loài / khu vực	TỐI ĐA	Điểm số
	ý tới bất kỳ kế hoạch hiện tại nào; (2) các kế hoạch hiện tại được biết tới, tóm tắt và xem xét trong kế hoạch quản lý HOẶC không có các kế hoạch quản lý khác; (3) có nỗ lực đáng kể nhằm hợp tác chặt chẽ với các cơ quan quản lý nguồn tài nguyên. <i>Nếu không phù hợp → (2)</i>		
	<b>Loài có nguy cơ cao:</b> → xem các chỉ số bổ sung 9.1.h và 9.1.i (Phần		

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số	21	14	

## 9.2. Điều tra, đánh giá và giám sát

Việc quản lý thu hái các loài hoang dã được hỗ trợ bởi công tác điều tra nguồn tài nguyên, đánh giá và giám sát các tác động thu hái một cách thích hợp và thiết thực

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 9.2. Điều tra, đánh giá và giám sát	TỐI ĐA	Điểm số
9.2.a	<b>Đánh giá và giám sát thường xuyên</b> các nguồn tài nguyên mục tiêu và sinh cảnh được tiến hành, tài liệu hóa và đưa vào trong các kế hoạch quản lý: (0) không có đánh giá, không có giám sát được lên kế hoạch; (1) đánh giá đơn giản / không chính thức được thực hiện, không có các thủ tục bằng văn bản hoặc các ghi chép chi tiết; <b>(2=M từ năm thứ 2)</b> các thủ tục được xác định và phù hợp, các kết quả được tài liệu hóa; (3) có hệ thống tiên tiến. <i>Loài có nguy cơ cao → xem chỉ số bổ sung 9.2.a (Phần II)</i>	3 2=M ừ năm thứ 2	
9.2.b	<b>Quy mô, phân bố và cấu trúc quần thể</b> (phân bố cấp tuổi / kính) như ghi nhận trong điều tra tái sinh <b>đuy trì ở mức tương đương với hoặc cao hơn các bậc phân loại cơ bản</b> và phản ánh một quần thể khỏe mạnh: (0) các quần thể rõ ràng là đang suy giảm; (1) số liệu không rõ ràng, các quần thể có thể đang suy giảm nhẹ; <b>(2=M từ năm thứ 3)</b> các quần thể ổn định; (3) xu hướng tích cực. <i>Chứng nhận đầu tiên → (2)</i>	3 2=M ừ năm thứ 3	
9.2.c	<b>Điều tra tái sinh định kỳ</b> về loài mục tiêu trong phạm vi	3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 9.2. Điều tra, đánh giá và giám sát	TỐI ĐA	Điểm số
	khu vực quản lý sử dụng các biện pháp điều tra có thể lặp lại, có thể so sánh được: (0) không được thực hiện; (1) điều tra / giám sát rất cơ bản; (2) điều tra được thực hiện và được tài liệu hóa; (3) điều tra rất chi tiết. <i>Chứng nhận đầu tiên: nếu không được lên kế hoạch → (2)</i>		
9.2.d	<b>Giám sát định kỳ</b> trong phạm vi khu vực quản lý khẳng định rằng <b>tính sẵn có, khả năng sinh tồn và chất lượng của nguồn tài nguyên mục tiêu / bộ phận thực vật là ổn định hoặc gia tăng</b> : (0) có tác động tiêu cực rõ ràng; (1) số liệu không rõ ràng, có thể không ổn định ở mức độ không đáng kể; (2) tính sẵn có, khả năng sinh tồn và chất lượng của nguồn tài nguyên là ổn định; (3) xu hướng tích cực. <i>Chứng nhận đầu tiên → (2)</i>	3 2= M từ nă m thứ 3	
9.2.e	<b>Điều tra, đánh giá và giám sát được thực hiện sử dụng các công cụ và biện pháp trong phạm vi năng lực phù hợp (hiện có hoặc có thể đạt được) của người thu hái / quản lý hiện trường</b> : (0) không có đánh giá HOẶC kỹ năng rất thấp; (1) các phương pháp hơi khó hiểu đối với nhân viên HOẶC các công cụ và biện pháp quá cơ bản; (2) các phương pháp thích hợp, thực tiễn đối với nhân viên. <i>Lưu ý cho người đánh giá: Đối với một số loài, có thể cần phải thuê tư vấn có chuyên môn từ bên ngoài để đảm bảo các kết quả thích hợp; hãy đưa thêm vào phần nhận xét một đánh giá về nhu cầu này.</i> (3) các phương pháp có chất lượng tốt.	3	

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>15</b>	<b>10</b>	

### 9.3. Thực hiện các biện pháp thu hái bền vững bởi người thu hái

Công ty thu hái phải đảm bảo chỉ có những người thu hái đã qua đào tạo và có chuyên môn mới được tham gia thu hái các loài mục tiêu và giám sát việc thực hiện hiệu quả các hướng dẫn về thu hái

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 9.3 Thực hiện các biện pháp thu hái bền vững bởi người thu hái	TỐI ĐA	Điểm số
9.3.a	<b>Sổ đăng ký người thu hái có sẵn</b> để đảm bảo rằng tất cả những người thu hái được tập huấn đầy đủ và nắm được các quy định về thu hái: (0) không có sổ sách; (1) sổ sách không đầy đủ; <b>(2=M từ năm thứ 2)</b> sổ đăng ký đầy đủ và phù hợp với tên đầy đủ, mã số, địa chỉ / thôn; (3) sổ đăng ký rất đầy đủ với tên của các thành viên trong hộ gia đình, những người cũng tích cực tham gia thu hái.	3 1=M từ năm thứ 2	
9.3.b	Các sản phẩm <b>chỉ được mua từ những người thu hái đã đăng ký và được tập huấn</b> : (0) không có hệ thống mua hàng được thiết lập hoặc hệ thống không được thực hiện; (1) hệ thống mua hàng đang được phát triển; <b>(2=M từ năm thứ 2)</b> hệ thống mua hàng đảm bảo rằng các sản phẩm chỉ được mua từ những người thu hái đã đăng ký; (3) hệ thống mua hàng được tổ chức rất tốt.	3 2=M từ năm thứ 2	
9.3.c	Dưới tên của một người thu hái đã đăng ký <b>chỉ có các thành viên gia đình gần nhất của người đó</b> (các thành viên sống trong cùng một hộ gia đình) <b>mới được tham gia thu hái</b> . Hoạt động của những người thu hái này được giám sát và được đánh giá là OK (các quy định giống như áp dụng đối với người thu hái đã đăng ký): (0) không có / có rất ít thông tin về người thu hái; (1) “người thu hái núp dưới bình phong của người khác ” để không bị giám sát (một người thu hái đăng ký đại diện cho một nhóm (không xác định được số lượng) người thu hái thực sự); <b>(2=M từ năm thứ 3)</b> chỉ các thành viên trong cùng một hộ gia đình thu hái và nhận thông tin từ người thu hái chính; số thành viên trong hộ thu hái được biết đến / lưu vào hồ sơ; (3) tất cả những người thu hái đều được biết theo tên, tất cả những người tích cực thu hái được khuyến khích tham gia các khóa tập huấn.	3 2=M từ năm thứ 3	
9.3.d	<b>Những người thu hái được thông tin đầy đủ về ranh giới</b> của khu vực thu hái và về <b>những khu vực không được phép thu hái</b> cũng như các nguồn gây ô nhiễm quy mô nhỏ nơi các sản phẩm hữu cơ có thể không được thu hoạch: (0) người thu hái không được thông báo / không biết về các ranh giới như vậy; <b>(1=M)</b> có hiểu biết cơ bản và không có ranh giới bên trong quan trọng nào do bị ô nhiễm; (2) được thông báo đầy đủ; (3) người thu hái rất thông thạo về các ranh giới.	3 1=M	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 9.3 Thực hiện các biện pháp thu hái bền vững bởi người thu hái	TỐI ĐA	Điểm số
9.3.e	<b>Người thu hái được đào tạo, am hiểu và có năng lực</b> trong các khía cạnh sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>· Loài thực vật được thu hái (bao gồm cả những bộ phận sẽ được thu hái, các yêu cầu chất lượng tối thiểu v.v..)</li> <li>· Các phương pháp thu hái bền vững (theo quy định nội bộ)</li> <li>· Xử lý sau thu hoạch các nguyên liệu thu hái được</li> </ul> (0) không biết về các hướng dẫn nội bộ về thu hái và xử lý sau thu hoạch; <b>(1=M cho năm thứ 1)</b> có hiểu biết cơ bản; <b>(2=M từ năm thứ 2)</b> người thu hái được đào tạo, am hiểu và có năng lực trong việc thực thi các hướng dẫn nội bộ; (3) người thu hái có kiến thức rất tốt.	3 1=M năm 1 2=M từ năm thứ 2	
9.3.f	<b>Thực thi các hướng dẫn thu hái: phương pháp thu hái, các bộ phận được thu hái:</b> (0) không được thực hiện; <b>(1=M năm 1&amp;2)</b> thực hiện cơ bản các hướng dẫn thu hái; <b>(2=M từ năm thứ 3)</b> có sự quản lý thực hiện thích hợp; người thu hái thực hiện công việc theo đúng hướng dẫn thu hái; (3) người thu hái nắm rất vững về các quy định thu hái.	3 1=M năm 1&2 2=M từ năm thứ 3	
9.3.g	<b>Bằng chứng về tần suất thu hái dựa trên những chuyến đi thăm thực tế và phỏng vấn với người thu hái:</b> (0) rõ ràng có tần suất cao hơn tại một số địa điểm, người thu hái không nắm được các giới hạn về tần suất VÀ có dấu hiệu cho thấy có tình trạng khai thác quá mức; <b>(1=M năm 1&amp;2)</b> không có dấu hiệu cho thấy có tình trạng khai thác quá mức, nhưng người thu hái không nắm được các giới hạn về tần suất hoặc thường thu hái nhiều hơn so với chỉ dẫn ở một số địa điểm / ô; <b>(2=M từ năm thứ 3)</b> thu hái theo đúng tần suất thu hái chính thức, không có bằng chứng cho thấy có tình trạng khai thác quá mức thậm chí ở những địa điểm thường có tần suất thu hái cao; (3) hoạt động thu hái có tác động rất thấp. <i>Loại có nguy cơ cao → xem chỉ số bổ sung 9.3.g (Phần II)</i>	3 1=M năm 1&2 2=M từ năm thứ 3	
9.3.h	<b>Người thu hái không thu hái sản phẩm tương tự với chất lượng và số lượng không phù hợp với các yêu cầu FairWild (bên ngoài khu vực thu hái / không tuân theo các quy định của Tiêu chuẩn này):</b> (0) thu hái cùng một loại cây mục tiêu cho các công ty thu mua khác nhau và không để ý đến các quy định về thu hái; (2) tất cả các loài	3	



Số giám sát điểm	Giám sát điểm 9.3 Thực hiện các biện pháp thu hái bền vững bởi người thu hái	TỐI ĐA	Điểm số
	cây mục tiêu về cơ bản được thu hái theo đúng các hướng dẫn thu hái nội bộ; (3) chỉ thu hái FairWild theo đúng kế hoạch quản lý FairWild.		
9.3.i	<b>Thực hiện các biện pháp hiệu quả để đảm bảo rằng bất kỳ khu vực nào đã được xác định là bị ô nhiễm hoặc các khu vực thâm canh nông nghiệp được loại ra khỏi phạm vi thu hái</b> (hướng dẫn thu hái, tập huấn người thu hái) (0) thu hái từ các khu vực bị ô nhiễm (1) không có biện pháp cụ thể nào được tiến hành, nhưng rõ ràng là không có hoạt động thu hái nào ở các khu vực bị ô nhiễm <b>(2=M từ năm thứ 2)</b> không có nguồn gây ô nhiễm HOẶC có các biện pháp hiệu quả nhằm đảm bảo rằng không có hoạt động thu hái nào trong các khu vực bị ô nhiễm. <i>Nếu không phù hợp hoặc nếu được chứng nhận là hữu cơ → (2)</i>	3 2=M từ năm thứ 2	
9.3.j	<b>Thực hiện các hướng dẫn thu hái:</b> khối lượng tối đa: (0) không có hệ thống nào được áp dụng; (1) có hệ thống cơ bản; <b>(2=M)</b> áp dụng quản lý thực hiện phù hợp; người thu hái thực hiện công việc theo đúng các quy định về thu hái và được thông tin về khối lượng tối đa; (3) người thu hái nắm bắt đầy đủ các quy định về thu hái và tích cực đóng góp vào việc thực hiện các quy định này thông qua các cuộc thảo luận và các hoạt động giám sát.	3 2=M	

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>30</b>	<b>20</b>	

## 9.4. Đào tạo và nâng cao năng lực

Các cán bộ quản lý nguồn tài nguyên và người thu hái phải có kỹ năng phù hợp (đào tạo, giám sát, kinh nghiệm) để thực hiện các điều khoản của kế hoạch quản lý và tuân thủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn này.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 9.4 Đào tạo và nâng cao năng lực	TỐI ĐA	Điểm số
9.4.a	Tất cả các cán bộ quản lý nguồn tài nguyên được đào tạo, có kiến thức và có năng lực về các vấn đề liên quan tới tính bền vững và biết về các hướng dẫn thu hái nội bộ: (0) không có đào tạo; (1) rất cơ bản; (2) đào tạo đầy đủ; (3) được đào tạo nâng cao.	3	
9.4.b	Tất cả các cán bộ quản lý nguồn tài nguyên được đào tạo, có kiến thức và có năng lực về các vấn đề xã hội và thương mại công bằng và biết về các chính sách và thủ tục nội bộ có liên quan (lao động trẻ em trong thu hái, không có sự phân biệt đối xử, quản lý và sử dụng Quỹ tiền thưởng FairWild, sự tham gia của người thu hái, v...): (0) không có đào tạo; (1) rất cơ bản; (2) đào tạo đầy đủ; (3) được đào tạo nâng cao.	3	
9.4.c	<b>Nhân viên thu mua được đào tạo, có kiến thức</b> và có năng lực thực hiện các quy định về xử lý sản phẩm nội bộ và chất lượng: (0) không được đào tạo, không hiểu về các quy định; (1) không có đào tạo chính thức nhưng được thông tin khá đầy đủ; (2) được đào tạo và hiểu được các quy định xử lý sản phẩm; (3) được đào tạo và có kiến thức rất tốt.	3	
9.4.d	Có sẵn tài liệu đào tạo về thu hái phù hợp: (0) không có đào tạo hoặc không có sẵn tài liệu đào tạo; (1) đào tạo miệng, thông tin nhất quán; (2) có tài liệu đào tạo phù hợp; (3) có tài liệu đào tạo nâng cao và phương pháp tiếp cận.	3	
9.4.e	Mỗi người thu hái đều được tham gia một khóa đào tạo ban đầu về thu hái các loài hoang dã bền vững: (0) không có đào tạo; (1) đào tạo ngắn và rất cơ bản, không được tài liệu hóa; (2= <b>M</b> từ năm thứ 2) tất cả những người thu hái được đào tạo; các hoạt động đào tạo được tài liệu hóa; (3) đào tạo rất tốt.	3 2= <b>M</b> từ năm thứ 2	
9.4.f	<b>Các khóa đào tạo thường xuyên được lặp lại</b> khi có yêu	3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 9.4 Đào tạo và nâng cao năng lực	TỐI ĐA	Điểm số
	câu. Đối với tất cả các loài cây mới hoặc các vấn đề hiện tại liên quan tới tính bền vững của hoạt động thu hái, người thu hái được thông báo và được đào tạo lại một cách chi tiết: (0) không có đào tạo; (1) đào tạo cơ bản chấp nhận được; <b>(2=M từ năm thứ 3)</b> đào tạo cập nhật được tổ chức khi cần thiết liên quan tới mức độ rủi ro của hoạt động thu hái; (3) có hệ thống đào tạo rất tốt.	2=M từ năm thứ 3	
9.4.g	<p><b>Người thu hái được thông tin và đào tạo về các khía cạnh xã hội của FairWild</b> nếu có liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cam kết xã hội của tổ chức FairWild: không phân biệt đối xử, mối quan hệ bình đẳng giữa công ty và người thu hái và sự tham gia của người thu hái trong các quá trình ra quyết định, thanh toán đúng hạn, cam kết về giá công bằng</li> <li>- Trẻ em tham gia hoặc giúp đỡ trong các hoạt động thu hái</li> <li>- Các quá trình ra quyết định và tầm nhìn về sử dụng Quỹ tiền thưởng FairWild</li> </ul> <p>Người thu hái: (0) không nhận thức được bất kỳ tác động xã hội nào của hoạt động thu hái FairWild; <b>(1=M từ năm thứ 2)</b> đã được truyền đạt những thông tin cơ bản có liên quan; (2) người thu hái được đào tạo và hiểu về các khía cạnh xã hội và thương mại công bằng; (3) người thu hái tích cực tham gia vào việc thực hiện và cải thiện các khía cạnh xã hội / thương mại công bằng của FairWild.</p>	3 1=M từ năm thứ 2	

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>21</b>	<b>14</b>	

### 9.5. Tính minh bạch và sự tham gia

Các hoạt động thu hái phải được tiến hành một cách minh bạch liên quan đến việc lập kế hoạch và thực hành quản lý, lưu trữ và chia sẻ thông tin, và sự tham gia của các bên liên quan

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 9.5 Tính minh bạch và sự tham gia	TỐI ĐA	Điểm số
9.5.a	<b>Kiến thức của các nhóm, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, cơ quan v.v.. có quyền lợi</b> trong các nguồn tài nguyên mục tiêu, trong khu vực thu hái hoặc các tác động tiềm ẩn: (0) không được biết đến / ghi chép trong tài liệu mặc dù có sự hiện diện của các nhóm như vậy; (1) một số công ty / nhóm được nhắc tới trong kế hoạch; (2) tất cả các bên có liên quan được biết tới và được xác định trong kế hoạch quản lý; (3) có các mối quan hệ tốt với các bên liên quan.	3	
9.5.b	<b>Việc tham vấn và trao đổi thông tin thường xuyên</b> được duy trì với những người và nhóm chịu tác động trực tiếp của các hoạt động thu hái và quản lý nguồn tài nguyên: (0) không được thực hiện mặc dù rõ ràng có các nhóm sử dụng bị tác động; <b>(1=M) không được thực hiện nhưng không có xung đột lớn về sử dụng</b> ; (2) đã được thực hiện; (3) có nỗ lực đặc biệt nhằm xây dựng và duy trì các mối quan hệ tốt.	3 1= M	
9.5.c	<b>Các tổ chức và các cộng đồng của người thu hái / người bản địa bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thu hái tích cực tham gia</b> vào việc phát triển và quản lý nguồn tài nguyên : (0) không tham gia mặc dù có thể có quan tâm; <b>(1=M)</b> ít nhất được thông tin thường xuyên và được mời tham gia; (2) có nỗ lực làm việc chặt chẽ với các bên liên quan; (3) có nỗ lực đặc biệt để hợp tác với các bên liên quan.	3 1= M	
9.5.d	<b>Xung đột về nguồn tài nguyên với chủ đất liền kề / các nhà quản lý, hoặc những người sử dụng tài nguyên khác, được giải quyết</b> một cách có hệ thống và hiệu quả: (0) có các xung đột lớn chưa được giải quyết; (1) quản lý xung đột cơ bản và sơ bộ; (2) được quản lý tốt HOẶC không có xung đột; (3) việc thu hái được đánh giá cao bởi các cộng đồng địa phương VÀ không có xung đột nghiêm trọng.	3	
9.5.e	<b>Bản tóm tắt các yếu tố chính của kế hoạch quản lý</b> , các kế hoạch hoạt động hàng năm có liên quan và báo cáo đánh giá được chuẩn bị sẵn cho các bên liên quan: (0) không có sẵn khi được yêu cầu; (1) không được quy định / không phải hoạt động thông thường, nhưng không có yêu cầu về các thông tin này; (2) có tuyên bố rõ ràng rằng bản tóm tắt sẽ được cung cấp ngay khi có yêu cầu;	3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 9.5 Tính minh bạch và sự tham gia	TỐI ĐA	Điểm số
	hoặc có sẵn bản miêu tả chung về các chính sách và hoạt động thu hái các loài hoang dã (như trên trang web); (3) có chính sách chủ động trao đổi thông tin.		

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>15</b>	<b>10</b>	

## NGUYÊN TẮC 10: ÁP DỤNG CÁC THỰC TIỄN KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Việc thu hái các tài nguyên thiên nhiên được thực hiện vừa đảm bảo tính bền vững của nguồn tài nguyên mà vẫn hỗ trợ được các yêu cầu của thị trường về chất lượng, tài chính và truy xuất nguồn gốc

### 10.1. Các điều kiện về thị trường / người mua

Việc thu hái và xử lý bền vững các nguồn tài nguyên mục tiêu được quản lý và lập kế hoạch theo các yêu cầu của thị trường nhằm ngăn chặn hoặc giảm thiểu tình trạng thu hái các sản phẩm có khả năng sẽ không bán được.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 10.1 Các điều kiện về thị trường / người mua	TỐI ĐA	Điểm số
10.1.a	<b>Nhu cầu thị trường được xác định</b> (như đơn đặt hàng của người mua, phiếu ghi đặc điểm sản phẩm, v.v.): (0) không có kiến thức; (1) có một số hiểu biết cơ bản; (2) hiểu biết đầy đủ về các yêu cầu của thị trường; (3) rất tốt.	3	
10.1.b	<b>Chỉ những cây đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chất lượng mới được thu hái:</b> (0) rõ ràng có thu hái những cây không sử dụng được; (1) có một số thiếu sót nhỏ nhưng được thực hiện về cơ bản; (2) được thực hiện; có đào tạo và hướng dẫn phù hợp cho người thu hái; (3) quản lý thu hái rất tốt nhằm đảm bảo rằng chỉ những sản phẩm có chất lượng phù hợp được thu hái.	3	
10.1.c	<b>Công ty quản lý thu hái thông nhất với người mua về</b>	3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 10.1 Các điều kiện về thị trường / người mua	TỐI ĐA	Điểm số
	<b>khối lượng</b> trước khi mùa thu hái bắt đầu: (0) không được thực hiện, có tình trạng lãng phí lớn; (1) không thực sự được thực hiện, nhưng không lãng phí nhiều HOẶC công ty thu hái đã cố gắng nhưng không có được sự khẳng định về số lượng từ người mua; (2) đã được thực hiện; (3) hệ thống rất tốt.		
10.1.d	<b>Công ty quản lý thu hái xem xét các hướng dẫn dành cho người mua hàng</b> liên quan tới kế hoạch quản lý nguồn tài nguyên trước khi khẳng định đơn đặt hàng và bắt đầu việc thu hái: (0) không được thực hiện, rõ ràng không xem xét đến việc quản lý nguồn tài nguyên trong các hướng dẫn mua hàng thực tế dành cho người thu hái; (1) thỉnh thoảng; (2) luôn luôn được thực hiện hoặc luôn luôn chắc chắn rằng khối lượng được thu hái thấp hơn nhiều so với khối lượng tối đa và các giới hạn khác vì lí do quản lý bền vững nguồn tài nguyên; (3) hệ thống phản hồi thông tin nội bộ rất tốt.	3	
10.1.e	<b>Các hướng dẫn về xử lý nội bộ</b> mô tả các biện pháp xử lý sau thu hái một cách đúng đắn bởi người thu hái, sau khi mua sản phẩm từ người thu hái, và trong quá trình vận chuyển nhằm giảm thiểu tình trạng nhiễm bẩn / giảm chất lượng: (0) rõ ràng không đầy đủ; (1) rất cơ bản; (2) phù hợp với độ phức tạp và mức độ rủi ro; (3) các biện pháp được xây dựng rất tốt.	3	
10.1.f	<b>Việc chế biến và xử lý bởi người thu hái</b> được mô tả đầy đủ và được quy định trong các biện pháp xử lý nội bộ: (0) rõ ràng không đầy đủ; (1) rất cơ bản; (2) phù hợp với độ phức tạp và mức độ rủi ro; (3) các biện pháp được xây dựng rất tốt.	3	
10.1.g	<b>Không có tình trạng nhiễm bẩn trong quá trình bảo quản và chế biến bởi người thu hái</b> (như diệt côn trùng gây hại trong quá trình bảo quản): (0) khả năng nhiễm bẩn cao; ( <b>1=M năm 1</b> ) khả năng nhiễm bẩn thấp; ( <b>2=M từ năm thứ 2</b> ) có các biện pháp rõ ràng và tập huấn để đảm bảo rằng không xảy ra tình trạng nhiễm bẩn; (3) trình độ nhận thức của người thu hái rất cao.	3 1= M năm 1 2= M từ năm thứ 2	
10.1.h	Các sản phẩm <b>không bị nhiễm bẩn</b> trong quá trình chế biến hoặc bảo quản; (0) bị nhiễm bẩn; ( <b>1=M</b> ) hệ thống rất	3 1=	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 10.1 Các điều kiện về thị trường / người mua	TỐI ĐA	Điểm số
	Cơ bản nhưng nguy cơ nhiễm bẩn rất thấp; (2) hệ thống xử lý ngăn chặn hiệu quả tình trạng nhiễm bẩn; (3) hệ thống xử lý chất lượng cao được thực hiện rất tốt.	M	

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số	24	16	

## 10.2. Truy xuất nguồn gốc

Việc bảo quản và xử lý các tài nguyên mục tiêu được thực hiện nhằm hỗ trợ cho việc truy xuất nguồn gốc từ khu vực thu hái tới bán hàng

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 10.2 Truy xuất nguồn gốc	TỐI ĐA	Điểm số
10.2.a	Việc giao hàng / mua hàng được ghi chép trong <b>sổ mua hàng</b> trong đó có thông tin về ít nhất là ngày tháng, tên và mã số của người thu hái, khu vực thu hái, khối lượng được giao và chi tiết sản phẩm và tình trạng Chứng nhận FairWild; (0) không có ghi chép hoặc ghi chép không đầy đủ; ( <b>1=M</b> ) ghi chép cơ bản với ít nhất là tên và khối lượng cũng như khu vực thu hái để phục vụ hoạt động giám sát; (2) ghi chép đầy đủ, đáng tin cậy; (3) ghi chép rất tốt.	3 <b>1=M</b>	
10.2.b	Người thu hái được cấp một <b>giấy biên nhận</b> , trong đó ghi các thông tin về ít nhất là ngày tháng, tên (hoặc mã số) của người thu hái, loài và sản phẩm, khối lượng được giao và tình trạng Chứng nhận FairWild: (0) không có giấy biên nhận; (1) giấy biên nhận rất sơ sài, không đầy đủ thông tin; (2) giấy biên nhận thích hợp; (3) hệ thống mua hàng được tài liệu hóa rất tốt.	3	
10.2.c	<b>Hồ sơ về các hoạt động chế biến / đóng gói chính</b> (nhật ký chế biến / đóng gói) để cho phép truy xuất nguồn gốc của các lô hàng: (0) không có hồ sơ; (1) rất cơ bản / chưa đầy đủ; ( <b>2=M từ năm thứ 2</b> ) hồ sơ đầy đủ; (3) hệ thống hồ sơ rất tốt.	3 <b>2=M từ năm thứ 2</b>	
10.2.d	Đối với từng sản phẩm được chế biến (như làm sạch, phân loại, cắt, sàng/rây nguyên liệu) <b>tỷ lệ chế biến</b> (khối lượng thu hái so với trọng lượng cuối cùng sau chế biến)	3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 10.2 Truy xuất nguồn gốc	TỐI ĐA	Điểm số
	và <b>thành phần</b> (trong trường hợp sản phẩm gồm nhiều thành phần) được biết tới: (0) không được biết tới; (1) một số thông tin cơ bản; (2) được lưu vào hồ sơ; (3) hồ sơ chế biến được chuẩn bị rất tốt.		
10.2.e	<b>Các thủ tục nhận dạng khi thu hái và sau thu hái, dán nhãn và ghi chép hồ sơ cho phép truy xuất nguồn gốc từng lô hàng trở lại khu vực nơi nó được thu hái:</b> (0) không truy xuất nguồn gốc trở lại khu vực thu hái; (1) rất cơ bản / chưa được thực hiện nhất quán; <b>(2=M từ năm thứ 3)</b> hệ thống đơn giản đảm bảo truy xuất nguồn gốc trở lại khu vực thu hái; (3) hệ thống đánh số lô hàng nhất quán.	3 2=M từ năm thứ 3	
10.2.f	<b>Mua hoặc thu hái loài mục tiêu tương tự nhưng nằm ngoài phạm vi Chứng nhận FairWild:</b> (0) công ty thu hái thu hái cùng loài đó nhưng nằm ngoài phạm vi Chứng nhận FairWild; <b>(1=M)</b> các sản phẩm tương tự được mua vào hoặc thu hái ở những vùng khác: các thủ tục rõ ràng về phân loại và dán nhãn, việc mua và bán sản phẩm được ghi chép đầy đủ vào hồ sơ; (2) công ty thu hái không mua vào hoặc thu hái loài tương tự nằm ngoài phạm vi Chứng nhận FairWild; (3) hoạt động của toàn bộ công ty thu hái được cấp Chứng nhận FairWild. <i>Nếu không phù hợp → (3)</i>	3 1=M	
10.2.g	<b>Các sản phẩm được dán nhãn chính xác</b> khi được chuyển từ công ty thu hái tới người mua tiếp theo: tình trạng Chứng nhận FairWild của các sản phẩm, tên sản phẩm, số lô hàng hoặc mã số của trung tâm thu mua: (0) dán nhãn không nhất quán; (1) cần có một số cải tiến; (2) dán nhãn chính xác, hoặc ngoài ra thông tin này được ghi trong các giấy tờ đi kèm có liên quan tới lô hàng tương ứng; (3) hệ thống đánh số lô hàng và dán nhãn rất tốt.	3	
10.2.h	<b>Hồ sơ về tất cả các lần xuất khẩu và bán tại địa phương</b> cho phép tiến hành kiểm tra đầy đủ về sự lưu thông của sản phẩm: (0) không có tài liệu về xuất khẩu / bán hàng; (1) hồ sơ rất sơ sài / không đầy đủ; (2) có hóa đơn chi tiết với các thông tin về số lượng, chi tiết sản phẩm, số lô hàng hoặc thông tin tương tự; (3) thông tin cơ sở và hóa đơn chi tiết.	3	



Số giám sát điểm	Giám sát điểm 10.2 Truy xuất nguồn gốc	TỐI ĐA	Điểm số
10.2.i	<b>Hóa đơn và hồ sơ vận chuyển ghi rõ tình trạng Chứng nhận FairWild</b> của sản phẩm; (0) không đề cập tới; <b>(1=M) tình trạng Chứng nhận được ghi rõ trên hóa đơn</b> ; (2) chất lượng trên tất cả các giấy tờ vận chuyển; (3) hệ thống dán nhãn và truy xuất nguồn gốc rất tốt.	3 1=M	
10.2.j	<b>Hóa đơn hoặc hợp đồng bán hàng ghi rõ tiền thưởng FairWild</b> : (0) không ghi rõ và thậm chí không được xác định; (1) được thỏa thuận nhưng không ghi rõ trong hồ sơ; (2) được lập ghi đầy đủ trong hồ sơ.	2	
10.2.k	<b>Chứng nhận giao dịch</b> cho tất cả các giao dịch bán hàng đối với các sản phẩm có Chứng nhận được cấp bởi cơ quan cấp Chứng nhận: (0) không có; (1) chỉ có đối với một số giao dịch bán hàng; (2) có cho tất cả các giao dịch bán hàng FairWild.	2	

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>31</b>	<b>22</b>	

### 10.3. Khả năng tài chính và các mối quan hệ thương mại có trách nhiệm

Khuyến khích các cơ chế có thể đảm bảo khả năng tài chính của hệ thống thu hái bền vững các tài nguyên mục tiêu

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 10.3 Khả năng tài chính và các mối quan hệ thương mại có trách nhiệm	TỐI ĐA	Điểm số
10.3.a	<b>Có kế hoạch tài chính</b> cho công ty thu hái kể cả quản lý nguồn tài nguyên, bảo tồn và giá cả công bằng cho người thu hái như là các chi phí nội bộ: (0) không có kế hoạch; (1) rất cơ bản; (2) đầy đủ; (3) rất tốt.	3	
10.3.b	<b>Tính toán tiền thưởng FairWild</b> : (0) không có khoản tiền thưởng nào được tính toán và đề nghị cho doanh số bán hàng FairWild; (1) hệ thống rất cơ bản; (2) tiền thưởng FairWild thích hợp được tính toán làm cơ sở cho việc thương thảo với người mua, ví dụ 10% của giá trung bình được trả cho người thu hái hoặc một chuẩn khác đã được thảo luận <i>(như mức thưởng cố định dựa trên giá</i>	3	

Số giám sát điểm	Giám sát điểm 10.3 Khả năng tài chính và các mối quan hệ thương mại có trách nhiệm	TỐI ĐA	Điểm số
	<i>trung bình dài hạn và nhằm mục đích có được khoản tiền quỹ đáng kể dành cho các dự án xã hội, phần trăm thấp hơn nhưng tiền thưởng được trả cho toàn bộ sản lượng của công ty thu hái do đó có thể đạt được tác động xã hội tích cực); (3) hệ thống tiền thưởng được xây dựng rất tốt và có phương pháp tiếp cận thương mại công bằng toàn diện.</i>		
10.3.c	<b>Khi được yêu cầu công ty thu hái chia sẻ về giá trả cho người thu hái với người mua FairWild:</b> (0) từ chối cung cấp thông tin hoặc rõ ràng là cung cấp thông tin sai; (1) thông tin có một chút không chính xác / không rõ ràng; (2) thông tin về giá trả cho người thu hái cơ bản chính xác.	2	
10.3.d	<b>Lợi nhuận</b> thu được từ thu hái các nguồn tài nguyên hoang dã <b>đủ để bù đắp các chi phí</b> cho các hoạt động quản lý nguồn tài nguyên trong dài hạn, bao gồm cả các khoản đầu tư cho bảo tồn theo yêu cầu: (0) lợi nhuận thu được rõ ràng không thể bù đắp cho các chi phí; (2) có khả năng cao là các chi phí sẽ được bù đắp, ít nhất với sự hỗ trợ / bao cấp thêm về dài hạn; (3) có các mối quan hệ thị trường tốt với người mua, những người sẵn sàng trả mức giá có thể bù đắp được chi phí.	3	
10.3.e	Công ty hoạt động hướng tới <b>tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm:</b> (0) không có nỗ lực nào; (1) có một số cải thiện; (2) có nỗ lực liên tục, nghiêm túc; (3) có nỗ lực đặc biệt.	3	
10.3.f	<b>Nếu đã có các vấn đề lớn về chất lượng và tranh luận về những khiếu nại về chất lượng:</b> (0) không có biện pháp nào nhằm cải thiện tình hình; (1) đạt được một số thỏa hiệp với đối tác thương mại, vẫn còn tồn tại một số bất đồng; (2) các bên đã đạt được thỏa thuận về giải quyết hậu quả (như trả lại sản phẩm) và đã thực hiện các biện pháp nhằm cải thiện tình hình; (3) đạt được các thỏa thuận đặc biệt thỏa đáng / chủ động. <i>Nếu không phù hợp → (2)</i>	3	

TỔNG	TỐI ĐA	TNP	Điểm số
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>17</b>	<b>12</b>	

## **NGUYÊN TẮC 11: THỨC ĐẨY CAM KẾT CỦA NGƯỜI MUA**

*Người mua các sản phẩm được thu hái trong tự nhiên (ví dụ: người xuất khẩu) hướng tới mối quan hệ đem lại lợi ích song phương lâu dài với công ty thu hái, dựa trên sự tôn trọng, minh bạch và hỗ trợ cho các nhà cung cấp ở khía cạnh chất lượng.*

*Nghĩa vụ của người mua FairWild với tư cách là đối tác thương mại công bằng được kiểm chứng trên cơ sở tự đánh giá và bằng chứng qua tư liệu về sự tuân thủ hai tiêu chí dưới đây:*

11.1. Mỗi quan hệ thương mại đôi bên cùng có lợi

11.2. Giá cả công bằng và tiền thưởng FairWild

*Chưa có chỉ số thực hiện nào được xác định cho phần này.*

## PHẦN II. CÁC CHỈ SỐ FAIRWILD BỔ SUNG CHO LOÀI CÓ NGUY CƠ CAO

Các chỉ số thực hiện bổ sung dưới đây áp dụng cho bất kỳ đơn vị nào thu hái ít nhất một loài có nguy cơ cao.

### 1.1. Tình trạng bảo tồn của loài có nguy cơ cao

Tình trạng bảo tồn của loài có nguy cơ cao và quần thể loài được đánh giá và xem xét thường xuyên.

Số giám sát điểm	Giám sát điểm Phần II. Các chỉ số FairWild bổ sung cho loài có nguy cơ cao	TỐI ĐA	Điểm số
1.1.b	Các loài mục tiêu được coi là có nguy cơ cao theo các tiêu chí FairWild, nhưng “ <b>thiếu dữ liệu / DD</b> ” trong cơ sở dữ liệu của Danh sách đỏ IUCN hoặc không có đánh giá được biết đến nào về tình trạng bảo tồn toàn cầu, quốc gia hoặc vùng (không được đánh giá): (0) không có hành động cũng không có kế hoạch nào nhằm tiếp tục thu thập thông tin; (2) công ty thu hái đang thu thập thông tin về bảo tồn và dữ liệu cần thiết cho đánh giá tình trạng bảo tồn trong đánh giá nguồn tài nguyên của mình; (3) chủ động thu thập dữ liệu về bảo tồn và làm việc với IUCN về đánh giá tình trạng bảo tồn. <i>Nếu không phù hợp → (2)</i>	3	

### 1.2. Các hoạt động thu hái dựa vào kiến thức

Các hoạt động thu hái và quản lý được dựa trên việc xác định, lập bản đồ, đánh giá và giám sát đầy đủ các loài mục tiêu và các tác động của việc thu hái.

1.2.c	<b>Lập bản đồ các quần thể loài mục tiêu trong các khu vực thu hái:</b> (0) không được thể hiện trên bản đồ cũng không có kiến thức tốt về vị trí của các quần thể mục tiêu; (1) có dấu hiệu gần đúng về các quần thể mục tiêu; các vị trí chính xác trong khu vực thu hái không thực sự được biết tới hoặc chỉ lập bản đồ rất cơ bản (như bản đồ vẽ tay / tài từ	3 2=M từ năm thứ 2	
-------	---	-----------------------------	--

	trên mạng xuống) nhưng người quản lý thu hái và những người thu hái biết rất rõ về các vị trí; <b>(2=M từ năm thứ 2)</b> các bản đồ có chất lượng cao (như GIS / GPS) xác định vị trí, kích thước, và phạm vi của các khu vực thu hái và vị trí của các quần thể mục tiêu (có thể là toàn bộ khu vực thu hái, nếu có trường hợp đó); (3) có kiến thức và hồ sơ rất tốt về các địa điểm thu hái / quần thể mục tiêu trong khu vực thu hái.		
1.2.1	<b>Loài mục tiêu bị đe dọa</b> (Rất nguy cấp / CR, Nguy cấp / EN, Sắp nguy cấp / VU theo các hạng mục phân loại của Danh sách đỏ IUCN hoặc cơ quan bảo tồn tương đương): (0) các loài mục tiêu được biết tới là bị đe dọa – không có nhận thức liên quan hoặc nỗ lực nào nhằm đảm bảo tính bền vững của loài này; <b>(2=M) loài mục tiêu đã được đánh giá là không bị đe dọa. Bất kỳ loài mục tiêu bị đe dọa nào chỉ có thể được chứng nhận nếu công ty thu hái cho thấy rằng sự nhận thức và các biện pháp đặc biệt nhằm giảm bớt các mối đe dọa đã được xác định được đưa vào và thực hiện trong kế hoạch quản lý. Hội đồng Chuyên môn FairWild phải phê chuẩn Chứng nhận;</b> (3) các biện pháp bổ sung đặc biệt được thực hiện nhằm đảm bảo việc bảo vệ và bảo tồn nguyên vị và chuyển vị các loài mục tiêu bị đe dọa.	3 <b>2=M</b>	

### 1.3. Tính bền vững của mức độ thu hái

Mức độ (cường độ và tần suất) thu hái nguồn tài nguyên mục tiêu không vượt quá khả năng tái sinh của loài mục tiêu về lâu dài.

1.3.c	<b>Thông tin cơ sở / điều tra về loài mục tiêu có nguy cơ cao</b> trong khu vực thu hái, bao gồm kích thước quần thể, phân bố, cấu trúc quần thể (cấp kính / tuổi), tỷ lệ sinh sản / tăng trưởng / tái sinh: (0) không có thông tin; (1) gần chính xác; <b>(2=M từ năm thứ 2) thông tin được công bố hoặc quan sát của địa phương</b> (bao gồm người thu hái / kiến thức địa phương) được khẳng định qua việc thu thập dữ liệu cụ thể về địa điểm và loài. Hệ thống đánh giá và giám sát nguồn tài nguyên được thiết kế nhằm cải thiện thông tin cơ sở về loài và quần thể mục tiêu trong khu vực thu hái; (3) có thông tin cơ sở chính xác về loài mục tiêu (như nghiên cứu mục tiêu).	3 <b>2=M</b> <b>từ năm thứ 2</b>	
1.3.d	<b>Chất lượng của dữ liệu được sử dụng để xác định khối</b>	3	

	<b>lượng thu hái được phép tối đa đối với từng loài mục tiêu có nguy cơ cao:</b> (0) không có khối lượng tối đa hợp lý, và không tham khảo các hoạt động thu hái lâu dài; (1) ước lượng gần chính xác khối lượng tối đa; (2=M) các giới hạn thu hái được <b>minh chứng qua thông tin về đánh giá và giám sát nguồn tài nguyên theo loài và lập địa cụ thể</b> cũng như kiến thức của người thu hái; (3) hệ thống rất tốt.	2=M	
1.3.e	<b>Tính bền vững của khối lượng thu hái được phép tối đa đối với loài mục tiêu có nguy cơ cao / bộ phận được thu hái:</b> (0) không có thông tin; (1) không có dấu hiệu cho thấy rằng khối lượng thu hái tối đa hiện tại / dự kiến làm giảm chất lượng hoặc tính sẵn có của nguồn tài nguyên trong khu vực thu hái; (2=M) khối lượng thu hái tối đa được dự kiến trong kế hoạch quản lý được <b>minh chứng qua điều tra / sản lượng / số lượng ước tính tái sinh cao hơn nhiều so với khối lượng thu hái</b> (như phòng ngừa); khối lượng thu hái tối đa được điều chỉnh theo giám sát định kỳ về sản lượng, tái sinh và tác động thu hái; (3) khối lượng thu hái tối đa được hỗ trợ bởi nghiên cứu mục tiêu.	3 2=M	
1.3.f	<b>Tính bền vững của tần suất thu hái loài có nguy cơ cao được xác định trước trong hướng dẫn thu hái:</b> (0) thu hái rõ ràng vượt quá xa tỷ lệ thay thế; (1) có sẵn dữ liệu cơ sở và giám sát, nhưng không có dấu hiệu cho thấy các quần thể loài đang suy giảm; (2=M) thu hái <b>không vượt quá tỷ lệ thay thế</b> của cá thể trưởng thành hoặc bộ phận được thu hái của loài mục tiêu trong khu vực thu hái; (3) tần suất thu hái thấp hơn nhiều so với tỷ lệ thay thế.	3 2=M	
1.3.1	Nếu việc thu hái làm hạn chế sự sinh sản của cây, <b>tỷ lệ cây trưởng thành, sinh sản được giữ lại trong quần thể mục tiêu để dành cho thu hái được xác định</b> là nhằm duy trì một cơ sở cho mật độ quần thể và sự đa dạng về cấu trúc và gen cơ sở: (0) Không có dữ liệu cơ sở hay dữ liệu giám sát cũng không có kế hoạch nào để điều tra và giám sát; (1) điều tra cơ sở được đưa vào trong đánh giá nguồn tài nguyên; (2=M <b>từ năm thứ 3</b> ) điều tra và giám sát cơ sở trong kế hoạch quản lý là phù hợp với mức độ nguy cơ của loài mục tiêu; (3) có hệ thống tốt. <i>Nếu không phù hợp → (2)</i>	3 2=M <b>từ năm thứ 3</b>	

## 9.1. Kế hoạch quản lý loài / khu vực

Kế hoạch quản lý loài / khu vực xác định các quá trình quản lý thích ứng và thực tiễn và các thông lệ thu hái tốt.

9.1.h	<b>Kế hoạch quản lý xác định các hoạt động khác trong khu vực có các mối đe dọa tiềm ẩn tới tính bền vững</b> của loài và sinh cảnh (như các công ty thu hái khác trong cùng một khu vực): (0) không được đưa vào kế hoạch; không được biết đến; không có nỗ lực giải quyết các rủi ro liên quan; (1) một số thông tin rất cơ bản được đưa vào, có một số nỗ lực hợp tác; (2) các bên khác được biết tới và thông tin cơ bản về hoạt động của họ trong khu vực thu hái được lưu trong hồ sơ. (3) hợp tác và trao đổi thông tin tốt với những người sử dụng khác	3	
9.1.i	<b>Kế hoạch quản lý bao gồm các chiến lược nhằm ngăn chặn hoặc giảm bớt các mối đe dọa đã được xác định</b> đối với tính bền vững của việc thu hái (những người sử dụng khác nhau trong khu vực; các nguồn gây ô nhiễm, v.v.): (0) không có chiến lược hay hành động mặc dù là rất cần thiết; (1) có một số chiến lược và hoạt động nhằm giảm bớt nguy cơ, nhưng chưa được chính thức hóa trong kế hoạch quản lý; <b>(2=M từ năm thứ 2)</b> chiến lược phù hợp HOẶC không có nguy cơ nào được xác định; (3) có những nỗ lực đặc biệt. <i>Nếu không áp dụng</i> → (2)	3 <b>2=M từ năm thứ 2</b>	

## 9.2. Điều tra, đánh giá và giám sát

Quản lý thu hái ngoài tự nhiên được hỗ trợ bởi điều tra, đánh giá và giám sát đầy đủ các tác động của việc thu hái.

9.2.a	<b>Đánh giá và giám sát thường xuyên các nguồn tài nguyên mục tiêu có nguy cơ cao</b> và các sinh cảnh được thực hiện, lập hồ sơ và đưa vào kế hoạch quản lý: (0) không có giám sát nào được thực hiện hay lên kế hoạch; (1) giám sát đơn giản / không chính thức, không có các biện pháp bằng văn bản; <b>(2=M từ năm thứ 2)</b> các biện pháp phù hợp cho đánh giá và giám sát định kỳ nguồn tài nguyên được xác định trong kế hoạch quản lý và được thực hiện; (3) hệ thống tiên tiến, nhân viên rất hiểu biết.	3 <b>2=M từ năm thứ 2</b>	
-------	--	------------------------------	--

### 9.3. Thực hiện các biện pháp thu hái bền vững bởi người thu hái

Công ty thu hái phải đảm bảo rằng chỉ có những người thu hái đã qua đào tạo và có chuyên môn mới được tham gia thu hái các loài mục tiêu và giám sát việc thực hiện hiệu quả các hướng dẫn về thu hái

9.3.g	<p><b>Bằng chứng về tần suất thu hái dựa trên những chuyến đi thăm thực tế và phỏng vấn với người thu hái.</b>  <b>→ Tất cả các loài có nguy cơ cao:</b> (0) rõ ràng có tần suất cao hơn tại một số địa điểm, người thu hái không nắm được các giới hạn về tần suất VÀ có dấu hiệu cho thấy có tình trạng khai thác quá mức; (1) không có dấu hiệu cho thấy có tình trạng khai thác quá mức, nhưng người thu hái không nắm được các giới hạn về tần suất hoặc thường thu hái nhiều hơn so với chỉ dẫn ở một số địa điểm / ô; <b>(2=M)</b> thu hái theo đúng tần suất thu hái chính thức, không có bằng chứng cho thấy có tình trạng khai thác quá mức thậm chí ở những địa điểm thường có tần suất thu hái cao; (3) hoạt động thu hái có tác động rất thấp. <i>Nếu không phù hợp → (2)</i></p>	3 2=M	
-------	--	----------	--

<b>TỔNG Phần II Giám sát điểm bổ sung cho Các loài có nguy cơ cao</b>	<b>TỐI ĐA</b>	<b>TNP</b>	<b>Điểm số</b>
<b>Điểm tối đa / Tổng điểm tiêu chuẩn / Điểm số</b>	<b>36</b>	<b>24</b>	



# TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ABABOUC, L. 2002. Fish trade, safety, quality, and environmental issues. PowerPoint presentation. UNCTAD Workshop on standards and trade. Geneva, 16-17/5/2002.
- BIOFOUNDATION. 2008. Fair for Life Certification Programme. Biofoundation, Weinfelden, Switzerland.  
[http://www.fairforlife.net/logicio/client/fairforlife/file/IMO\\_SFT\\_Programme\\_Version3\\_Feb08.pdf](http://www.fairforlife.net/logicio/client/fairforlife/file/IMO_SFT_Programme_Version3_Feb08.pdf)
- BROWN, L., D. ROBINSON, and M. KARMANN. 2000. The Forest Stewardship Council and Non-timber Forest Product Certification: a Discussion Paper. Appendix A. Draft Principle 11. FSC NTFP Working Group, 1997.
- COONEY, R. 2004. The Precautionary Principle in Biodiversity Conservation and Natural Resource Management: An issues paper for policy-makers, researchers and practitioners. IUCN, Gland, Switzerland and Cambridge, UK.
- CUNNINGHAM, A B. 2001. *Applied ethnobotany: people, wild plant use and conservation*. Earthscan, London.
- EDQM. 2007. *The European Pharmacopoeia*. 6<sup>th</sup> edition.
- FSC. 2000. Principles and Criteria. Forest Stewardship Council.
- FSC. 2006. Chain of Custody Certification. Forest Stewardship Council.
- FWF. 2010a. *FairWild Standard: Version 2.0*. FairWild Foundation, Weinfelden, Switzerland.
- FWF. 2010b. *FairWild Standard: Version 2.0. Performance Indicators*. FairWild Foundation, Weinfelden, Switzerland.
- HOLLING, C.S. 1978. *Adaptive environmental assessment and management*. John Wiley and Sons, New York.
- ILO. 1958. C111 Discrimination (Employment and Occupation) Convention. International Labour Organization, Geneva
- ISEAL. 2004. ISEAL Code of Good Practice for Setting Social and Environmental Standards. International Social and Environmental

Accreditation and Labelling Alliance. P005 Final Public Draft, version 3, January 2004.

IUCN. 2001. *IUCN Red List Categories and Criteria: Version 3.1*. IUCN Species Survival Commission. IUCN, Gland, Switzerland and Cambridge, UK.

LAMMERTS VAN BUEREN, E.M., AND E.A. BLOM. 1997. *Hierarchical Framework for the Formulation of Sustainable Forest Management Standards*. The Tropenbos Foundation, Leiden, The Netherlands.

LEAMAN, D. and A.B. CUNNINGHAM. 2008. Resource assessment: a guide to implementing Principle 1: maintaining MAP resources. Guidance for implementing the ISSC-MAP. Draft for review and comment, 08-04-08.

MPSG. 2007. *International Standard for Sustainable Wild Collection of Medicinal and Aromatic Plants (ISSC-MAP)*. Version 1.0. Bonn, Gland, Frankfurt, and Cambridge: Bundesamt für Naturschutz (BfN), MSPG/SSC/IUCN, WWF Germany, and TRAFFIC.(BfN-Skripten 195).

MEINSHAUSEN F, S. WINKLER, R. BÄCHI, F. STAUBLI, and K. DÜRBECK. 2006. *FairWild Standards*, Version 1 (11/2006). FairWild Foundation, Weinfelden, Switzerland.

PETERS, C.M. 1994. Sustainable Harvest of Non-Timber Plant Resources in Tropical Moist Forest: An Ecological Primer. Biodiversity Support Programme and World Wildlife Fund, Washington, DC

PIERCE, A.R. and S.A. LAIRD. 2003. *In search of comprehensive standards for non-timber forest products in the botanicals trade*. International Forestry Review 5(2): 138-147.

SAI. 2004. Guidance Document for Social Accountability 8000. Social Accountability International, New York.

SCHROEDER, D. 2007. Benefit sharing: it's time for a definition. *Journal of Medical Ethics* 33:205-209.

SECO. 2005. *A Guide to Using the Working Draft ABS Management Tool*. State Secretariat for Economic Affairs. Berne, Switzerland.

SHANLEY, P., A.R. PIERCE, S.A. LAIRD, and A. GUILLEN. 2002. *Tapping the Green Market: Certification and Management of Non-timber Forest Products*. Earthscan.

- UNCTAD. 2008. International Requirements for Organic Certification Bodies. United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD), Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO) and International Federation of Organic Agriculture Movements (IFOAM), Geneva, Rome and Bonn.  
[http://www.unctad.org/trade\\_env/itf-organic/meetings/itf8/IROCB\\_0809%20.pdf](http://www.unctad.org/trade_env/itf-organic/meetings/itf8/IROCB_0809%20.pdf)
- UNEP. 2001. *Convention on Biological Diversity: Text and Annexes*. United Nations Environment Programme. UNEP/CBD/94/1.
- WALTERS, C.J. 1986. *Adaptive management of renewable resources*. McMillan, New York.
- ZABEL, R.W., C.J. HARVEY, S.L. KATZ, T.P. GOOD, and P.S. LEVIN. 2003. Ecologically sustainable yield. *American Scientist* 91(2): 150+.

# PHỤ LỤC 1. TỪ VIẾT TẮT

ABS	Tiếp cận và chia sẻ lợi ích
BfN	Cơ quan liên bang Đức về Bảo vệ thiên nhiên
CBD	Công ước Đa dạng sinh học
EDQM	Ủy ban Châu Âu về chất lượng thuốc và chăm sóc y tế
FSC	Hội đồng quản trị rừng
FWF	Tổ chức FairWild
HR	Nguy cơ cao
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
IMO	Viện thị trường sinh thái
ISSC-MAP	Tiêu chuẩn quốc tế về thu hái bền vững cây thuốc và cây hương liệu trong tự nhiên
IUCN	Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên quốc tế
MAT	Các điều khoản đã được các bên nhất trí
MAP	Cây thuốc và cây hương liệu
MPSG	Nhóm chuyên gia về cây thuốc của IUCN/SSC
NTFP	Lâm sản ngoài gỗ
PIC	Đồng thuận trước
SECO	Ban Thư ký Nhà nước về các vấn đề kinh tế (Thụy Sĩ)
SSC	Ủy ban bảo tồn loài
UNCTAD	Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển
UNEP	Chương trình Môi trường Liên hợp quốc

## PHỤ LỤC 2. CÁC THUẬT NGỮ<sup>6</sup>

Thuật ngữ	Định nghĩa	Nguồn
Tiếp cận và chia sẻ lợi ích (ABS)	<p>Trong bối cảnh luật pháp quốc tế, [tiếp cận và] chia sẻ lợi ích là hành động trao một phần của những lợi ích / lợi nhuận phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen hoặc kiến thức bản địa cho bên cung cấp nguồn tài nguyên. Các định nghĩa rộng hơn bao gồm việc sử dụng các nguồn tài nguyên sinh học, kiến thức cộng đồng, khoa học kỹ thuật, sáng kiến hoặc thông lệ.</p>	SCHROEDER 2007
Quản lý thích ứng	<p>Một phương pháp tiếp cận tổng hợp, đa lĩnh vực nhằm đối phó với sự thay đổi trong các vấn đề về nguồn tài nguyên thiên nhiên. Phương pháp tiếp cận này là thích ứng bởi vì nó thừa nhận rằng các nguồn tài nguyên thiên nhiên được quản lý sẽ luôn thay đổi do sự can thiệp của con người, những điều bất ngờ là không thể tránh được, và rằng những thay đổi mới sẽ xuất hiện. Tích cực học hỏi là cách mà theo đó sự thay đổi sẽ được sàng lọc. Quản lý thích ứng thừa nhận rằng các chính sách phải đáp ứng được các mục tiêu xã hội, nhưng cũng phải liên tục được điều chỉnh và linh hoạt để thích ứng với những điều bất ngờ này. Quản lý thích ứng, do đó, coi chính sách là các giả thuyết – có nghĩa là, hầu hết các chính sách thực ra là các câu hỏi giả dạng</p>	HOLLING 1978; WALTERS 1986

<sup>6</sup> Một số thuật ngữ được đưa vào trong bảng này bởi vì chúng được sử dụng trong Tiêu chuẩn FairWild Phiên bản 2.0 (FWF 2010).

Thuật ngữ	Định nghĩa	Nguồn
	như những câu trả lời ... và các hoạt động quản lý trở thành các biện pháp giải quyết theo hướng thực nghiệm.	
Đa dạng sinh học	Sự khác nhau giữa các sinh vật sống ở tất cả mọi nơi bao gồm, <i>bên cạnh những cái khác</i> , các hệ sinh thái trên cạn, các hệ sinh thái trong đại dương và các hệ sinh thái thủy vực khác, cũng như các phức hệ sinh thái mà các sinh vật là một thành phần trong đó; thuật ngữ này bao hàm sự khác nhau trong một loài, giữa các loài và giữa các hệ sinh thái khác nhau.	UNEP 2001
Công ty khai thác	Toàn bộ một tổ chức hay một đơn vị kinh doanh nào đó chịu trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của Tiêu chuẩn này, thường là công ty hay tổ chức quản lý các hoạt động thu hái ngoài tự nhiên và bán các sản phẩm thu hái từ tự nhiên.	ADAPTED FROM SAI 2004
Trẻ em	Trẻ em là bất kỳ người nào dưới 15 tuổi, trừ khi luật về tuổi của địa phương quy định một độ tuổi cao hơn đối với làm việc và học tập bắt buộc, trong trường hợp đó độ tuổi cao hơn sẽ được áp dụng. Nếu, tuy nhiên, luật về tuổi của địa phương quy định là 14 tuổi theo các trường hợp ngoại lệ áp dụng cho các nước đang phát triển của Công ước 138 của Tổ chức Lao động Thế giới, độ tuổi thấp hơn sẽ được áp dụng.	SAI 2004
Tiêu chí	Một trạng thái hay khía cạnh ... cần có do kết quả của việc tuân thủ một nguyên tắc. Cách mà các tiêu chí được xác lập nên tạo ra một sự tôn trọng triệt để về	LAMMERTS VAN BUEREN and BLOM 1997

Thuật ngữ	Định nghĩa	Nguồn
	mức độ tuân thủ trong một tình hình cụ thể.	
	Một tiêu chuẩn theo đó sự đánh giá hoặc quyết định có thể được căn cứ vào; một tiêu chuẩn hay nét đặc trưng.	ENCYCLOPAEDIA BRITANNICA 2006
	Một công cụ để đánh giá xem một nguyên tắc đã được thực hiện hay chưa. Một tiêu chí làm tăng thêm ý nghĩa và tác dụng của một nguyên tắc mà không làm cho bản thân nó trở thành một tiêu chuẩn so sánh sự thực hiện trực tiếp.	SHANLEY et al. 2002
	Chỉ ra xem một tiêu chuẩn đánh giá cái gì.	ISEAL 2004
	Một công cụ để đánh giá xem một nguyên tắc (của quản trị rừng) đã được thực hiện hay chưa.	FSC 2000
Quyền theo phong tục	Quyền được tạo ra do một loạt các hành động có tính phong tục hay thói quen, liên tục được lặp lại, mà đã đạt được, qua sự lặp lại này và qua sự mặc nhận liên tục, hiệu lực của luật trong phạm vi một đơn vị địa lý hay xã hội học.	FSC 2000
Phân biệt đối xử	Bất kỳ sự phân biệt, loại trừ hay thiên vị nào được tạo ra dựa vào chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, qua điểm chính trị, nguồn gốc dân tộc hoặc nguồn gốc xã hội, có tác dụng loại bỏ hoặc hạn chế sự bình đẳng về cơ hội hay đối xử trong việc làm hoặc nghề nghiệp; bao gồm cả những phân biệt, loại trừ hay thiên vị khác có tác dụng loại bỏ hoặc hạn chế sự bình đẳng về cơ hội hay đối	ILO 1958

Thuật ngữ	Định nghĩa	Nguồn
	xử trong việc làm hoặc nghề nghiệp	
Hệ sinh thái	Một quần thể tất cả các loài động, thực vật và môi trường sống của chúng, cùng hoạt động như một đơn vị phụ thuộc lẫn nhau.	FSC 2000
Loài nguy cấp	Bất kỳ loài nào đang phải đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn hoặc một phần quan trọng trong phạm vi phân bố của nó.	FSC 2000
Bảo tồn chuyển vị	Bảo tồn các thành phần của đa dạng sinh học bên ngoài sinh cảnh tự nhiên của chúng.	UNEP 2001
Quy mô thu hái	<p>Quy mô: phạm vi qua đó một điều gì đó mở ra: phạm vi.</p> <p>Phạm vi: mức độ của sự xử lý, hoạt động, hay ảnh hưởng; phạm vi hoạt động</p> <p>Mức độ: một quy mô, phạm vi trên một quy mô lớn.</p> <p>Tỷ lệ: một tỷ số cố định giữa hai thứ; một giá trị được đánh giá; một đại lượng, số lượng, hoặc mức độ của một thứ gì đó được đo lường theo đơn vị của một thứ khác</p> <p>Cường độ: độ lớn của một đại lượng (như sức mạnh hay năng lượng) trên đơn vị (như diện tích, chi phí, khối lượng, hay thời gian).</p> <p>Tần suất: số lần lặp lại của một quá trình định kỳ trong một đơn vị thời gian</p> <p>Thể tích: lượng của không gian được chiếm giữ bởi một vật thể ba chiều như được đo lường trong các đơn vị khối;</p>	ENCYCLOPAEDIA BRITANNICA 2006



Thuật ngữ	Định nghĩa	Nguồn
	<p>lượng của một vật chất chiếm giữ một thể tích cụ thể.</p> <p>Khối lượng: một lượng xác định hoặc ước tính</p> <p>Mức độ: độ lớn của một khối lượng được xem xét trong mối tương quan với một giá trị tham khảo bất kỳ; rộng lớn = độ lớn, cường độ.</p> <p>Sản lượng (ổn định hàng năm): sinh lợi hay đem đến với tư cách là một sản phẩm tự nhiên, đặc biệt là kết quả của việc gieo trồng; sản phẩm, đặc biệt lượng hay khối lượng được sản sinh ra hoặc hoàn lại.</p>	
<p>Tiền thưởng FairWild</p>	<p>Số tiền trả thêm ngoài giá bán FairWild cho tất cả các sản phẩm được chứng nhận FairWild được mua từ người thu hái.</p> <p>Tiền thưởng FairWild phải được quản lý tách riêng khỏi tất cả các khoản doanh thu khác và việc sử dụng nó được giới hạn chặt chẽ cho các dự án xã hội đã được thống nhất hoặc các khoản chi trả cho những người sản xuất cao hơn. Nó cũng có thể được sử dụng trong những năm đầu tiên để bù đắp những chi phí cho các biện pháp cải thiện và bảo đảm sinh thái, như các chi phí thực hiện đánh giá nguồn tài nguyên và các chi phí cho mẫu tiêu bản.</p>	<p>FWF 2010b</p>
<p>Lao động bắt buộc</p>	<p>Tất cả các công việc hoặc dịch vụ được khai thác từ một người nào đó dưới sự đe dọa của bất kỳ hình phạt nào [và] đối với lao động đó người được nói đến không tự nguyện muốn làm hoặc đối với lao động đó công việc hoặc dịch vụ được yêu cầu</p>	<p>SAI 2004</p>

Thuật ngữ	Định nghĩa	Nguồn
	như là một cách trả nợ.	
Hướng dẫn	Một sự chỉ dẫn hoặc phác thảo của một chính sách hoặc sự chỉ đạo.	ENCYCLOPAEDIA BRITANNICA 2006
Sinh cảnh	Vị trí hoặc kiểu địa điểm nơi một sinh vật hoặc quần thể xuất hiện một cách tự nhiên.	UNEP 2001
Hài hòa hóa	Hài hòa hóa là một quá trình theo đó nội dung của hai hoặc nhiều hơn hai tiêu chuẩn được dần dần đưa đến sự phù hợp. Các hoạt động hỗ trợ cho hài hòa hóa bao gồm, nhưng không giới hạn ở, việc sử dụng các tiêu chí và chỉ số phổ biến, các tuyên bố về các mục tiêu phổ biến, việc áp dụng các cấu trúc phổ biến để trình bày về các tiêu chuẩn, và việc xây dựng và áp dụng một tiêu chuẩn quốc tế duy nhất.	ISEAL 2004
Nguy cơ cao (HR)	Các loài thực vật đã được xác định là bị đe dọa bởi Tổ chức FairWild do một loạt các yếu tố sinh thái và thị trường (xem Bảng 1).	
Thuốc có nguồn gốc dược liệu	Thuốc có nguồn gốc dược liệu thường là cây nguyên vẹn, bị cắt thành đoạn hoặc bị gãy, các bộ phận của cây, tảo, nấm hoặc địa y, ở tình trạng chưa được chế biến, thường là ở dạng sấy khô nhưng đôi khi ở dạng tươi. Các chất dịch nhất định chưa được dùng trong một điều trị cụ thể cũng có thể được coi là thuốc có nguồn gốc dược liệu. Thuốc có nguồn gốc dược liệu được định nghĩa chính xác bởi tên	EDQM 2007

Thuật ngữ	Định nghĩa	Nguồn
	khoa học thực vật theo hệ thống phân loại tên kép (giống, loài, thứ và tác giả).	
Chỉ số	Một tham số định lượng hoặc định tính có thể được đánh giá trong mối tương quan với một tiêu chí.	LAMMERTS VAN BUEREN và BLOM 1997
	Tham số định lượng hoặc định tính có thể được đánh giá trong mối tương quan với một tiêu chí. Nó mô tả theo cách xác minh được một cách khách quan các đặc điểm của hệ sinh thái hoặc một hệ thống xã hội có liên quan. Giá trị cho phép tối thiểu hoặc tối đa của một chỉ số được coi là giá trị ngưỡng (ví dụ cách định lượng hoặc định tính hoặc đánh giá việc thực hiện)... Một chỉ số được giả định bao gồm một giá trị thực hiện và do đó được gọi là một chỉ số thực hiện.	SHANLEY et al. 2002
	Cách đánh giá các chỉ số.	ISEAL 2004
Bảo tồn <i>nguyên vị</i>	Việc bảo tồn các hệ sinh thái và các sinh cảnh tự nhiên và việc duy trì và phục hồi các quần thể loài có khả năng sinh tồn trong môi trường tự nhiên của chúng và, trong trường hợp các loài được thuần hóa hoặc được gieo trồng, trong môi trường nơi chúng đã phát triển những thuộc tính đặc trưng của mình.	UNEP 2001
Kế hoạch quản lý	Một kế hoạch quản lý là một văn bản trong đó người quản lý nguồn tài nguyên hoặc ban quản lý đặt ra các mục đích và các phương pháp tiếp cận mà họ sẽ sử dụng để đạt được các mục đích này trong một khoảng thời gian nhất định. Kế	WINKLER 2008

Thuật ngữ	Định nghĩa	Nguồn
	hoạch quản lý FairWild đặt ra các tiêu chuẩn và thủ tục, trách nhiệm và thông lệ làm việc cần thiết để hoàn thành các Nguyên tắc của Tiêu chuẩn FairWild.	
Các điều khoản được đồng ý chung	Các điều kiện và điều khoản về tiếp cận và chia sẻ lợi ích, bên cạnh những vấn đề khác, được thương thảo giữa người sử dụng và người cung cấp và có sự tham gia của các bên liên quan khác.	SECO 2005
Lâm sản ngoài gỗ	Tất cả các loại lâm sản trừ gỗ, bao gồm các nguyên liệu khác thu được từ cây như nhựa và lá, cũng như bất kỳ sản phẩm động, thực vật nào khác.	FSC 2000
	Tất cả các sản phẩm sinh vật không phải là gỗ có thể được khai thác để phục vụ cuộc sống và / hoặc để kinh doanh. Lâm sản ngoài gỗ có thể đến từ rừng nguyên sinh và rừng tự nhiên, rừng thứ sinh và rừng trồng, như đã được xác định bởi các Nhóm công tác vùng của Hội đồng quản trị rừng.	FSC 2000
Nông nghiệp hữu cơ (nông nghiệp sinh học, nông nghiệp sinh thái)	Một phương pháp tiếp cận hệ thống tổng thể dựa trên một tập hợp các quá trình tạo ra một hệ sinh thái bền vững, thực phẩm an toàn, dinh dưỡng tốt, chăm sóc động vật và công bằng xã hội. Sản xuất hữu cơ, do đó, có ý nghĩa nhiều hơn một hệ thống sản xuất bao gồm hoặc không bao gồm một số đầu vào nhất định.	IFOAM 2004
Đơn vị điều hành	Một cá nhân hoặc một doanh nghiệp thương mại, chịu trách nhiệm đảm bảo rằng việc sản xuất đáp ứng, và tiếp tục	UNCTAD 2008

Thuật ngữ	Định nghĩa	Nguồn
	đáp ứng, tiêu chuẩn mà căn cứ vào đó việc cấp Chứng nhận được thực hiện.	
Nguyên tắc phòng ngừa; phương pháp tiếp cận phòng ngừa	Một phương pháp tiếp cận tới tính dễ thay đổi có dự phòng hành động nhằm tránh sự thiệt hại môi trường nghiêm trọng hoặc không thể thay đổi được đi trước sự chắc chắn có tính khoa học về sự thiệt hại này.	COONEY 2004
Nguyên tắc	Một luật hay quy định cơ bản, đóng vai trò làm căn cứ cho lập luận và hành động. Các nguyên tắc là các yếu tố rõ ràng của một mục đích.	LAMMERTS VAN BUEREN and BLOM 1997
	Một luật, học thuyết hay giả thiết toàn diện và cơ bản.	ENCYCLOPAEDIA BRITANNICA 2006
	Một sự thật hoặc luật cơ bản làm cơ sở cho lập luận và hành động; một quy định hoặc yếu tố thiết yếu.	SHANLEY et al. 2002
	Một quy định hoặc yếu tố thiết yếu.	BROWN et al. 2000
Đồng thuận trước	Sự đồng thuận đạt được bởi người sử dụng từ phía Nhà nước và các nhà cung cấp khác, tùy theo từng trường hợp, sau khi cung cấp đầy đủ các thông tin được yêu cầu, cho phép tiếp cận các nguồn gen và kiến thức bản địa của họ theo các điều khoản được đồng ý chung.	SECO 2005
Khu vực được bảo vệ	Một khu vực xác định về mặt địa lý được định rõ hoặc điều chỉnh và quản lý nhằm đạt được các mục tiêu bảo tồn cụ thể.	UNEP 2001

Thuật ngữ	Định nghĩa	Nguồn
Tiêu chuẩn	Một quy định, nguyên tắc hoặc biện pháp rõ ràng được xác định bởi người có thẩm quyền.	ENCYCLOPAEDIA BRITANNICA 2006
	Các nguyên tắc + các tiêu chí = Tiêu chuẩn.	FSC 2000
	Tiêu chuẩn thực tiễn = cam kết chính (các yêu cầu cố định / kết quả hoặc điều kiện cần đạt được trong tất cả các trường hợp có thể áp dụng được, áp dụng được đối với tất cả) + hướng dẫn (linh hoạt, được tôn trọng trong ý định và sẵn sàng để được áp dụng tùy theo các trường hợp, mức độ và lĩnh vực cụ thể), tài liệu hóa và báo cáo (để đem đến sự minh bạch cho việc áp dụng các cam kết và hướng dẫn).	SECO 2005
	Tài liệu cung cấp, cho mục đích sử dụng thông thường và lặp lại, các quy định, hướng dẫn hoặc đặc điểm đối với các sản phẩm hoặc các quá trình liên quan và các phương thức sản xuất, mà cùng với nó thì sự tuân thủ không phải là bắt buộc. Nó cũng có thể bao gồm hoặc giải quyết riêng các yêu cầu về thuật ngữ, biểu tượng, đóng gói, đánh dấu hoặc dán nhãn bởi vì chúng áp dụng cho một sản phẩm, quá trình hay phương thức sản xuất.	ISEAL 2004
Sử dụng bền vững	Việc sử dụng các thành phần của đa dạng sinh học theo cách thức và mức độ không dẫn tới sự suy giảm lâu dài đa dạng sinh học, do đó duy trì khả năng của nó trong việc đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng của các thế hệ hiện tại và tương lai.	UNEP 2001

Thuật ngữ	Định nghĩa	Nguồn
Quyền sở hữu đất	Các thỏa thuận được xác định chung do các cá nhân hay các nhóm nắm giữ, được thừa nhận bởi các quy chế pháp luật hoặc thông lệ theo phong tục, đối với "nhóm các quyền và nghĩa vụ" về quyền sở hữu, nắm giữ, tiếp cận và / hoặc sử dụng một đơn vị đất cụ thể hoặc các nguồn tài nguyên gắn với đất (như các cây đơn lẻ, các loài thực vật, nước, khoáng sản, v.v..).	FSC 2000
Loài bị đe dọa	Các loài động, thực vật được xác định là bị đe dọa trong các luật hoặc quy định hiện hành hoặc bởi Danh sách đỏ IUCN Các danh mục phân loại và Tiêu chí phiên bản 3.1.	IUCN 2001
Truy xuất nguồn gốc	Khả năng lần theo lịch sử, sự ứng dụng hoặc vị trí của bất kỳ chủ thể nào bằng phương pháp nhận dạng.	ABABOUC 2002
Chuỗi thương mại (chuỗi hành trình sản phẩm)	Đường đi của các nguyên liệu thô và sản phẩm, từ rừng tới người tiêu dùng, bao gồm tất cả các giai đoạn nối tiếp nhau của gia công, chế biến, sản xuất và phân phối.	FSC 2006
	Một hệ thống theo dõi cho phép những người đánh giá theo dõi từng sản phẩm rừng từ nơi xuất phát cho đến khai thác, chế biến, bảo quản và bán hàng.	SHANLEY et al. 2002

Thuật ngữ	Định nghĩa	Nguồn
Kiến thức bản địa, các sáng kiến và thông lệ	Kiến thức và thông lệ của một cá nhân hoặc tập thể, của người bản địa và các cộng đồng địa phương có liên đới tới nguồn gen và liên quan tới việc bảo tồn và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên sinh học.	SECO 2005
Quyền sử dụng	Quyền đối với việc sử dụng các tài nguyên rừng có thể được xác định bởi phong tục địa phương, thỏa thuận đôi bên, hoặc được quy định bởi các thể chế khác nắm giữ quyền tiếp cận. Các quyền này có thể giới hạn sự sử dụng các nguồn tài nguyên cụ thể ở các mức độ tiêu thụ cụ thể hoặc các kỹ thuật khai thác đặc biệt.	FSC 2000
Bộ kiểm tra	Mô tả cách một chỉ số được đánh giá trên thực địa (ví dụ các điểm dữ liệu hoặc thông tin làm tăng đặc trưng hoặc sự dễ dàng của việc đánh giá một chỉ số). Mục đích của quá trình này không phải là để mô tả một bộ kiểm tra tối thiểu, mà nhằm cho phép có các bộ kiểm tra đặc trưng cho vùng, sản phẩm, lớp, quy mô hoạt động v.v.. Các bộ kiểm tra bổ sung ý nghĩa, độ chính xác và thường cũng có thêm đặc trưng của địa điểm cho một chỉ số. Các thông số bằng số có thể được ấn định cho một bộ kiểm tra trên cơ sở trường hợp và địa điểm cụ thể.	SHANLEY et al. 2002
Quản thể có khả năng sinh tồn	Một quản thể có khả năng tự duy trì qua một khoảng thời gian nhất định.	
Thu hái từ	Hoạt động thu gom một nguồn tài	



Thuật ngữ	Định nghĩa	Nguồn
tự nhiên	nguyên bản địa hoặc tự nhiên không được gieo trồng từ sinh cảnh tự nhiên của nó.	
Người lao động	Tất cả những người làm việc tại một đơn vị bao gồm nhân viên, lao động cố định, lao động mùa vụ, lao động tạm thời, lao động di cư, lao động người nước ngoài, lao động không cố định và lao động ký hợp đồng phụ.	BIO FOUNDATION 2008
Sản lượng	Sản lượng có thể thu hái, thu hoạch được: khối lượng sẵn có tối đa cho thu hái.	Xem PETERS 1996
	Sản lượng bền vững: khai thác ở một tỷ lệ tương đương với tỷ lệ thay thế của nguyên liệu được khai thác, thường được đo lường bằng tỷ lệ tăng trưởng hàng năm.	ZABEL et al. 2003
Lao động vị thành niên	Bất kỳ lao động nào trên độ tuổi trẻ em và dưới độ tuổi 18. Để đơn giản hóa, Tiêu chuẩn này quy định độ tuổi là từ 15 đến 18 tuổi.	Lấy từ SAI 2004

Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ theo địa chỉ sau:

Ban Thư ký Tổ chức FairWild

CH-8570 Weinfelden, Weststr. 51

Thụy Sĩ

Tel: +41-(0)71-626 0 626

Fax: +41-(0)71-626 0 623

E-mail: [info@FairWild.org](mailto:info@FairWild.org)